

VĂN ĐỀ

Số 15 ● Tháng 10-1968.

PHẠM CÔNG THIÊN, DOÃN
QUỐC SỸ, LỮ HỒ, MAI
THẢO, THANH TÂM TUYỀN
PHẠM THIÊN THU, VIÊN
LINH, PHAN LẠC PHÚC,
HUỲNH PHAN ANH
PHẠM THIÊN THU
TỪ KẾ TƯỜNG
LÊ VĂN PHONG
THÀNH TÔN
A.D. SAKHAROV
VŨ KHẮC KHOAN
TÚY HỒNG

1	Thơ văn mùa thu
40	Trong mơ ước
49	Thơ
51	Trong vườn cây
64	Thơ mùa thu
68	Chung sống hòa bình và tự do trí tuệ
101	Những người không chịu chết
116	Những sợi sắc không

Chủ nhiệm sáng lập
VŨ CÔNG TRỰC
Chủ biên
VŨ KHẮC KHOAN

Thư ký tòa soạn
MAI THẢO
Ngân phiếu
Bà BUI THỊ HÒA KHANH

Địa chỉ mời của tòa soạn.

222 Trương minh Giảng SAIGON.

Ấn quán Đại học Vạn Hạnh Đ.T. 25.946

THƠ VĂN MÙA THU

DOÃN QUỐC SỸ, THANH TÂM TUYỀN, PHẠM
CÔNG THIÊN, VIÊN LINH, PHAN LẠC PHÚC, LỮ HỒ,
PHẠM THIÊN THU, MAI THẢO, VŨ KHẮC KHOAN.

BAY VỀ MỘT SỢI TÓC

Dưới kia, ồ, khói bay, mờ quá, không thấy gì nữa. Trên
đầu nó, tiếng kêu của một chim trắng rớt ngay vào hai lòng bàn
tay. Mười ngón tay móc vào nhau, chụm lại, bóp nát tiếng kêu
của con chim trắng. Gió đây sương mù ra ngoài kẻ biển, lòng
biển vệt hai ra, một ngách đen chạy dài gần tới rún.

- Mai này, tôi sẽ đi về hướng kia.

- Không.

- Ở lại chứ?

- Không.

- Tôi không bao giờ hiểu anh muốn gì.

- Tôi hiểu gió, tôi hiểu đá, tôi hiểu những con kiến.

- Những con kiến của quá khứ anh?

- Đừng lãng mạn.

- Tại sao sợ?

- Trắng?

- Dạ.

- Có cái gì trắng trong tên của cô?

- Không hiểu.

Về hướng tây, có cái gì trắng nổi lên trên mặt nước, ồ, khói bay, màu vàng đi nhẹ vào mặt nước ngày đó, cuối bãi một rừng quít đỏ, không phải, đó là một rừng mộng đỏ mà mỗi chiếc lá trên cành là mỗi một giấc mộng gửi lại trên ghềnh đá mười triệu năm trước.

- Mỗi chiếc lá là một giấc mộng đỏ gửi lại trên đầu ghềnh.

- Đừng lãng mạn.

- Tại sao không ?

- Trắng ?

- Dạ.

- Có cái gì trắng trên tên của cô.

Trên kia, ô kia, không khí thủy tinh, một trăm con ngựa phóng vào mặt trời, cánh đồng xanh trở mạ non, trời ơi, có cái trắng hay gì vàng trên kia, tôi đang điên hay tôi đã chết rồi, tôi đang nói chuyện gì với ai đó, tôi nghe tiếng nói, tôi nghe tiếng trả lời, không phải tôi đã tắt thở vào đêm qua hay sao ? Không phải người ta đã vuốt đôi mắt tôi cho khép kín ? Hẳn đã chết từ đêm. Một người nói như thế. Tôi còn nhớ, tôi vẫn còn trí nhớ. Không, tôi không chết, tôi đang bay, tôi, tôi, tôi, không phải tôi bay, mà một người bay, không phải một người bay, không, một cái gì vàng đang bay, không một sợi tóc, không, không phải, một chấm đen đang bay, không cũng không phải, không có cái gì bay cả, một hơi thở đang bay, không, ồ, khói bay ồ, mờ quá, à ời, xin ru chim trắng, à ời, xin ru mây vắng, một rừng mộng đỏ, ôi, những ghềnh đá, ôi thôi, biển đen, có cái gì đỏ nổi trên gió.

- Hôm nay tôi sẽ đi về hướng kia.

- Không.

- Về hướng kia, kia kia, về nơi kia, nơi chấm đen kia.

- Đầu ?

- Đó, chấm đen kia.

- Nốt ruồi đen.

- Về hướng nốt ruồi đen kia.

- Đầu rồi ?

- Một nốt ruồi đen.

- Đầu ?

- Hôm nay tôi sẽ đi về hướng kia, đi về nốt ruồi đen nơi cánh tay cô.

- Đầu ?

- Nốt ruồi đen nơi lưng cánh tay của cô.

- Có đầu ?

- Cô hãy đưa thuốc lên môi.

- Sao ?

- Cô hãy đưa thuốc lên môi.

- Tôi không hiểu.

- Khi cô đưa thuốc lên môi thì lưng cánh tay cô sẽ phô ra một nốt ruồi đen.

- Ồ, thuốc đã tắt lửa.

- Tôi sẽ đi về hướng kia, nơi nốt ruồi đen trên lưng cánh tay cô.

- Đừng lãng mạn.

- Vàng ?

- Dạ ?

- Có cái gì vàng trong tên của cô.

- Không hiểu.

- Cô thấy gì trong lòng tay tôi?

- Một sợi tóc đen dài.

- Nằm giữa những đường chỉ tay của định mệnh.

- Một sợi tóc rớt lại.

- Trong gian phòng tôi, trên bàn viết của tôi, một sợi tóc đen dài rớt lại, khi cô ngồi đó; rồi khi cô đi về thì sợi tóc đen ấy còn ở lại với tôi.

- Không có gì ở lại trên đời này.

- Có.

- Cái gì?

- Sự chết còn ở lại trên đời này.

- Tôi không hiểu.

- Khi tôi chết thì tôi sẽ đi về hướng nốt ruồi đen trên lưng cánh tay cô.

- Bằng một sợi tóc còn rớt lại.

- Và một màu trắng nổi lên ở hướng tây kia

Buổi sáng nở vào khung cửa kính, nó ngồi đây, đây cửa sổ ra và nhìn xuống đường phố, ờ, một sợi tóc và một chấm đen, một giấc mộng đỏ và một giấc ngủ vàng, tối đêm qua, khi ngồi uống rượu đỏ với Vĩnh tại quán cà phê ở ngay trạm métro nơi Place Jussieu vào lúc quá mười hai giờ khuya, khi những cơn bụi tuyết lấp trắng ngoài phố, hơi men bùng đỏ quán rượu vắng người, ngồi trên chiếc ghế cò trước quầy rượu, nó không muốn nói cho Vĩnh nghe về những nốt ruồi đen trên thân thể của người đàn bà, nhưng nó lại không im lặng và không đề cho Vĩnh kể cho nó nghe về một màu vàng nào đó của

Van Gogh và một màu trắng nào đó của Vermeer ôi, ô kìa, *‘những cơn tuyết rơi đầu tiên của mùa vắng mặt’*, hẳn lặp lại cho Vĩnh nghe một câu thơ của tác giả tập *Amers*.

- Mày cứ ở lại Paris, đừng đi đâu khác.

- Tao không thể ở lại được, tao phải đi.

- Tùy mày quyết định, nhưng tao bảo mày cứ ở lại.

- Tao không ở yên chỗ nào cả.

- Thằng Moscovitch vừa chết, đã chôn rồi.

- Tao đã biết tin ngày hôm qua, mày đưa tao đến nghĩa địa thăm nó.

- Chiều mai mày đến Malesherbes chờ tao ở quán rượu thường lệ, tao sẽ đưa mày đến Garenne-Colombes thăm mộ của nó, con Anna khóc quá, tao với thằng Tín có đưa đám táng nó.

- Hôm nào, rồi tao sẽ đưa đám táng mày.

- Sau khi đưa đám táng của nó rồi, tao uống rượu say cả đêm tao thấy tao sẽ đi trên con đường của thằng Moscovitch.

- Mấy bức tranh của nó, không ai còn nhớ.

- Không ai được quyền nhớ, không ai được quyền nhìn, nó hành diện kín đáo, lúc nó còn sống, nó không để cho ai nhìn thấy những bức tranh nó vẽ.

- Nó cũng giống như mày, cao ngạo ngầm.

- Mày uống thêm một ballon rouge nữa.

- Garçon, deux rouges...

- Et un demi...

PHẠM CÔNG THIỆN

ĐỌC VÀ ĐẸP

Tuần lễ vừa qua, trời đất thật đẹp. Và cũng thật đẹp. Đẹp đến nỗi làm dân Saigon ốm liềng xiềng. Không một bản tin nào nói đến nhưng người Saigon đều biết có một «dịch» cúm trong thành phố. May thay «cúm» Saigon không ác như «cúm» Phi luật Tân hay «cúm» Tây ban Nha chẳng làm ai chết cả. Bệnh chỉ làm người ta chảy nước mũi, khó chịu ngầy ngật. Người ta vẫn có thể đi lại, bằng những bước chệnh vênh thú vị trong một bầu không khí cũng hâm hấp bàng hoàng như thần trí. Cái đẹp của trời đất chính là ở chỗ nó đẹp, càng đẹp bao nhiêu càng đẹp bấy nhiêu. Mùa thu đó, mùa thu lúc nào cũng vẫn đục, cũng hoang mang, cũng chập chờn mộng mị, chính là lúc tiêu trầm hấp hối của vạn vật muôn loài. Nhưng đó cũng chính là lúc trời đất và lòng người nghe nỗi nhiệt âm vang kỷ niệm nhất.

Ngày về đêm, giờ khắc, cỏ và cây, mây và nước. vĩa hè về mặt đường, bỗng nhiên có những tiếng ngân vô cớ. Tiếng ngân như mối hoài cảm vu vơ. Đó là lúc của một cái tên không nhớ cứ kêu gọi hoài hoài, của một câu ca nhảm chán bỗng trở nên âu yếm vuốt ve, của một câu thơ vẫn đắm đuối trong quên lãng xuất hiện như bóng dáng lạ lùng. Đó là lúc phiền muộn và hân hoan thậm ư phi lý của cái gọi là hồn người là lúc chơi vơi và buông trôi trong nỗi niềm hư ảo gọi là vĩnh viễn. Ôi những giây phút «hiện tại bất tuyệt» kia những giây phút ấy không hiểu có phải là kẻ cận với cõi chết chăng?

Độc và đẹp. Không hiểu có phải đây là hai mặt của một đồng tiền quay tít? Trời đất thì tự nhiên, chẳng biết mình độc và đẹp. Riêng cái hồn người kia trên đường tìm kiếm tự nhiên đã bị nhốt giam vào một mớ ý niệm. Những ý niệm chông chênh, nặng nề, lờn ngòm như những tảng đá chết. Và chỉ cần một viên đá nhỏ xíu không đâu lăn rớt, có thể kéo theo cả một cơn tuôn đổ chấn động một vùng đất trời «Hồn người» kia làm cách nào không thương tích trong những cơn tuôn đổ tái diễn luôn luôn. Độc và đẹp cũng chỉ là hai ý niệm nhưng đó là hai ý niệm khá nặng.

Buổi tối vào tòa soạn, đọc bản tin điện đánh đi biết cơn bão Bess đang thổi trên các tỉnh miền Bắc Trung Việt, gây lụt lội tàn phá cho các làng mạc thành phố, nhưng ta vẫn chỉ thấy đêm đen huyền của tháng bảy đã ngớt mưa, ta vẫn nghe chiều vừa đi qua cùng một khúc «Thu Vàng» Cung Tiến và bóng dáng người đàn bà của những đêm choáng vầng tinh cò chạm mặt trên hè. Và những ngày kế tiếp, ta vẫn chỉ thấy cơn bão rớt làm đẹp cho thành phố buồn thảm, rải rác những vụ nổ, đám cháy và người chết.

Sáng nay trời đã có nắng nhưng gió còn thổi. «Dịch cúm» Saigon đã giảm. Đến hôm nay hình ảnh lụt lội tại miền Trung mới về đến tòa soạn. Ảnh một con phố ngập nước ảnh một mái nhà nằm giữa vùng nước, ảnh một cảnh phát chôn bánh mì.

Không hiểu anh Tổng Thư Ký Tòa Soạn sẽ đăng bức ảnh nào. Nhưng dù là bức ảnh nào cũng vẫn là nhảm, chẳng còn gây

nỗi mỗi xúc động của một ai. Bằng chứng suốt một tuần qua chẳng thấy ai đá động đến cảnh lụt lội miền Trung, trừ các bản tin rừng rưng lạnh nhạt. Việc cứu trợ cũng chẳng nghe nói đến. Tất cả đều nhàm, nhàm, nhàm, Sự đau khổ nhàm. Việc cứu trợ lại quá nhàm, Sự chia xẻ đau khổ với đồng loại, còn nhàm quá nữa. Anh H.V cầm tấm ảnh nói: Quê hương tôi đây, tôi xa vời quá... nghe như một câu vọng cổ hoài lang.

Ôi, ta còn gì đâu, Những chút hạnh phúc rất độc và rất đẹp. Những chút hạnh phúc dấm dúi trong hằng ngày. Những chút hạnh phúc buồn bã và khủng khiếp. Nhưng ta vẫn còn chút hạnh phúc ấy. Và còn uoài. Còn hoài như cơm bữa. Thế mới chán.

THANH TÂM TUYỀN

BÀI HỌC MÙA THU

Chiếc xe Mustang đang chạy vun vút trên một xa lộ trườn mình về phía ngoại ô San-Francisco trong xe có đủ ba người.

Tác giả: Chúng ta tới đầu cầu Golden Gate phải không các anh?

Người bạn I: Nó đấy.

Người bạn II: Cậu hãy lái vào công viên Golden Gate để anh bạn của chúng ta có cái nhìn tổng quát về chiếc cầu nổi tiếng của thế giới này

Chiếc xe lái vào công viên, kiếm chỗ đậu, máy ngừng nổ. Ba người bạn cùng ra. Gió biển thổi lộng

Tác giả: Kề ra cầu Golden Gate cũng chẳng dài cho lắm, nổi tiếng về cái gì?

Người bạn I: Cầu không dài, nhưng đây là một nhịp cầu treo dài nhất có thể thực hiện được trong lịch sử xây cầu trên thế giới.

Người bạn II: Nhìn Golden Gate anh nghĩ đến gì?

Tác giả: Tôi nghĩ đến những nhịp cầu giao cảm.

Người bạn I (cười lớn): Anh lại đi vào thế giới tượng trưng của anh rồi.

Tác giả: Xin lỗi các anh, nhưng thực tình đó là điều tôi bị ám ảnh đã từ lâu. Nào chúng mình lên xe để qua cầu chứ các anh.

Ba người lên xe. Máy nổ. Xe ra khỏi công viên lên cầu vun vút.

Tác giả: Giờ thì tôi thấy chiếc cầu như một chiếc thụ cầm vĩ đại. Chúng ta đang đi vào hai hàng dây của nó.

Người bạn I: Tôi mừng thấy anh đã ra khỏi thế giới tượng trưng của anh. Tôi thích hình ảnh chiếc thụ cầm anh vừa khám phá ra. Con người văn nghệ có khác.

Tác giả: (Với nụ cười buồn thoáng hiện trên môi. Con người văn nghệ thì khác khi gì!.. Tối hôm qua tôi lên phòng thí nghiệm của anh, nhìn các anh cho con chuột vào lồng kính ether, nhìn cách anh làm hô hấp nhân tạo con chuột bị xỉu, nhìn cách anh tiêm chất thuốc thí nghiệm vào mạch máu ở đuôi con chuột, nhìn cách anh sẽ tính số lượng chất phóng xạ qua bộ phận hô hấp của con chuột tôi còn phục con người khoa học ở anh gấp bội lần anh phục con người văn nghệ ở tôi.

Người bạn II: Thế thì bắc cầu giao cảm đi, cả con người khoa học và con người văn nghệ đều cần thiết cho xây dựng cuộc đời.

Tác giả : Nếu cuộc đời anh nói là nhân loại nói chung thì xin nhường công ấy cho con người khoa học. Văn nghệ chỉ là cái phản quang của đời sống cục bộ. Minh là người Việt. Văn nghệ của mình phản ánh nỗi đau khổ của cuộc chiến tranh tàn phá quê hương này, tất nhiên là vậy dầu muốn dầu không dù là những dòng thơ ghi ở San-Francisco.

Người bạn I : Cám ơn anh rộng lượng quá khen, nhưng tôi không tin rằng văn nghệ chỉ đơn thuần là cái phản quang của đời sống cục bộ. Tôi không biết diễn đạt ra sao. Tôi cần cứu anh, nhà văn nghệ, anh có thông cảm ý tôi không? Tôi nhất định tin rằng văn nghệ không chỉ đơn thuần là cái phản quang của một đời sống cục bộ.

Tác giả (mỉm cười trước vẻ hối hả của người bạn) : Tôi hiểu ý anh, vì ý anh cũng là ý tôi. Lẽ ra tôi phải nói văn nghệ thoát phản ánh đời sống cục bộ như dòng sông phản ánh đôi bờ, và dòng sông luân lưu, và đôi bờ luân lưu cảnh trí và dòng sông chợt thấy gieo mình vào lòng biển cả.

Người bạn I (đập mạnh bàn tay phải lên vó - lãng) : Anh nói đúng ý tôi !

Người bạn II : Thôi van ông, ông ơi, lái xe trên xa lộ Mỹ mà ông hào hứng bắt tử như vậy tôi mạng sớm ạ.

Người bạn I (cười huề) : Yên chí lớn mà, đi vào câu chuyện văn nghệ thì còn làm gì có ranh giới sống với chết nữa (với tác giả) phải không đại huynh ?

Tác giả : Chính vì bọn chúng tôi có khuynh hướng nhìn văn nghệ thoát hẳn là phản quang thực tại mà chẳng bao giờ bọn tôi hề có mặc cảm với bất cứ một nền văn nghệ nào trên

thế giới. Trái lại nữa ! Dân tộc mình với cuộc chiến tranh oan trái này, chúng ta phải là bậc thầy của nhân loại đau khổ ! Kể từ ngày đất nước chia đôi và những người di cư vào Nam mười bốn năm rồi còn gì. Sang năm nữa là mười lăm năm, «mười lăm năm ấy bây giờ là bao» cụ Nguyễn Du nhà thơ muôn đời của dân tộc và của nhân loại đau khổ tựa như với một linh cảm thần sầu đã đau khổ trước cái đau khổ của chúng ta hiện giờ !

Chiếc xe vun vút đi vào một thị trấn xinh xắn, với những hàng nhà kiến trúc nửa cổ kính nửa tân kỳ cheo veo trên sườn núi. Còn dọc theo phố chính thì những biển hàng phân nhiều mang những tên Pháp tên Ý.

Người bạn II : Đây là thị trấn Sausalito nơi có những tiệm ăn Pháp trứ danh nước Mỹ.

Xe đã rời khỏi thị trấn Sausalito. Quanh vào một xa lộ khác sát sườn núi trở về cầu Golden Gate, San Francisco. Núi vợi lấy tia nắng vàng cuối cùng còn thoai thóp tác giả chụp được cái gì.

Tác giả : Ô mới ngày nào mùa Xuân với «cỏ non xanh rợn chân trời» mà nay màu thu vàng đã ngòm ngợp con mắt rồi. Kìa miền Nam California này cũng có cây maple này,

Người bạn I : Có chứ, sao không.

Tác giả : Nhưng thu nơi đây lá maple vàng, trên miền Bắc sương thu lạnh hơn lá maple màu đỏ tươi góp phần rực rỡ với nhiều màu đỏ khác với nhiều loại lá khác. Ô kia lại có những cây oak này.

Người bạn II : Thì ở dưới miền Nam này cũng có cây oak chứ sao.

Tác giả (cười nụ cười thơ dại, cùng với tia sáng cuối cùng vừa tắt) : Loại cây maple cực kỳ ẻo lả, chỉ mới chớm thu là đã heo héo, ủa ủa đề chuyển sang màu vàng và rụng lá chã.

dần. Những năm còn ở trên miền Bắc mỗi lần thu về tôi cứ gọi đùa *maple* là nàng "yêu điệu thực nữ". Và mỗi lần *maple* đứng bên anh chàng *oak* trông thật tốt đôi. *Oak* cũng loài đa cảm, nghĩa là lá cũng sớm chớm vàng với thu tiết, nhưng *oak* cao, thiết cao, nên khi chàng đứng bên nàng *maple* thì ra cái điều nắng mưa che chở với tinh thần đạo đức của thơ « Quan thư » trong Kinh Thi.

Quan quan thư cưu,
Tại hà chi châu
Yêu điệu thực nữ
Quân tử hảo cầu

Cả ba người cười ò. Xe bắt đầu vào cầu Golden Gate. Gió vịnh bên ngoài thổi lồng. Biển đèn mênh mông San-Francisco bên kia cầu cũng gợn gợn về thu lạnh.

Tác giả : Còn một loại cây nữa tôi cũng thú lắm các anh ơi, đó là cây bạch dương *poplar*. Cây cao và thon, cành mềm như liễu mà lại gọn, vào thu lá vàng ươm, màu vàng càng rõ ràng, lồng lộng quý giá với tiết thu muộn. Nhìn bạch dương vàng ươm rừng mình lã lướt trong gió lạnh như hết hình ảnh những nàng cung phi tuy tuổi đã về thu nhưng vẫn giữ được vẻ đẹp trang trọng, cao quý, náo nức và đức hạnh.

Người bạn I : Anh đã có vẻ thích thu như vậy tôi đưa anh vào một cảnh thu đặc biệt nữa.

Tác giả : Ngay nơi đây ?

Người bạn I : Ngay nơi đây ! Nghĩa là con đường lên phòng thí nghiệm của tôi.

Tác giả : Tôi đã cùng anh lên đó mấy ngày trước đây.

Người bạn I : Nhưng đó là ban ngày.

Xe đã vào Skyway. Khu nhà trọ giới của San-Francisco ngang với tầm nhìn

của ba người bạn. Xe vào cầu Oakland đề sang bên Berkeley. Ánh đèn vàng lồng hai bên thành cầu soi tỏ đường đi trong sương mù mà không làm lóa mắt.

Người bạn II (gật đầu nói với người bạn I) : Cậu có lý, đưa anh bạn của chúng ta lên đồi sương mù nhìn cảnh thu sớm, tuyệt !

Xe đã ra khỏi cầu hướng về chiếc tháp cao của trường đại học Berkeley. Xe lượn vòng một khu nhà hình tròn.

Người bạn I : Đây là khu thí nghiệm nguyên tử xây cất đầu tiên của thế giới.

Xe tiếp tục ngược dốc.

Tác giả : Còn khu phòng thí nghiệm nguyên tử của anh trên đồi là khu mới xây cất ?

Người bạn II (dờ lời) : Và cũng là khu phòng thí nghiệm nguyên tử lớn nhất thế giới hiện nay.

Càng lên cao xe càng đi vào vùng sương mù mung lung. Người bạn I vừa lái vừa xuống kính xe.

Người bạn I : Tôi phải xuống kính xe một chút để các anh cảm thấy hơi thu lạnh từ ngoài ủa và o.

Người bạn I vội hãm xe lại. Dưới tia đèn pha chiếu chéch một chữ nai to đứng đĩnh qua đường, thấy một hốc đá, nép vào đấy và quay lại nhìn đèn pha, đôi mắt như hai viên ngọc lớn lấp lánh.

Tác giả : Trời ơi tuyệt ! Cám ơn anh nhé. Tôi hiểu, quả là một cảnh thu đặc biệt.

Xe lại vút lên. Người bạn I hãm thắng một lần nữa, chiếu thẳng hướng đèn pha vào một chữ nai vàng khác về ngơ ngác nép vào một gốc cây, mấy chiếc lá vàng, vừa lúc rụng xuống chao chát và thấp thoáng trong sương mù.

Tác giả (lắc đầu hoài hoài) : Cảnh thu trác tuyệt ! Cảnh thu trác tuyệt ! Nai người ta thả tự do vào khu công viên này sao, anh ?

Người bạn I : Đây đâu phải khu công viên. Đây là núi, đồi và rừng thiên nhiên thật sự vào lúc chớm thu đó thôi.

Người bạn II: Sở dĩ nai dạn người như vậy vì thu này người ta cấm săn bắn đó anh!

Xe đương lái vào một khu được phép đậu.

Người bạn I: Mời các anh ra ngắm cảnh thu.

Ba người chúng tôi lần lượt cùng ra khỏi xe đi vào màn sương trắng. Tôi nhìn xuống dưới, một mâm ngọc mênh mông nhiều màu trải rộng dưới chân tôi. Hai bạn tôi lần lượt chỉ cho tôi đâu là khu Oakland, đâu là khu Berkeley, đâu là tháp trường đại học Berkeley và đại lộ University Avenue rực sáng theo một đường kẻ thẳng và rộng trực chỉ về phía cầu. Các bạn tôi nói nhiều, tôi cũng biết tùy cơ phản ứng góp chuyện, nhưng nội dung câu chuyện ra sao tôi thực cũng không nặng lòng chú ý vì tâm trí tôi còn mãi suy nghĩ nhiều về bài học mùa thu. Bài học mùa thu đầu tiên tôi học được ở Hoa Phủ năm nào khi lần đầu tiên đặt chân tới đất nước này. Tôi không bao giờ tưởng tượng nổi mùa thu nơi này lại rực rỡ đến thế. Màu lá vàng ươm, vàng lộng giao hòa với màu đỏ rực. Một anh bạn trẻ ở tòa Đại Sứ đã chỉ cho tôi biết màu đỏ rực rỡ nhất duyên dáng nhất của lá *maple* vào dịp này. Người ta nói « mùa thu là mùa xuân thứ hai ở đó mỗi chiếc lá là một bông hoa ». Thảo nào mùa thu rực rỡ như vậy. Càng rực rỡ đẹp vì tất cả đều sắp héo rụng. Chúng làm dáng một lần cuối cùng, trang điểm một lần cuối cùng cho tạo vật trước mùa tuyết phủ mênh mông. Tuy nhiên tôi nhìn thấy trước mùa xuân sẽ nẩy mầm khởi sự từ những bông *crocus* bé bỏng lần nép dưới thảm tuyết, chúng nhô lên vừa đủ để đón nhận ánh sáng mặt trời và hé nụ cười kín

áo. Tôi yêu mùa thu rực rỡ chính vì vậy, vì tôi luôn luôn nhìn vạn vật luân lưu như một dòng sông, dòng sông mênh mông mà có bờ lũy, dòng sông xuôi ra bể mà vẫn trở về nguồn như câu thơ bất hủ của Tản Đà « Nước đi ra bể lại mưa về nguồn ! ».

Đã lâu lắm kể từ ngày dời miền Bắc vào miền Nam ẩm áp mưa nắng hai mùa tôi không được gặp tiết thu. Cho tới ngày đầu đặt chân tới Washington tôi thấy hồn ngọc trong một mùa thu rực rỡ ngoài sức tưởng tượng như vậy. Và hôm nay trước khi dời Tân Lục Địa này tôi đã vô tình bắt gặp một chớm thu khác. California, miền Nam, mùa thu không rực rỡ bằng miền Bắc, nhưng tình cảm tràn đầy về thu của tôi không vì thế mà vơi đi chút nào.

Phi cơ cất cánh hồi 10:30. Tôi nhìn lại tấm thảm ngọc mênh mông bên dưới là San-Francisco, đẹp một vẻ đẹp thần thoại và bỗng có cả giác như đang dự một chuyến du hành liên hành tinh đi sâu vào vũ trụ, ngược nhìn sông Ngân Hà. Phi cơ đã tới một cao độ khiến San-Francisco bên dưới bỗng biến thành một cánh đồng đồng bưng nở mơ hồ muôn vàn bông hoa *crocus* và tấm thảm tuyết thường lệ của mùa đông đã bị nung chảy cho lẫn vào màu hư không thăm thẳm.

Lòng tôi vơi vợi chiến thắng.

Bao giờ chúng ta cũng là những kẻ chiến thắng, nếu chúng ta biết nhìn trước thấy dòng luân lưu, thừa các bạn.

DOÃN QUỐC SỸ

THU TỤNG

Nghiêng tai nghe men reo trong nệm, ta ngẩng lên cao tìm trời xanh, mây trắng lững lờ in khói sóng, không trung mơ hồ trôi mỏng lung.

Một con ngựa trắng trên cỏ biếc, thân liễu buồn ru lòng nước trong, cò trắng vút cao chia trời xám, sương tan chấp chờn theo bước chân.

Hơi thu len vào trong tâm khảm, cỏ úa hay tóc ta úa đây, có ai xuống thuyền sang bến khác, có ai nhìn theo chầu đôi mây.

Mùa thu nào đây nơi xứ này, không gió heo may không lá bay, không tóc huyền buông dết tuổi bạc, chỉ còn bát ngát chút hương say.

Bàn tay em đan màu mây xám, Tim em đỏ giọt máu tươi hồng, hồn em hoang tàn trong khói súng, mùa thu còn chỉ mà chờ mong.

Bốn mươi tuổi đầu không sự nghiệp, ta ngồi đếm tóc đếm mùa thu, bốn mươi trắng rụng bên lầu vắng, nửa cuộc đời rơi xuống hận thù.

Đập tan bình cổ tìm men nóng, rượu toé vút lên trần hư vô, nhìn sáu biển tối tâm tư cạn, hồn ta là thành quách cổ đô.

LỮ HỒ

NÔI CÂY CỎ THU

Mùa thu là cả một tâm gian biêng biếc trong cõi giới mọi người. Những thanh âm, hình sắc, chuyển dịch của đất trời tháng bảy tháng chín, tất cả như một biểu hiện, như một sáng tạo, như một chiếc gậy rút đất quyền phép của tay thuật sĩ vân du; Rút thời gian vào không gian. Rút ý thức vào mặc thức. Rút hiện thể vào vĩnh thể. Rút vũ trụ vào con người... Đề làm nên chiếc nôi hiu hắt êm đềm, mang mang thần thức. Chiếc thía khóa cầm ngọc đã mở tung hiện tại trước cửa, ngõ thiên châu : Mùa thu !

Hai mươi tám năm mọc cánh và bay. Tuổi trẻ của tôi đã đậu xuống trong một trang trại đá trắng, vùng rừng núi nằm bên con đường 18, nối hai thị trấn Phả Lại- Đồng Triều. Tỉnh Hải Dương. Huyện Chí Linh. Làng Chi Ngải. Xã Yên Mô. Với ngôi đền Thánh hóa trong rừng. Mảnh núi cha tôi xin khai khẩn và ông, năm một chín năm mười, đã nghỉ lại vĩnh viễn ở đó, nằm trên con đường nhỏ đất son, nối liền làng xã cách nhau vài chục cây số đơn độc. Khu núi đó đối với tôi bây giờ trở nên cây dương cầm gỗ biếc, với những âm ba vang vọng hắt hiu : Đèo ọe ngựa — Làng Đa cóc — Dãy Chòi hồ — Cửa bảy mươi — Trại Chín thượng, trung, hạ — Chóp Mai sru — Khu cò vẹt — Bờ tu — Trại sắt — Giếng mắt rồng — Đền Mẫu và rừng cấm Hồ sếu — Đồng châu, suối khe Nghè năm — Cầu giồng ... Những nốt trầm bémol đó, đã làm nên tâm hồn tôi một thứ đất quý của núi. Một tình yêu trải dài gần suốt Việt nam — Cỏ vẹt — Sài Gòn.

Thủa đó, với một chú bé dân già, tôi chưa có ý thức phân chia ranh giới mỗi mùa, Tôi chỉ ý niệm mơ hồ về những ngày sau mặt trời viêm nhiệt. Trời xanh xám như vách núi. Trên từng mẫu cỏ may trắng phơ, cơn mưa bụi giăng giăng từ chiếc nón mây mù của ngọn Mai suu - Tuấn Mộc. Đôi khi nghe cha mẹ tôi nhắc lại hình ảnh chiếc đầu lâu hực hực. Khuôn bánh ngọt trung thu phưng phức bột thơm của xa xưa nào đó, từ một thành phố cửa biển Hải phòng. Tôi cũng chỉ có thể tưởng tượng được: Chiếc đầu lâu chắc cũng giống đầu chó Quýt, và chiếc bánh kia chẳng khác gì chiếc bánh bò ngoài chợ đâu? ! Những ngày đó đối với trang trại tôi, sau khi mặt trời tắt như một đồng lửa sười. Những người trong gia đình tụ lại hơ tay quanh chiếc lò lớn giữa nhà. Tôi nằm một bên ò rơm cười vắn vợ khi bóng mặt mũi chị tôi méo mó, khô hải ở trên bức tường đất. Rồi, cơn ngủ thiếp đi với con mèo đen Đì đụt trong chăn. Có đêm thức giấc trong ánh lửa sười chập chờn, cả vợ chồng mèo và bảy con nhỏ đã tha nhau đến ngủ với tôi từ bao giờ? Thao thức nằm nghe tiếng nai tặc lên từ đồi cỏ xa cùng ngọn gió quất vù vù ngoài cửa. Tôi chột sọ, và chuyển cả vợ chồng con cái Đì đụt vào trong chăn, đắp kín lại. Tôi luôn tay tranh một chiếc vú với mèo con, chất sữa ươn ướt khiến tôi có ý nghĩ thử bú một cái xem nó làm sao! ? Bây giờ nghĩ lại tôi vừa buồn, vừa cười, đúng là buồn cười. Đều rồi, những ngày càng về gần tết, thời tiết càng lạnh. Cây cối khắc khổ vắn mình. Chim núi thưa khúc ngợi ca. Chiếc nồi hông đầy thịt gà, của những con ngủ gật ban ngày thu lạnh. Bát cơm sớm bốc hơi bên lửa ấm với những miếng thịt đồng vàng ngậy, mỡ tan thơm phức, bát cơm và vọi

gây vị giác miên man. Kể đến những bữa trưa, bữa chiều đạm bạc: Đĩa dưa cải vàng chua. Nồi cá rô kho trám đen đốt vùi trong đồng trấu. Những con cá vượt ruộng tìm nước, nằm cồng trên bờ. Được đem kho từ sáng qua, vùi lửa đến sáng nay mới ra. Bây giờ nằm cong cớn. Chỉ cần đề trên lưới giập nhẹ. Xương thịt tan bùi. Vị giác kéo dài xuống tận cổ họng. Dưa chua, cá thơm, trám bùi, nước mắm cáy phưng phức đỏ như bát son đất. 18 năm rồi, còn khiến tôi nuốt nước giải khi viết bây giờ. Những ngày thu lạnh của tôi, hoàn toàn làm nên bởi những bữa ăn, bát cơm nguội chan nước dưa chua và bảy mèo nhỏ đại.

Trong một bữa thụ trai, tôi vui miệng hầu chuyện quý thầy bạn miền Nam về những món ăn vùng quê Bắc Việt. Một vị nói: « Nghe chuyện thầy, tôi gấp miếng khò qua kho đen, cứ nghĩ rằng mình đang gấp cá rô, mới chết chứ! » Tôi thực sự cũng ảo giác như vậy, và bữa cơm ngon miệng hơn!

Nếu thế giới ý niệm con người chỉ là ảnh tượng của 18 giới nhận thức dưới chủ đề Mặt Na. Ngược lại vũ trụ cũng chỉ là bóng dáng của chúng tôi trong A lại Da thức hiện hành. Thì cả vùng rừng núi trang trại kia đã tạo nên cái tôi tâm lý, và tôi sẽ chết chịu nó đến mãi bao giờ!

Mùa thu này, mộ cỏ cha tôi nằm trên đồi Cầu giồng và những cổ xương thú thân thuộc chôn từ trang trại. Biết nhờ ai đốt cho năm lửa hồng?

PHẠM THIÊN THU

MƯA

Tôi cố gắng để hình dung trong lúc này một vài cảnh sắc của mùa thu, một mùa thu đã qua chẳng nữa, nhưng không một cảnh sắc nào hiện lên được. Có thể là, trí nhớ của tôi lúc này là một tấm màn trắng xóa, có thể là tôi chưa bao giờ được sống những ngày thu. Hay khi vừa chợt thiếu niên tôi đã rời đất Bắc, để chưa kịp thấy một Thu Vàng mà Cung Tiến đã thấy. Để chưa nghe một xào xạc mà Lưu Trọng Lư đã nghe? Rồi trường bay Cát Bi, cuối đông năm gần 16 tuổi, bộ mặt tôi còn trắng nhợt dưới cánh tay người mẹ góa. Tôi biết gì về thu, mùa của những giây tơ se sắt, của những cửa sổ chờ mong của những buổi chiều heo may một chút nhớ, của những thuyền ai lơ lững theo dòng?

Mùa Thu lại không bao giờ là của niên thiếu. Tuổi nhỏ đi trong mùa thu cũng như trái tim non bên người sương phụ. Mùa thu là của những vầng trán ưu tư, những đôi môi ngậm thuốc lè đường thành phố, những con mắt ngơ ngác dưới một mái hiên u tối, tôi tưởng tượng. Mùa Thu là của một mối tình đã mất, một giao kết dở dang, của hai hình bóng chia xa nào đó trên một con đường gió chỉ lạnh như hơi, sương chỉ mờ như bóng, tôi tưởng tượng. Những đêm nay thu sáng của Đặng thế Phong, những ao thu trong vạt của Nguyễn Khuyến, tôi chưa biết thực tình, chưa sống với những đôi thay nghe được sự khác lạ trong lòng lấy một lần, lúc trái tim đã rộn ràng với đôi môi hồng nào đó của một người con

gái Hà nội, với mái tóc sau lưng nào đó và dáng đi khó nói nào đó của một người con gái Huế. Tôi chỉ sống những tháng mùa Thu miền Bắc ở Sài Gòn, ở Ban mê thuộc, tôi chỉ thấy xâm xập mưa rơi và tầm tã nước xối. Tôi yêu Thu của Miền Nam trong trái tim xối xả Sài Gòn.

Tối hôm qua tôi vào quán nước đó một mình trước khi trời đổ cơn mưa lớn. Trong khi băng ngang đường dưới giọt những nước mỗi lúc một liên liên nổi theo nhau, tôi cảm thấy cái lạnh đã chạm vào da thịt, qua một lần áo sơ mi và một lần áo chiếc blouson nhựa. Đầy chiếc cửa kính bước vào trong quán, tôi không nhìn thấy một bộ mặt quen nào. Có một chút im lặng, lẻ loi. Tôi chọn một bàn có thể ngồi đó nhìn ra phố và có ý tìm một người bạn không hề hẹn. Chúng tôi không hẹn nhau song lại thường gặp nhau ở đây. Lúc đó có một mình, tôi thấy thiếu. Nhưng mỗi sáng, khi có đồng bạn bè tôi lại thừa. Chúng tôi có quá nhiều, vượt khỏi sự cần thiết để nói ra những điều chín chắn, nhưng lại không đủ để làm nên một sinh hoạt. Văn vẻ trên bàn trà, bên ly cà phê kẻ cũng được, nhưng tất cả chỉ có thể. Không khí hội quán thường làm bốc đồng những anh vốn chỉ loay hoay trong ảo tưởng vinh quang một mình, và anh bịa đặt ra những giai thoại kỳ lạ để châm chọc và để được đóng vai một kẻ ngồi đầu bàn. Một hoạt náo viên luôn luôn cần thiết cho đám đông, cũng như một anh hề thường thấy giữa hai màn cải lương trong rạp hát. Nhưng mỗi ngày người ta có quá nhiều thì giờ

entr'acte đến nỗi tất cả chỉ là *entr'acte*. Màn kịch chính không phải là màn của anh. Màn mở khi anh ra khỏi quán.

Tối hôm qua ngồi một mình, tôi không ngồi để tránh mưa. Tôi thích mưa nên không phải tránh. Thường thường nhìn mưa trắng đầy trước mặt, tôi biết là tôi đang sống những ngày đi đến cuối năm. Mùa Thu. Một chút men mọc trên gỗ tạp, một khác lạ trong lòng. Những cái thiếu nao nao, những cái thừa chán ngán. Làm sao gạt bỏ sự thừa thãi và vun đầy sự thiếu thốn lúc này. Dường như Thanh Nam có viết một lời nhạc cho Phạm đình Chương: Trong mưa miền Nam nhớ Thu xứ Bắc. Tôi nhớ như đã được nghe như vậy. Hôm nay nghĩ đến Thu, tôi nhìn mưa nhớ mưa một cách nồng nàn. Một đoạn thơ cũ trong tập *Hóa thân*:

Saigòn, Saigòn, mưa năm năm rào rào tiếng vọng,
mưa âm thầm gõ hẻm ngoài ô. Tôi thả tôi buồn chán
trở về. Ôi Chi Hòa, Chi Hòa, Ôi khu rừng cao su đã cháy,
ôi ụ đất đã san, ôi tôi rời rã. Chi Hòa, Chi Hòa,
mưa sân nhà em rì rào tiếng hát. Con ngựa nào qua,
cỗ xe nào đổ, âm thanh nào lủi xuống bàn chân. Ôi em
thân yêu nước mắt ngọt ngào, ôi tình duyên đã lủi con
đế mèn lớp cát nhà xưa.

*Giọt nước rơi mưa đổ rạt rào. Núi đèo xưa truy
niệm chúng ta.*

VIÊN LINH

TRÈO LÊN CÂY BƯỚI

Trong những thứ cây trồng ở trong nhà tôi cho cây bưởi là đáng yêu hơn hết. Nó không to lớn quá như cây mít cây xoan mà cũng không thấp lè tè như cây na, cây ổi. Cây bưởi vừa vắn, cao mập mé đầu hồi, cành toả hình nan quạt, lá hình bầu dục dày mà xanh.

Hằng năm mỗi khi sương muối bắt đầu đổ xuống cây xoan cây mận trơ cành trụi lá thì cây bưởi vẫn xum xuê, xanh tốt như thường. Kề về lá thì thật ra lá bưởi không đẹp bằng lá na, cây na thường mọc lòa xoà bên cửa sổ mỗi sáng ánh mặt trời chiếu xuống, lá na xanh nõn và trong suốt như một tờ ngọc thạch. Nhưng lá na là một ảo tưởng. Hãy nhìn mà đừng hái. Mùi lá na ngai ngái cay ừng. Mùi lá bưởi cũng cay, nhưng cây mệ về rất dịu dàng, êm ái. Kề về thân cây, thì cây bưởi không thẳng bằng cây xoan, không lớn bằng cây mít. Nhưng thân cây mít cây xoan đều xù xì gai góc. Không có thứ thịt da thảo mộc nào sánh được với vẻ một nà êm mát của thân cây bưởi.

Cây bưởi là một thứ cây thơm. Lá bưởi thơm, cành bưởi thơm, đặc biệt hoa bưởi thơm hơn hết, theo ý tôi trong những loại cây ăn trái. Hương hoa bưởi là một thứ hương lãng mạn tự nhiên mà của ca dao đồng nội «Trèo lên cây bưởi hái hoa» Hương hoa bưởi còn là một mùi thơm «sức nức hương lần» nhà

minh có một cây bưởi là mùa xuân thơm khắp cả nhà mình, thơm khắp cả nhà bạn bè chòm xóm...

Cây bưởi khai hoa mùa xuân, kết trái mùa hạ và trái chín vào mùa thu. «Tháng tám nắng dầm trái bưởi» ngọn lửa Hạ cuối mùa làm chín trái cây, và sau đó thực sự mùa Thu mới tới. Tháng bảy tuy gọi là vào thu nhưng trời đất âm u ảo não dưới những trận mưa Ngâu tầm tã. Mưa Ngâu càng nhiều thì con nước từ nguồn đổ về càng lớn. Mực nước sông Hồng rầm rộ dâng cao. Tôi còn nghe thấy trong tiềm thức tiếng mùa rơi đều đặn trong đêm hòa cùng tiếng tù và, tiếng mõ, tiếng trống ngũ liên của dân làng gọi nhau đi hộ đê mùa nước lớn. Mùa thu của chúng ta đâu có bắt đầu như vậy. Mùa Thu «hoang đường thần thoại», thực sự khởi đầu khi giọt lệ của Chức Nữ Ngưu Lang vừa dứt, trời vén mây cao, cơn nắng cuối cùng làm chín trái bưởi đầu nhà cùng một lúc với ngọn gió heo may đầu mùa thổi tới. «Hôm nay mới thật là thu» mùa thu lặng lẽ của Nguyễn Khuyến, mùa thu lau lách đìu hiu trong Tỳ bà Hành, mùa thu «ngô đồng nhất điệp lạc» trong thơ Trung Hoa, mùa Thu vàng tẻ tái của Cung Tiễn.

Trong cái không khí đó, tôi đi hái bưởi đầu nhà. Trái bưởi no tròn như một niềm hạnh phúc. Hạnh phúc vừa qua một cơn hồng thủy, hạnh phúc được sống trong một thời tiết thuận hậu sau cơn thịnh nộ của đất trời. Bưởi nhà tôi là một loại bưởi đào. Vàng dầm bên ngoài, hồng đỏ bên trong như «con tôm», mọng nước xúm xít trong những múi bưởi hồng hào dày dặn. Hương vị của trái bưởi theo tôi cũng hết sức là «trần gian». Cùng một

cây mà tùy tay người — có người bỏ ra thì ngọt, có người bỏ ra thì chua, có người bỏ ra thì đắng. Nó cũng đầy đủ về ngọt ngào, chua cay, đắng chát của cuộc đời.

Bây giờ trước xâm lăng của Văn minh «xi măng», trước sự mọc lên nườm nượp của các tòa nhà đóng hộp, tôi ao ước được sống trong một căn nhà có cây bưởi ở đầu hồi. Có một cây bưởi đề mùa Xuân trèo lên làm một cuộc hồi tưởng lãng mạn, mùa Hạ mắc một cái võng nằm dưới tàng cây cho quên đi những nồng nực của thời tiết, mùa Thu hạ trái bưởi ăn một thứ hoa quả trần gian, mùa Đông lấy lá bưởi ép vào thịt cá, nướng lên vui vầy cùng bạn hữu.

PHAN LẠC PHÚC

CON ĐƯỜNG QUA RỪNG

Những chùm lá trên đầu, dày đặc, im phắc. Con đường nhỏ nằm dưới những chùm lá âm u và tối thâm. Tháng chín của rừng xanh biếc và đen. Tôi không nhìn thấy một phiến lá rụng nào. Mùa thu của rừng không vàng, không rơi, mà nín lặng, ngọt ngát dưới những mái lá kín mít tầng tầng dăng lưới. Tôi thở chung một nhịp thở của rừng. một nhịp thở quân và nặng, giữa vây bọc dồn ép của hơi rừng choáng váng. Rừng đang đồ mồ hôi trên muôn triệu lỗ chân lông đầm đìa. Mùa thu tới và rừng đang ngậy ngất sốt. Tôi nghĩ là gần chỗ tôi đứng, đâu đó, phải có một giòng suối thật độc chảy qua. Nước suối lạnh tanh rừng rợn xương tuỷ, vẫn vẫn cái rữa nát tích lũy nhiều mùa

của lá chết theo giòong. Thiên nhiên không chỉ có những phổ sao và những đường hương. Thiên nhiên còn có những cống rãnh sinh thối là những giòong suối độc tôi đã gặp những năm nào ở cuối đáy Nho quan và buổi trưa mùa thu năm đó, trên một con đường rừng mát hút dưới một bóng núi Thanh Hóa.

Bỗng một tiếng động lạ tai nổi lên ở ngoài cửa rừng. Tiếng động của một khu vực khô khạo và khô cứng. Tiếng động của một thứ va chạm hụt hẫng dội đập loạn choạng thoạt đầu khởi lên ở thật xa rồi lớn và gần lại dần dần. Một phút sau tôi đã đứng trên một gò đất cao, và nhìn thấy trên con đường trải đá người thương binh thứ nhất. Con đường ấy lượn quanh một quả đồi nhỏ. Người thương binh đầu đoàn chống nạng leo lên. Dừng lại. Và thở. Cái nạng gỗ vàng tươi màu gỗ mới kẹp chặt vào nách anh ta chống đỡ cho một đường vai gầy rủ liệt. Cái sự sống sụt được chống giữ cực nhọc cho đứng thẳng bởi một cây nạng cắm chặt trên đất rừng ấy vừa đứng lại, thì bóng người thương binh thứ hai từ sau quả đồi trọc hiện ra. Rồi người thứ ba. Người thứ tư. Trong khoảng khắc, tàn phế và thương tích thời chiến đã lần lượt hiện xong trước mắt tôi thành một hàng dài. Tới chỗ người thương binh thứ nhất đứng lại, cả đoàn người cũng đứng lại theo. Nạng gỗ ngừng khu vực cầm chi chít trên đoạn đường rừng đột ngột rơi chìm vào một bàng hoàng im lặng. Không bao giờ tôi quên được cái cảnh tượng lạ lùng đó. Đám người ấy không nói với nhau một lời nào. Họ cùng đứng đó, bên cạnh nhau, sát vai, sát lưng, nạng kề nạng, nhưng không nói, cũng chẳng ai nhìn nhau hết. Họ đứng đó. và thở. Thở. Thở. Rừng rậm chấm dứt với con đường đá. Phía bên kia đường là một thứ thung lũng thấp trũng, phút đó đã mờ

mờ hơi sương. Bên kia thung lũng những triền núi trùng điệp của Thạch Thành đã tím lại. Một vài tảng mây sau vài đỉnh núi. Cảnh tượng trời đất tháng chín vào chiều toát ra một vẻ gì ngưng đọng, mà lắng nhận lâu kỹ, thấy từng lớp dồn đánh vào cảm giác khàn trương như những luồng điện ngầm dữ dội. Nhưng đám thương binh thì hình như xa lạ và cách biệt hoàn toàn với tạo vật sinh động quanh mình. Nhiều phút trôi qua. Những phút tròn và vút nhọn và cứng trôi từ đỉnh núi xa, đọng lại nơi khằng khiu nghiêng đổ những cây nạng cắm chặt, lách đi và mất hút. Rồi cái tiếng động lạ tai lại nổi lên. một tiếng, thêm một tiếng, thành một rừng tiếng động què. Đám thương binh đã thở xong rồi. Họ thở bằng tỳ lên nạng. Họ thở bằng gục đầu xuống. Họ thở bằng mất một tay lia một chân, mù cả hai mắt bịt băng, cụt cả một đùi treo hẫng. Nhưng họ thở. Tập thể. Và đã thở xong. Chiếc nạng gỗ thứ nhất nhấc lên, làm hiệu cho một rừng nạng loạn choạng dò tới. Tôi đứng chôn chân trên gò đất, nhìn cái rừng nạng di động trên con đường núi khuất lánh và tôi nghĩ đến một cánh rừng. Một cánh rừng quái đản, mỗi cây nạng vượt qua mặt tôi là một loài cây. Cái cây không rễ, không lá, trong khai sinh dị thường đã có mầm hủy diệt què cụt, mọc trên những vùng đất đai nhàu nát, tưới dầm bằng máu và nước mắt lênh láng chan hòa trên Việt Nam chiến tranh. Cánh rừng kinh dị đó đang chuyển qua trước mặt tôi và buổi chiều mùa thu Thanh Hóa như chết cứng lại trong một súc động bàng hoàng và đột ngột. Những đám mây treo hẫng trên những viền núi. Im lặng dịu dàng của tháng chín giữa rừng mát biển, nhường chỗ cho

thứ âm thanh chất chứa đó là điệp điệp hàng hàng những tiếng nạng vấp vấp trên mặt đá đường rắn danh. Đoàn người lầm lũi bước qua. Không một ai nhìn thấy tôi đứng nhìn trên gò đất. Người đầu đoàn đã tới cuối đường. Bờ vai anh ta gầy, manh áo nâu lá lay trên cánh tay cụt. Cái bóng dáng bất toàn của anh xa nhỏ dần dần trong bóng chiều xuống thấp. Rồi là anh thương binh cuối đoàn đi tới. Khuôn mặt anh thương binh cuối đoàn này ngửa lên như muốn hứng đón lấy cả một vùng trời mùa thu bát ngát trên đầu. Anh ta trẻ măng. Chưa mười bảy mười tám tuổi là cùng. Nét mặt hiền. Đôi mắt anh ta mở lớn. Cái nhìn vô tội ngơ ngác. Vừa tới trước mặt tôi, bỗng anh ta cúi đầu như muốn ngã xấp xuống. Cái nạng gỗ đã đặt nhằm vào một khoảng trống, anh thương binh trẻ mất đà cố gắng gượng lấy lại một thế quân bình và cố gắng này làm cho anh ta nhăn mặt đau đớn. Giây phút đó, tôi mới nhìn thấy vết thương của anh ta. Một trái lựu đạn nào nổ ngang tầm đầu gối trên một chiến trường nào đã cưa đứt chân trái anh ta, cưa sát tới bẹn. Cái ống quần lủng lảng, quét lết trên nền đá. Vết thương còn nguyên. Máu thấm loang từ trên quần xuống tới gối, và những giọt máu nhỏ xuống mặt đá đường theo nhịp di chuyển của người.

Tôi bước vội từ trên gò đất xuống. Sau cố gắng phi thường người thương binh trẻ tuổi chừng như không còn một mảy may sức lực nào nữa. Chừng như anh ta đã kiệt quệ hoàn toàn. Chừng như những giọt máu thấm hồng đời sống đang nhỏ ra từng giọt, từng giọt không ngừng kia đã nhỏ xuống không biết bao nhiêu sỏi đá dọc đường của một con đường không

cùng không tận, và trên thước đường anh ta vừa đứng lại, cuộc sống trút thoát mong manh chỉ còn là cây nạng cắm nghiêng. Và cây nạng đó cũng sắp rời khỏi tay người, sắp văng đi.

Tôi đưa tay, vừa vịn đỡ kịp cái thân thê run rẩy muốn ngã vật xuống. Người thương binh trẻ tuổi há miệng thở dốc, mái tóc anh ta rũ rượi, ướt đầm mồ hôi. Tôi nhẹ nhàng nhắc đầu nạng gỗ lên khỏi cái hố đá. Chiếc nạng đứng thẳng lại, đỡ người thương binh đứng thẳng được lên. Anh ta mở mắt, nhìn tôi. Và không nhìn thấy gì hết.

— Anh về đâu?

Một cái hắt hàm trả lời tôi chỉ về một phía mặt mừng trước mặt. Tôi nhìn theo. Không một bóng nhà. Chỉ là con đường núi đá thăm màu dưới dáng chiều xuống thấp mất hút về phía những triền núi tím thẫm. Đây nhẹ tôi ra, người thương binh trẻ bước tiếp. Chiếc nạng nhắc lên, thận trọng dò tìm một mặt phẳng của con đường mà bóng núi và sương mù bắt đầu làm cho nhòa nhạt. Những tiếng nạng ném trả lại chỗ tôi đứng một lần nữa. Một lần cuối cùng. Những cái bóng mất dần cho đến khi tôi không còn nghe không còn nhìn thấy gì nữa. Đoàn thương binh hiện ra, tới gần, đi qua và mất hút, những hình ảnh và những âm thanh, những giọt máu trên đường, những chiếc nạng gỗ mới, những phát phơ tay cụt và những lá tả chân gãy kia chỉ còn là một ấn tượng, một giấc mộng.

Lúc tôi trở về tới căn nhà sàn của gia đình anh chị Định ở phía bên kia cửa rừng, một đêm miền núi đã xuống. Căn nhà nằm ẩn dưới những hàng cây lớn. Tôi bước trên từng bậc thang rung rinh. Vai áo tôi tự một lúc nào đã ướt đầm sương mùa. Những giọt máu của người thương binh nhỏ trên đường

đuôi theo ý nghĩ tôi, sáng rực thành từng điểm sáng chói gắt, long lanh trong đầu óc choáng váng, nhức buốt. Tôi đứng lại trên đầu thang, nhìn chung quanh. Lửa trong nhà sàn đã được thấp lên. Ánh lửa lung linh lay lắt, ném cái bóng tôi tan vỡ trên những chùm lá to bản buông rủ kín khắp một phía trước nhà sàn. Một vùng rừng và trùng điệp núi của cả một vùng Kim Tân Thạch Thành chìm hẳn vào một thứ đêm tối rậm rạp đặc quánh. Tôi lại thấy tôi thở chung trở lại với cái thứ hơi thở đó của rừng. Một thứ hơi thở quẩn và nặng. Sương xanh biếc khắp bốn phía. Căn nhà sàn như trôi nổi lơ lửng trên một biển sương thấm lách vào rừng gốc cây, từng kẽ lá.

Chị Định ngồi thu mình vào một góc nhà. Ánh lửa sàn vờn múa trên những đường rãnh và trên quầng mắt của khuôn mặt chị xanh như tàu lá. Từ ngày khởi chiến, chị Định đem gia đình tản cư khỏi căn nhà cổ của gia đình chị ở cuối đường Hàng Bông Thợ Ruộm trong Hà Nội tới sống những ngày tháng đầu lạnh lẽo dưới bóng núi chùa Hương, rồi tản cư nữa, di chuyển nữa, cho tới khi tới vùng Kim Tân Thạch Thành, rất nhiều mùa thu hắt hiu của núi và thê lương của rừng đã phủ xuống mái tóc của người đàn bà thành phố nổi tiếng thanh lịch một thời. Tôi đeo bạc đà trên vai, đi cùng khắp những ngã đường, những lúc được tin gia đình chị Định ở đâu, lại tìm tới thăm chị và ở lại dưới mái nhà chị một vài ngày. Anh Định làm giám đốc một viện bảo chế. Chị Định lặng lẽ theo chồng, theo cơ quan. Và xa dần mái căn nhà của chị ở cuối đường Hàng Bông Thợ Ruộm.

— Em đi đâu về?

— Ra ngoài cửa rừng.

Tôi ngồi xuống, hơ tay trên ánh lửa. Mới tháng chín, mới dấy mưa phùn, mới chớm heo may, mà đêm mùa thu vậy quanh một mái nhà sàn và ngói lên từ một biển sương mù đã lạnh buốt. Tôi nhìn những ngón tay tôi. Những ngón tay gầy. Tôi nhìn cái bóng tôi và cái bóng chị Định trên vách. Những cái bóng đó ngã giữa cùng thẳm của một cánh rừng lạ, một miền núi lạ. Hình ảnh của những người thương binh gục đầu trên nạng trở lại trong ý nghĩ. Tôi kể cho chị Định về những hình thù và những điệu dáng của thương tích què quặt và chiến tranh in dấu tôi vừa gặp trên một con đường đá trước cửa rừng.

Chị Định nhìn ngọn lửa:

— Họ từ khu ngoài vào.

— Chắc đã xảy ra nhiều trận đánh lớn.

— Phải. Nhiều trận đánh lớn.

Trên những địa hình Việt Nam, không có gì nữa. Chị còn những trận đánh lớn. Khuôn mặt trẻ thơ vô tội của người thương binh cuối đoàn nói cho tôi biết thật nhiều về thế nào là những trận đánh lớn đó.

Tôi hỏi:

— Thương binh phải bắt buộc về qua đây?

— Phải. Nếu họ muốn tới bệnh viện. Muốn tới bệnh viện phải qua con đường ngoài cửa rừng này. Không có con đường nào khác.

— Bệnh viện chắc gần đây? Tôi hỏi.

— Tận phía cuối dãy núi. Chừng mười cây số.

Tôi không dừng được kêu lên:

— Mười cây số.

— Ít nhất là thế. Sao?

— Họ không thể nào tới được.

— Loại người nào sống được với chiến tranh đều trở thành một loại người phi thường. Chị ngày xưa, một bước một bước xe, giờ đi bộ nổi một ngày ba mươi cây số. Em cũng vậy chứ. Những con người phi thường mới có được một sức chịu đựng không bờ bến, Đám thương binh ấy, hết như những đám thương binh khác, cũng phải tới được bệnh viện của họ. Dù họ muốn sống. Dù họ muốn chết. Thôi, em đi ngủ.

Ánh lửa tàn. Đêm thăm thẳm. Tôi sống một cảm giác rừng một cảm giác xanh biếc và đen. Hình ảnh một giòng suối độc. Dưới lá, một vực thăm, giữa núi. Tôi nằm xuống, gối đầu lên bạc đà. Cái bóng tôi trên vách nhà sàn biến mất,

Giọng chị Định, lạnh, nhỏ, bay thật xa trong đêm rừng

— Mai em đi?

— Dạ. Sớm mai.

Sớm mai. Những sớm mai hắt hiu của những tháng chín buồn rầu. Những sớm mai lất phất mưa phùn của những mùa thu làm ngút trông mắt, làm vút nổi nhớ, những sớm mai của những tan vỡ nghe từ thân thể, những tiếng tan vỡ gọn và khô, với mùa thu giăng lưới trên đầu, mùa thu dịu dàng mà dữ dội, lững lờ mà ngầy ngất, mùa thu như một giòng suối độc chảy, vẫn vẫn trong nó nổi chết kia của những phiến lá rứt nát tích lũy nhiều mùa. Đêm rừng bần bật mà mở lớn hàng nghìn cặp mắt thao thức thăm lặng. Tôi nằm nhưng không ngủ

Trong một góc nhà, thỉnh thoảng tiếng ho khan của chị Định lại nổi lên. Tiếng một hòn đá lăn trên một bờ dốc. Sương lan kín dưới chỗ tôi nằm. Căn nhà sàn bập bồng như một đời thuyền không có khởi hành. Trên mái một phiến lá chột rụng. Rừng thánh thót những hình thái thả giọt to nhỏ không lường đoán hình dáng. Cửa mưa. Cửa sương của bóng tối và của lá. Chiến tranh. Những trận đánh lớn. Từ một một khúc quanh kín khuất của một con đường chạy men theo rừng già, người thương binh hiện ra. Một phiến đời sống khổ nạn treo ở đó, trên một đầu nạng mỏi. Tôi không tham dự một trận đánh lớn nào, nhưng tôi cũng đã là một thương binh. Và con đường đến một bệnh viện ở triền núi phía bên kia xa lắm. Như chị Định cho biết. Những mười cây số.

Buổi sáng mùa thu năm đó, tôi rời khỏi căn nhà sàn giữa vùng rừng núi Kim Tân Thạch Thành của gia đình chị Định để đi sâu thêm nữa và những vùng rừng núi khác của miền nam Trung phần. Sáng rừng lạnh buốt. Bóng tối đã tan nhưng sương mù còn kín đặc trên con đường nhỏ đưa tôi ra tới cửa rừng. Trận mưa phùn đêm qua vẫn còn kéo dài chưa dứt. Tôi đi theo hướng đi buổi chiều hôm trước của những người thương binh. Điều làm tôi lạ lùng là mười rồi mười lăm cây số, vẫn không có một bệnh viện nào hết. Tôi nhớ như thế. Chỉ là núi tiếp núi rừng tiếp rừng. Không có một bệnh viện nào hết.

MAI THẢO

THU MUỘN

Gió bờ lau hiu hắt đậu nhẹ vào lòng bàn tay kỹ nữ: gió thổi về theo triền nước Tầm dương, gió đổ xuống làn phách chót vừa buông: tiếng đàn ngừng bật. Bản hành họ Bạch tuy đã chấm dứt mà âm hưởng tiếng tơ tiếng trúc vẫn còn vương vất trong một khoảng tâm thức nghe như đã dậy hồn Đỗ Phủ nghe như đã lất phất những nét mưa nhỏ giàn dụa. Khi chuyển mùa quanh gian phòng có cánh song hé mở vào một mảnh trời xanh thẳm, sương ồm góc chuối vườn hoang.

Người gảy đàn bám lấy cây đàn, trông mắt đại đờ, như sau một cuộc giao hoan với gái Liêu trai. Giây tơ thời thế là đã tròn nhiệm vụ, hoàn tất một cuộc đồng hành — tiếng đàn tiếng hát đã diu nhau đã tới trạm chót của hành trình một tâm sự, tâm sự một gái giang hồ nhớ về dĩ vãng, một ông tư mã nuôi sầu nơi đất trịch — giây tơ đã thôi làm rộn bàn tay vượt nắn mà từng đốt, từng ngón đang buông thả dần dần tất cả cái tê buốt nhói đến tâm can, cái tê buốt khởi lên từ bài hành đi vào khổ đặng.

Từ xa kinh khuyết ...

Hết rồi gió phách với mưa đàn. Đầu đây, nếu có, chỉ còn là gió và mưa của trời và đất. Lòng đàn trở lại hoang vu. Lòng người trở lại cái trống không yên lặng của bạt ngàn thế giới tiếng tơ tiếng trúc, tất cả cái trống không bình sinh của những kiếp cầm ca.

Ta hát chơi mà khách cũng nghe chơi.

Người hát nhìn người nghe hát, đuôi mắt kéo dài. Ước gì, vạt áo ai kia cũng ướt đầm nước mắt của ai nhỉ? Duyên đã khởi rồi đó, nhân nhân quả quả trùng trùng, tình bất nhịp tự xênh và phách chắc là phải gây sóng gió, chắc là phải tạo phong ba không biết tới bao giờ. Ngoài kia có trời xanh thẳm. Nơi đây cũng là đất trịch. Nơi nào có ấm êm? Lạnh nghe đã nặng vai gầy, nghe đã thấm vào đến cây và cỏ. Áo kép năm xưa cất kín tận đáy gương, chắc là phải hóng đến ba buổi gió sớm mới phai được mùi mốc ả. Giếng khơi nơi quê cũ vào tiết này chắc là trong vắt. Hoa súng nở tím bờ ao lạnh. Bèo

giạt. Mưa sô giàn mướt đặng.

Từ xa kinh khuyết, hỡi ơi!

Người nghe hát là một gã trọc đầu, bình sinh chỉ có một nguyện: nhất định tìm đường tắt để tới Niết bàn. Hắn nghiêng nghiêng nâng roi thì lễ. Rồi roi đặt bèn tang trống, trong nửa khuya của mùa chuyển tiếp, bỗng dừng bất chợt một tiếng gà gáy lẻ vọng lại từ thôn xa. Nghĩ rằng cái âm thanh cổ độc đó gieo lên thật là đặc địa, thật đáng là một nét nhạc chấm dứt cái không khi bên Tầm dương đón đưa khách lạ. Nghĩ rằng vẫn thiếu một chút gì, phải thêm một chút gì nữa, nếu không thì hóa ra tất cả là dư. Một chút xạc xào chẳng? Một thoáng se da chẳng? Một chút gì. Một đợt gió. Đúng.

Và người nghe hát ngừng đầu, toét miệng mà cười. Vì tự đầu đầu, tự những kiếp nào chẳng rõ, bỗng thời về một đợt nhỏ heo may.

Cười xong, xoa đầu mình mà nghĩ thêm rằng nếu cuộc sống cứ luôn luôn là những giây phút tương tự giây phút vừa qua, thì cuộc sống vẫn cứ là được. Thì sống là tới vậy.

VŨ KHẮC KHOAN

BÃI ĐÊM

Chiếc xe nhà binh chậm đà lại, và trước tầm mắt Nhị, những vệt cỏ bờ đánh đai lấy một con đường nhỏ thấp thoáng hiện ra. Con đường thấp và trũng. Nó chạy sát theo một thứ hàng rào sắt cao hơn tầm đầu, ánh đèn pha quét lướt trên những tấm lưới sắt lớn đan hình mắt cáo. Những tấm lưới phẳng Phiu, vuông vức căng thật thẳng giữa những đầu hàng cọc trồng cách nhau bằng những khoảng cách đều đặn.

Nhị đếm nhăm. Cứ năm đầu cọc nhọn, tới đầu cọc thứ sáu lại có một dàn đèn. Cái thứ ánh sáng cách quãng đó lờ lờ chói cùng độ, soi rõ từng mô đất, từng bóng cỏ đường dưới thấp. Chung quang, không hình ảnh, một dấu vết làng xóm nào. Chỉ là mệnh mông bãi hoang trải đi và mất hút trong sương

dày đặc.

Giữa cái đám đầu người lơ nhố chen chúc trong thân xe kín bưng bỗng một tiếng nói cất lên :

— Đã tới khu vực phi trường rồi.

Một tiếng hỏi, Nhị nhận ra là một tiếng đàn bà :

— Phi trường nào ?

— Gia Lâm. Đã vượt Hồng hà, đã qua cầu Sông Cái, đã sang tới địa phận Gia Lâm, bà không biết sao ?

Tiếng người đàn bà tiếp theo là một tiếng cười :

— Không. Đi bao giờ đâu mà biết.

— Thật bà chưa tới Hà Nội bao giờ ?

— Thật mà ông. Tôi ở tận dưới cuối biên. Phát Diệm. Đây là lần thứ nhất trong đời tôi ra khỏi xóm.

Tiếp theo câu nói, tiếng cười, là một tiếng thở dài. Nhị không nhìn thấy, nhưng đoán thấy những mái đầu cuối-xuống và những tiếng thở dài khác dừng lại trong cổ họng, đọng lại trong từng ý nghĩ riêng tư. Không ai nói với ai một lời nào nữa. Nhị nhìn đồng hồ. Chiếc kim dạ quang chỉ đúng 4 giờ sáng. Chiếc xe lăn đều trong đêm. Cùng với tiếng lạt sạt của cò bờ và đá đường bị nghiêng nát dưới những vòng bánh nặng nề lăn tới, Nhị bắt đầu nghe thấy, từ thật xa trên đầu chàng, tiếng rào rào hắt hiu của một trận mưa phùn vừa bắt chọt dấy lên. Nhị ngồi ngoài cùng. Những hạt mưa bay nghiêng, hắt vào mặt Nhị lạnh buốt. Chàng ngồi thẳng người lên. Rùng mình. Kéo cao cổ áo và thấy chàng tỉnh táo hẳn. Đã vượt Hồng Hà, đã bỏ Hà nội, đã Giá Nứa, Long Biên lùi dạt về một bãi bờ già từ vĩnh viễn, xe đang lăn trên những thước đường Kinh Bắc, và lát nữa là không gian mênh mông. Nhị nghĩ thầm và cố gắng xếp đặt lại trong đầu óc những hình ảnh khởi đầu cho cuộc hành trình. Nhà Nhị ở trên con đường Trần Nhật Duật, Căn nhà đó, phút này, mọi cánh cửa lớn nhỏ đều đã đóng kín. Những căn buồng của căn nhà bỏ trống đó phút này chắc đang

lặng dỗi ngậm ngùi tiếng chân rời xa và mắt hút của người, chắc đang lặng động dần trong thứ lặng động của lặng quên và hư không lớp lớp từng từng vây bọc. Cái cầu thang gỗ cũ lượn mà mỗi buổi chiều mùa hè, trước ký kết chia cắt, Nhị đã từ đó đi lên tới khoảng sân lộ thiên để ngắm nhìn trong tàn ngày, những chùm cây, những con đường, những mái nhà Hà Nội. Cái cảnh tượng của Hà Nội dưới chân, Hà Nội trải rộng khắp bốn phía cùng ngó thấy trước một tầm mắt bao quát không lấp vường, đang trong từng phần từng khu, từng phường, từng hướng, hiện ra. Tôi đứng đó trên khoảng sân lộ thiên lồng lộng gió chiều, và trước mặt tôi là giòng Hồng Hà đánh đai lấy ngang mình Hà Nội như một tấm khăn nuốt nà và đổ chói. Con đê cao chạy dài từ Giá Nứa tới Phà Đen. Nhịp nhịp Long Biên sương chiều thả giọt. Phía tay trái tôi, sau những mái nhà đã là những lùm cây Yên Phụ, những lùm cây dẫn tưởng tượng xa hơn về một đỉnh núi Ba Vì. Phía tay phải tôi, cao hơn những đỉnh cây, là cái nóc xám uy nghi của nhà Hát Lớn. Đằng sau lưng tôi, từ cái hình dáng cổ kính nhiều đời của một cửa ô Quan Chưởng đã là Hàng Chiếu ồn ào, Hàng Khoai lao động, những phố rất xưa của một Hà Nội rất cũ ấy cùng gặp nhau bằng một cửa chợ Đồng Xuân. Tôi yêu căn nhà tôi ở, bởi nó cao, cho chiều chiều tôi nhìn thấy được cái toàn khắp mênh mông của thành phố yêu dấu.

Chiếc xe đột ngột rẽ về phía tay phải. Nhị lạng người đi. Chàng phải nắm vội thành xe và cảm thấy một cạnh sắt nhọn hoắt ở phía sau đâm vào lưng đau nhói. Đã đi hết con đường nhỏ. Cùng với những ngọn cò bờ bỏ lại, những tấm lưới đan lũng mắt cáo, những dàn đèn treo cao trên những đầu cọc sơn trắng cũng biến khỏi tầm mắt. Xe lướt như bay trên một mặt si măng rộng thênh thang và ướt lênh láng dưới trận mưa bắt đầu nặng nạt. Chiếc xe tiến thẳng vào

phòng đợi. Nhị sách va ly nhầy xuống. Những bức thềm dẫn đưa chàng và đám người trên xe tiến vào một căn nhà lợp tôn, mái cao, bát ngát như một căn nhà chứa hàng thật ớn. Một người hoa tiêu từ ngoài đi vào, hất hàm :

— Các ông các bà bao nhiêu cả thầy ?

Nhị đếm đầu người, trả lời cho tất cả :

— Ba mươi tư.

— Vừa một chuyến. Mời các ông các bà ngồi xuống. Nghỉ và đợi chúng tôi một lát. Có máy bay rồi. Các ông các bà may hơn mọi người lắm đó. Được đi ngay sáng nay.

Nhị nói chuyện với người hoa tiêu, và được biết đã có những đoàn người từ Thái Bình, Nam Định lên, từ Sơn Tây Phúc Yên xuống phải đợi chờ trong căn phòng đợi trống trải này hàng tuần.

— Vậy là trưa nay chúng tôi đã được có mặt ở Saigon ?

— Phải. Đúng trưa.

Người hoa tiêu đã đi trở ra còn quay lại, neho mắt và hất hàm hỏi Nhị :

— Vợ đi lắm hả ?

Nhị ngẫm nghĩ và lắc đầu :

— Không. Nhưng nếu đã phải đi, đi ngay là hơn.

— Đúng thế. Đi ngay là hơn.

Người hoa tiêu bước xuống bậc thềm, nhòa vào bóng tối. Đám người đồng hành với Nhị lục tục ngồi xuống những hàng ghế thấp, kê sát vào bờ tường. Nhị đứng tựa lưng vào thành cửa. Tối phút đó, Nhị mới nhìn thấy họ. Những khuôn mặt xa lạ, quê mùa, đến từ nhiều chân trời, nhiều địa phương khác biệt, Nhị chưa từng gặp thấy một lần nào. Một ông lão già, mặt đầy những đường răn như những rãnh cây chẳng chịt, mắt nhắm nghiền, hai tay buông thõng trên đầu gối. Một người mẹ vạch vú cho con bú. Đứa nhỏ bị trùm kín dưới một đồng tử lót màu nâu. Không ai nói với ai một lời nào.

Những cái bóng bất động in lên nền tường. Mưa vẫn rơi rào rào trên mái. Nhị lại nhìn xuống đồng hồ. Khoảng thời gian đợi chờ trước giờ và cất cánh trôi đi thật chậm. Mới bốn giờ ba mươi. Nhị quay trở lại ngồi xuống một bậc thềm, rút thuốc lá hút và ném cái nhìn thật xa ra ngoài bãi tối. Năm phút. Rồi mười phút. Bỗng, từ thoảng đen đặc hoa mắt và lất phất mưa bay xanh biếc srong mù trước mặt, một tiếng động cơ nổi lên. Đầu đó, trên mặt cỏ phi trường ướt đầm dưới trận mưa dấy lên về sáng, một chiếc máy bay đang từ từ lặn tới. Nhị nhìn thấy một điểm lửa đỏ khé. Rồi một đầu cánh trắng toát của phi cơ hiện ra. Nhị ném điều thuốc đứng dậy. Chàng chớp mắt, nhìn lên bầu trời Hồng Hà, một lần cuối cùng. Tôi phải có một sức động, một đau đớn nào chứ. Tôi sắp bỏ đi thật xa, tôi sắp bỏ đi, đi hẳn. Tôi phải có một sức động nào chứ. Nhưng không, phút lên đường không ngờ nhẹ nhàng và bình yên lạ thường. Nhị lắc đầu, bật lên một tiếng cười vô nghĩa. Chàng quay trở vào phòng đợi, sách va ly và lặng lẽ đi theo đoàn người ra dưới mưa bay.

Hôm đó là ngày mười bảy tháng chín năm một ngàn chín trăm năm mươi tư. Khi chiếc máy bay vận tải cất bằng Nhị lên không gian, Hà nội vẫn còn tối đặc và mịt mù phía dưới. Đúng như người hoa tiêu nói, máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất đúng 12 giờ trưa. Trời Saigon xanh biếc. Nắng lòe chói. Người nữ chiêu đãi viên đứng trước một cửa lều vải dựng trên bãi cỏ ngoài phi trường. Nhị đứng lại trước cửa lều. Chàng đón lấy ly nước cam từ tay người thiếu nữ tươi cười và trận mưa phùn đêm qua trên Hồng Hà chỉ còn là trí nhớ.

NGUYỄN ĐĂNG

HUỖNH PHAN ANH

trong mơ ước

Tôi thích kéo dài cái trạng thái bình thản chuẩn bị một thứ khoái cảm êm đềm nhẹ ngấm vào da thịt sau những lần thức giấc muộn màng vào buổi chiều trong gian phòng đóng kín, một thế giới bị bỏ quên một thế giới trong đó tôi thấy mình được yên 6n hơn, tôi sẽ tiếp tục nằm yên giữ nguyên vị trí lúc ngũ nghĩa là trong thế nằm ngửa, chân duỗi dài, một cánh tay có thể vượt khỏi cạnh giường, mấy ngón trút xuống, hai mắt nhìn lên trần, tôi không nhận ra gì nữa ngoài bóng tối đang nà tràn lên tôi, đã trở nên thân mật vô cùng (những khoảnh khắc bằng phẳng của buổi chạng vạng, ngày không còn ngày, đêm chưa tới đêm...), cũng như những tiếng động từ ngoài vọng tới (đối với tôi) đã gắn liền vào một khoảng thời gian nào đó, tiếng nô đùa của một lũ trẻ nhỏ, một giọng xướng ngôn hay một đoạn nhạc dạo từ chiếc máy thu thanh ở đâu đó..., bóng tối không còn làm tôi nao núng không còn gây những thôi thúc giả tạo, những xao xuyến về ngày tháng, công việc, đời sống ..., tôi sẽ nằm như vậy tới bao giờ, không buồn chỗi dậy, ôi ý nghĩ sẽ xoay người ngồi dậy, bước xuống, đi lẩn về phía cửa sổ vén màn ghé mắt nhìn xuống đường,

VẤN ĐỀ 15

nhìn qua những mái ng6i đối diện, nhìn lên bầu trời, hoặc đi ngược về phía cầu thang tìm nút bật đèn, đại khái ý nghĩ về một cố gắng của thân thể, một ý nghĩ mơn nhưng tưởng chừng đã đủ cho bao nỗi vất vả trong tâm hồn. Cần nhất nên đề mọi sự mặc tình trôi xuôi, không cố gắng, không bận rộn, không khổ tâm, vô ích tất cả, đề yên cho đời người buông thả, không nghĩ ngợi, không mưu toan, đề làm gì. Cần nhất đừng bị thắm hóa chính mình cũng như mọi sự xảy đến. Mấy ngày đầu tiên mới trở tại thành phố, thật không còn gì mai mĩa hơn khi nhớ lại điều này, rõ ràng tôi chẳng khác một con bịnh, vâng, hình ảnh một con bịnh trầm trọng chính là tôi, chú bé cô đơn và hờn dỗi chợt nhận ra tâm hồn mình nặng trĩu những trí nhớ những nỗi niềm không đâu; những tình cảm mỗi một khó sống luân phiên hiện đến, không phương chạy chối, cứu gỡ, ôi những phiền não vu vơ của một kiếp người. Không có gì khó hiểu, đó chỉ là thứ tính khí lãng mạn còn sót lại, chưa dứt bỏ hẳn trong một tâm hồn (còn ấu trĩ) đôi khi ủy mị, đôi khi sướt mướt vì những ăn do vớ vẩn, thí dụ chỉ cần một khuôn mặt nhòa thời gian chợt hiện ra (như trong một cơn lốc dữ) từ một vùng ký ức im lìm, một khuôn mặt rực lên những thách thức, kêu đòi, lôi cuốn theo những hình thù những bóng dáng, tất cả trình diện mặt mày, tất cả không còn nguyên vẹn, tất cả không ngừng gãy đổ, một khuôn mặt: một tình yêu, một tình bạn, một mối liên hệ nào (không còn) đã một lần hiện đến, đã một lần đi qua đã một lần tan vỡ, một khuôn mặt đề quên đi, một khuôn mặt đề nhớ về — quên đi không trọn và nhớ về không hết. Tôi tự hỏi trong đám người xa lạ trình

diễn dưới mắt tôi, lướt qua tôi, kề bên tôi, xây sát tôi mỗi ngày, mỗi giờ trên một vỉa hè hay một chuyến xe buýt, trong một quán ăn hay một rạp chiếu bóng, những người cùng tôi chia sẻ một bầu không khí, một khoảng chu vi, một con đường, một chỗ đứng, một vùng ánh sáng mặt trời, một khoảng đêm, tự hỏi trong một hi vọng mơ hồ đến không tưởng, ai, kẻ nào sẽ đến trước tôi hoặc sẵn sàng chờ tôi đến trước họ, chia tay ra trước tôi hoặc sẵn sàng chờ tôi chia tay ra trước họ, và hỏi; mạnh giỏi? thế nào? lập gia đình rồi chứ? mấy con? tôi có gì thay đổi không? chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đâu? những câu hỏi những lời lẽ xã giao hay thân mật, vừa đủ mang người trong cuộc đến gần nhau, vừa đủ giữ người trong cuộc trong một khoảng cách, tự hỏi đâu mùi hương của một thân thể quen thuộc, đâu cái nhìn làm sống lại một thời, đâu giọng cười làm tê điến thịt da đang mơ ngủ. Kỳ lạ thay có những cảm xúc đau đớn trong tôi chỉ tìm gặp cơ hội của chúng mỗi lần tôi trở lại thành phố trên những bước đường luân lạc buồn nản (thành phố với những cơn mưa nhỏ vào buổi chiều khiến cho trời tối có hơi mau, người ta bắt đầu ghi nhận, sức nhớ những đổi thay của thời tiết, mùa màng. Mùa thu, bây giờ?) trở lại thành phố, chạm mắt những hình thù xa lạ, những khoảng trống, những mất mát thuộc đoạn đời nào, tôi nghĩ vậy nhưng hỏi ơ, mọi sự đâu có quá có bi thảm đến đời, phải không, Một ý nghĩ thường trở lại: thành phố như một đóm lửa mơ ngủ trong tôi chờ vợ hội bùng lên, đốt cháy. Thành phố nơi tôi trở lại, đi đứng, sống như một kẻ thất nghiệp ngày ngày tìm kiếm, chờ đợi (con sẽ thất vọng bởi thật ra con không biết con tìm kiếm, chờ đợi gì), tâm hồn thỉnh thoảng

nhôn nao, oằn oại, chột lẳng nghe, chột ngoảnh nhìn, không không có gì quan trọng, không có gì đáng kể, tất cả có thể chỉ bắt đầu từ một hình ảnh, tất cả chỉ là hình ảnh, những hình ảnh nhạt nhòa, tàn lụn trong một tâm hồn phù phiếm chính là tôi, một kẻ lỗi thời, trễ muộn. Một buổi tối, sau trọn một ngày lang bạt ngoài đường, tôi lầm lũi trở về, lẩn tránh như một tội phạm, kẻ né lướt qua đám người ở dưới nhà không một lời chào hỏi, bước vội lên phòng, mở đèn, và, không kịp thay quần áo, tôi ngồi lại bàn trước xấp giấy trắng vẫn để sẵn mỗi ngày nhưng chưa hề được viết lên một dòng chữ thể rồi như được thúc đẩy, hỗ trợ bằng một động lực mù quáng tôi bắt đầu viết một mạch, không ngưng nghỉ, không cân nhắc, không lựa lọc. Từ lâu tôi không viết thư cho một ai, dù trong những trường hợp cần thiết nhưt, tôi đổ lỗi cho tính lười biếng của mình hoặc, một cách mơ hồ hơn, đời sống. Nhưng đêm đó có thể nói tôi chưa bao giờ viết cho một người trong đáng điệu say sưa và thành khẩn như vậy, một người bạn của thời mới lớn, của những năm đi học, những ảo tưởng đầu tiên của đời người, những bước chập chững và hiên ngang bước vào cuộc sống, những vấp ngã, những xây sát... một người bạn đã cùng với người bạn khác, lần lượt bỏ thành phố ra đi, phá vỡ những ngục tù của tuổi nhỏ bất kham. Một người bạn đề nhớ về, một thời đề sống lại. Trên từng dòng từng chữ, những hồi tưởng những mơ ước dẫn dắt nhau, múa may, ca hát. Trên từng dòng là những hoài niệm. Trên từng chữ là những dự tưởng. Chúng lướt qua,

lấp đầy từng trang giấy trắng, chúng hăm hở, chúng vội vàng, chúng xô đẩy nhau trùng điệp; rồi bỏ tôi, thoát ngoài ngọn bút, chúng không còn lệ thuộc vào tôi, không còn là tôi, của tôi, chúng tự do hoàn toàn, chúng đã có đời sống riêng của chúng. Khi tôi buông viết (trời đã về khuya, tư bề chỉ còn là một niềm im lặng rộn người đang bữa xuống tôi), rời khỏi bàn, đến ngã lưng trên chiếc giường bước giá, nhìn lên trần nhà trắng toát nơi mấy con thằn lằn đang rình rập, rượt đuổi, ý tưởng về người bạn sẽ nhận thơ tôi, liệu sẽ nhận được thơ tôi bao giờ, tiếp tục bám chặt lấy tôi, biến thành một ám ảnh tưởng không rời bỏ được nữa. Hẳn sẽ nghĩ gì, nhận được thơ tôi. Hẳn còn nhìn ra tuồng chữ tôi, hẳn còn nhìn ra tôi trên những giòng chữ hiện lên từ những quá khứ im lìm, lãng quên. Hẳn sẽ trả lời cách nào nổi mớ ước tôi, mong gặp lại hẳn, cấp bách hơn bao giờ (những câu văn tha thiết đến yếu đuối tôi viết cho hẳn liệu sẽ có tác dụng gì, ừ nhỉ tại sao mình có thể nhẹ dạ, dễ xúc động đến như vậy được), có thể hẳn sẽ cười ngất trên tính khí lãng mạn của tôi (lãng mạn như hẳn vẫn thường nói, tiêu cợt tôi) qua suốt mấy trang thư của tôi (thương hại cho chú bé với tâm hồn nhu nhược) đề sau cùng, không một chút đắn đo, vô nát, quăng vào một xó, tự nhủ đề làm gì tâm hồn thân nhiên, vô hại. Đề làm gì, đến phiên tôi tự hỏi, tâm hồn không thân nhiên không vô hại chút nào. Đề làm gì, có thể tôi đang rơi vào một lần lần tai hại, tôi vẫn nghĩ mọi sự đều tốt đẹp hay ít ra đúng với điều tôi dự đoán hay mong đợi, thơ ngày quên rằng ngoài những hình ảnh đẹp, ngoài những ước mơ tươi thắm còn tiếp tục nở hoa trong mộng tưởng một người

còn có một cái gì khác, thí dụ thời gian, định mệnh và những gian nan cách trở vô phương né tránh. Tôi chỗi dậy đọc lại bức thư, có thể nói rằng tôi chưa từng có những giây phút xấu hổ đến vậy. Tại sao tôi có thể bộc lộ can tràng một cách quá dễ dãi dù là đối với một người bạn thân thiết nhất của một thời. Có phải tôi, một kẻ mang nhiều tâm sự để giải bày, để phân bua, một kẻ luôn hờm sẵn một câu chuyện để kể lể với mọi người, một con người nhẹ dạ, non lòng, không thể kèm giữ được chính mình, không thể đề nén xúc động, một kẻ với tâm hồn đàn bà luôn thừa nước mắt cho những việc không đâu. Tôi xé mấy trang giấy ra thành từng mảnh cho tới khi nát vụn, tiếc thắm một buổi tối vô bổ, phí phạm, oan uổng, đồng thời bao điều nặng lòng cũng theo đó vơi đi. Không chắc gì hẳn còn ở địa chỉ cũ. Không chắc gì hẳn tới. Và liệu tôi còn tiếp tục ở đây, kiên nhẫn đợi. Chú bé hẳn đã yên tâm rồi chứ. Chú thật lắm chuyện. Lần này chú chịu ngã lưng đỡ giấc ngủ chưa, sáng mai còn phải thức dậy, ngoan lên chú, ngày mai trời đẹp. Ngày mai, một ngày nào khác nữa, bao giờ, tôi sẽ rời thành phố, tự nhủ lần này, hoặc không một lần nào nữa, không bao giờ nữa tôi còn có can đảm, dịp may thực hiện chuyến đi lần lựa từ lâu. Tôi nhớ mang máng ai đây đã không ngăn được một nụ cười hoài nghi khi nghe dự định của tôi, dự định nào rồi cũng lung lay, bật gốc mặc dù vẻ cương quyết của tôi, bởi tôi sẽ đòi ý kiến liền sau đó. Mọi người thừa biết tính tôi. Tôi ít khi đi tới cùng một quyết định. Đúng ra tôi không quyết định được gì. Lần này khác, tôi sớm muộn gì cũng

sẽ đi một lần, một lần trước khi mọi sự đã quá trễ và lòng hối hận sẽ vô phương vùi lấp. Vâng, tôi đã nhất định và thành phố nơi tôi trở về chỉ là một chặng đường, một chuẩn bị. Bức thư nhận được từ những hôm trước đã không ngừng nhắc nhở tôi ý định đó. Tôi sẽ nói về một người đàn bà từ lâu sống ẩn mật, lẫn tránh mọi người. Tôi sẽ nói về một người chị bỏ nhà đi từ năm mười tám tuổi; tình yêu trái độc đầu tiên chị đã cắn, tội lỗi đầu tiên chị đã phạm dưới mắt mọi người, đã đưa chị tới những nơi chốn lạc loài những cõi lãng quên không ai buồn nhắc nhở ngớ ngàng. Chị đã đi là chị không về nữa. Người chị đã giữ đúng lời hứa. Nay mẹ, nay cha, nay em, hãy cầm bằng như tôi đã chết. Vâng tôi sẽ nói về một chuyến đi được trừ tính từ lâu, bỏ quên theo ngày tháng, cho tới một hôm bàng hoàng đọc những giòng chữ viết từ một quá khứ quen mặt. Tôi đã tìm gặp tác giả những giòng chữ quờ quạng đó, người đầu tiên cho tôi biết những tin tức về người chị xấu số kia. Người đàn bà bây giờ đã đổi khác, ốm đi nhiều, già dặn hơn — điều này đã hẳn rồi: thời gian (tôi nghĩ), những kinh nghiệm nổi trôi của một đời con gái (nàng cho biết, kìa) — với vẻ mệt mỏi hiện rõ trên từng khoé nhìn, trên từng dáng điệu. Tôi nói (tôi khôi hài hay cay đắng?) trông nàng tự nhiên tôi nhớ đến những mẫu người đàn bà bạc mệnh trong tiểu thuyết và không hiểu tại sao tôi không thấy điểm khác biệt nào giữa nàng và người chị vẫn lảng vảng trong trí tưởng tôi. Tôi giải thích là tôi muốn nói nàng tệ hại và xấu đi nhiều. Nhưng tôi nào có hơn gì phải không. Mọi người không quả tôi xanh xao tiêu tụy là gì. Tôi biết điều đó

lắm chớ. Chỉ tại bệnh hoạn ngoài ra không có gì đáng kể. Người đàn bà sức nhớ, reo lên, bệnh cũ chớ gì, hỏi tại sao không có chữa một lần. Nàng nói rất lấy làm hài lòng gặp lại tôi vẫn nghe nói về tôi thỉnh thoảng vẫn gặp những người quen biết tôi. Tôi nói một đôi lần gì đó tôi thấy nàng trong đám đông, trên một vỉa hè hay trong một tiệm ăn, nhưng tôi đã không gọi, nàng thường đi với một người đàn ông, những người đàn ông khác nhau, lại thêm bản tính nhút nhát của tôi mà nàng thừa biết. Người đàn bà giữ tôi lại, không cho tôi về nữa. Đêm đó trong ngôi nhà rộng thênh thang (người chồng ngoại quốc chỉ trở về thỉnh thoảng: công việc làm ăn bó buộc), hai người đã thức rất muộn, những câu chuyện tưởng chừng miên man bất tận đã đưa họ về những quá khứ xa xôi, những câu chuyện đưa quá khứ đến gần họ. Chúng tôi kể lại những gì còn nhớ được về một người vắng mặt, từ lâu sống những ngày đen tối nhất tại một tỉnh lỵ thuộc miền biên giới rồi đến những mẫu chuyện nào khác liên quan đến những kẻ nào khác bây giờ vẫn còn hay mất biệt, tất cả vẫn nằm yên trong những vùng hẻo lánh của trí nhớ chỉ chờ cơ hội sống lại, tất cả tưởng chừng không bao giờ có, chỉ có hai người đang đối diện nhau, tìm cách lấp đầy những lỗ hổng trong trí tưởng mình. Đối diện nhau, hai người chỉ còn, là những kẻ đang tự tháo gỡ đời mình, họ kể lại những bước đi luân lạc, những công trình gầy đổ, những tình yêu tạm bợ. Họ nhận ra nhau (những đứa trẻ một thời sống gần nhau, với nhau, đóng chưa trọn một vai nhân tình trước khi buông tay nhau vội vàng, không kịp nói cả một lời hò hẹn, cuộc sống đã cướp đi của chúng ta cả những

câu nói giả từ) đánh thức từ những vùng tăm tối dày kịt của tâm hồn những ước muốn êm đềm bị bỏ quên, và sống lại những cảm giác đau đớn, những dục tình ngang ngược, một câu nói thoát ngoài cổ họng tôi, tôi chỉ là thằng bé con nhút nhát, sợ hãi, phải không, (hình ảnh thằng bé con ở đằng sau vẻ mặt hung dữ, phá phách), nàng không nói gì, cả thân thể lạnh lẽo kia cũng không nói gì. Biết không, người đàn bà đó đã khóc, nghĩ rằng đời sống đã có thể khác đi, và mỗi người đã có thể sống khác hơn với chính cuộc đời mình đang sống, nghĩ rằng họ đã có thể sung sướng hơn (hãy tưởng tượng những mơ ước tầm thường nhất không bao giờ thực hiện được trong số kiếp mỗi người). Hai người đã gặp lại nhau một lần nào khác, những lần nào khác sau đó, liệu họ thay đổi được gì, gặp nhau, nhận ra một sự thật, đời sống tự nó lấp đầy chính nó, tự nó giải quyết mọi vấn đề nếu có. Người ta sẽ nhận ra mình đã trưởng thành, nhìn nhau cười rũ rượi như hai đứa trẻ, bình thản hơn bao giờ. Tôi sẽ gặp người đàn bà đó trước khi lên đường, một cuộc gặp gỡ rất bình thường, chúng tôi sẽ nói về một người đàn bà từ lâu...

HUỲNH PHAN ANH

THU

với dung nhan cỏ hoa này
chìm đi cũng lại từ ngày sang thu
áo ai mây trắng bên hồ
nghe như gió cũng giao mùa phiêu bay
nghe rừng xao xác trăm cây
chìm nao tiếng rụng bên ngoài nội hoa

từ em còn giấy mai hoa
thơ trăm chữ đọng ý sa giọt buồn
từ em ngơ ngác mùa sương
mang mang lá rụng còn vương ít nhiều
từ em thơm bút mai kiều
anh mang dáng vóc mây chiều trên vai
từ em đôi búp tay dài
mười con chim nhận bay ngoài cồn trắng
từ em cài nụ hoa vàng
từ em vuốt tóc bên hàng giậu bay

LẠNH MÙA CHIM ĐI

xác xao chừ mấy cồn cây
mà trắng lỉnh mặc bên ngoài hàng hoa
chim đôi tiếng rưng trong mù
nghiêng nghiêng cỏi núi vì vu gió mùa
về từ hàng ngọn cờ xưa
mây du đãng nhớ tang vua nội thành
nao nao một giọng cầm tranh
mười hai ải khói trên thành gổ thơm
tay em nội hạc mây cồn
chừ nghe tóc xỏa nao hồn gió thu
con mây đáp bụi bay vù
này anh thân lạnh với mùa chim đi

THƠ NHỎ

mảnh trắng trên cành đào
con bướm đêm làm tỏ
khép mình không ấm thân

PHẠM THIÊN THU

TỪ KỂ TƯỜNG

trong vườn cây

Vào những ngày đầu mới tới vùng này tôi có cảm tưởng như bị lạc lõng và luôn luôn hồi hộp vì những đe dọa tự nhiên. Buổi sáng mặt trời chảy nắng ngang tầm mắt hướng nhìn về phía đồi, đôi mắt tôi chớp chớp nhật nhòe không rõ màu sắc như một cánh chim tít mù xa. Lúc ấy nắng gắt và khô bỏng da mặt, tôi nghĩ đến nằng. Trái đồi không có một cây xanh, tất cả đều vàng úa và khô héo, tôi nghĩ đó không phải là những thân cây mọc rễ dưới đất mà những cành khô gãy gọn bị gió thổi bay lên cắm sâu vào đồi. Những cành cây ngang ngược ấy không bao giờ có chim chóc đậu và đây là một điều hết sức ngạc nhiên tôi chưa giải thích cho nằng hiểu được. Nhưng dưới chân đồi thì khác hẳn. Nơi tôi đang ngồi đây, không khí thật là dịu mát. Lần đầu tôi gặp nằng và đưa em tại chỗ này lúc tôi lội xuống sông vớt cho nằng một cái hoa Lục Bình vừa hé nở. Nằng nói cảm ơn rất nhỏ và hình như tôi không thấy môi nằng hé mở. Hôm nay tôi mới có dịp nhìn rõ bờ sông, nhưng nếu muốn rõ hơn một chút tôi phải đi ra ngoài chỗ không có cây che khuất. Bây giờ thì tôi không buồn làm gì nữa, tôi muốn nhắm mắt và ngủ trên

thảm cỏ non này. Tôi ngã lưng xuống và gỡ chiếc nón trên đầu úp lên mặt. Nhưng độ một lúc chiếc nón làm tôi khó chịu như muốn ngộp thở và tôi phải cầm lấy nó để xuống cỏ. Tuy nhiên mất chiếc nón tôi khó mà nhắm mắt được. Cuối cùng tôi ngồi dậy nhìn ra bờ sông. Nàng và đứa em có mặt ở đó từ lúc nào, tôi chắc hai chị em không nhìn thấy tôi. Điều này làm tôi buồn cựa hết sức.

- Chị có trông thấy cái hang để em làm dấu bằng cành cây chiều hôm qua không ?

- Chị không thấy nó ở đâu cả, hay con để đã tha cành cây xuống hang rồi.

- Em không nghĩ nó làm việc đó.

- Biết đâu chừng, như chị có thể lợi qua bên kia sông được vậy.

- Chắc không ?

- Chắc quá xá.

- Chị xạo ke hoà, sao hôm trước chị không lợi ra để vớt cái hoa Lục Bình mà chị phải nhờ đến ông . . . Ờ mà ông gì nhỉ ?

- Chị biết đâu, nhưng tại ông ta chở bộ, ai mà đi nhờ ông ấy hồi nào. Nhưng tại sao em lại nhắc đến điều đó, chị quên mất rồi?

- Chị làm bộ đó, cái hoa chị vẫn còn cầm ở phòng chị kia mà.

- Ờ nhỉ, chị cũng vừa mới nhớ ra đây.

Tôi mỉm cười và đứng dậy đi ra khỏi bãi cỏ có nhiều cây che mát. Con đường đất đỏ từ xa chạy vòng vòng về đây và từ đây chạy thẳng ra bờ sông chỗ hai chị em nàng đang đứng. Nhưng tôi không thích con đường này. Tôi muốn đi vòng qua phía bên

hông đợi rồi theo ngõ tắt đến sau lưng nàng, như vậy nàng sẽ giật mình và la lên thảng thốt. Lúc ấy trông nàng đẹp lắm. Tôi bắt đầu huyết sáo miệng nho nhỏ đi ngược con đường đất đỏ để vòng qua hông đồi.

- Chị trông chừng các ngách này, nó có thể thoát ra đó.

- Em phải múc thật nhiều nước đổ mới đủ.

- Biết làm sao hơn khi chỉ có cái lon này. Tiếc quá phải

chỉ lúc này mình nhớ đem theo cái thùng thiếc chị nhỉ ?

- Thùng thiếc thì lớn quá.

- Đây, chị thấy gì không, nó lú râu kia rồi.

- Có to không em ?

Ai mà biết được, nhưng râu nó dài và cứng chắc phải to lắm.

- Coi chừng sầy nghe ?

Tôi đã đứng sau lưng chị em nàng. Cả hai chị em lo chúm đầu vào hang để nên không ai thấy tôi. Một lúc đứa em reo lên hai tay bụm vào nhau chạy đi chỗ khác. Nàng cười khúc khích đứng dậy. Khi quay mặt lại nàng bắt gặp tôi. Nàng cũng reo lên, nhưng tiếng reo sợ hãi tức nghẹn. Tôi mỉm cười, nàng nói:

- Ông làm tôi hết hồn.

- Ồ xin lỗi cô.

- Ông đến từ lúc nào ?

- Đến sớm lắm nhưng tôi ở trong vườn cây kia.

Tôi đưa tay chỉ, nàng nhìn theo. Mắt nàng chớp chớp:

- Tôi có thấy, nhưng chưa bao giờ đến đó.

- Tôi nghĩ rằng cô đã biết tất cả ở đây.

- Đó là một điều lắm lần.

Tôi thích được làm lẫn như cô nói.

Nàng cười khúc khích :

- Ông thật là kỳ, tự dưng tôi cảm thấy sợ ông,
- Trái lại tôi rất thích được nói chuyện với cô, cái tôi sợ
chính là quang cảnh ở đây.

- Đưa em nàng bây giờ chạy trở lại. Hai tay nó vẫn bụm
vào nhau.

- Ông có hộp diêm không cho em xin đựng con dế này,
nó cắn đau quá.

- Thì em thả nó đi là xong chuyện.

- Khó lắm mới bắt được giờ chị biểu thả. Em không chịu
đầu.

- Thôi vậy chớ sao làm phiền người ta.

Tôi từ từ móc bao diêm ra trao cho đứa bé đang mở lớn
mắt chờ đợi. Đứa em nàng cầm lấy chạy ra chỗ khác, vừa chạy
nó vừa nói em sẽ ở trong lùm cây kia với con dế cừ khôi này,
tụi em sẽ chơi với nhau không cần chị nữa. Sau đó là tiếng cười
rời bóng đứa em mất hút.

- Ông đừng phiền nhé tánh thẳng đó kỳ lắm.

- Tánh cô như thế nào ?

- Ông chưa nhận xét về tôi à ?

- Không, tôi chỉ mới đề ý đến cô thôi.

Nàng cười cười, hai tay đan vào nhau, mớ tóc bị gió thổi
tung bay lòa xòa trước ngực. Tóc nàng đen mượt nằm trên
màu vải trắng tinh mơ như một dòng suối đêm. Trời bắt đầu
nóng, nắng chói chang phía bờ sông. Tôi tìm một điều thuốc,
nàng cười :

- Ông đưa cả bao diêm cho nó giờ lửa đâu ông đốt ?

- Tôi ngâm chơi.

- Ông thổi sáo bằng điều thuốc được không ?

- Nếu cô hiểu nổi đó là sáo.

-Ồ, tôi hiểu lắm chứ, và còn thích thú là đằng khác.

Tôi gắn điều thuốc lên môi, dùng hai vành môi đưa qua
đưa lại và tôi huýt sáo trong cổ họng. Nàng chăm chú nghe,
một lúc nàng bật cười :

- Không phải ông huýt sáo gió mà.

- Hình như không phải huýt sáo gió mà là hơi thở tôi nói.

- Ghê vậy sao? Vậy hơi thở nói gì?

- Tôi muốn tắt thở.

- Nàng cười lớn, hai tay vỗ vào nhau

- Vui quá, hôm nay là ngày vui,

- Rồi cô sẽ buồn.

-Ừ nhỉ, nhưng tôi cố vui không thêm nhớ tới nỗi buồn.

Tôi gỡ điều thuốc khỏi miệng và dùng đầu ngón tay
búng lên cao. Nàng ngược nhìn theo, mắt nàng bây giờ buồn rõ
rệt. Khi điều thuốc rớt xuống nàng nói nhỏ nhỏ :

- Tôi phải đi tìm em tôi.

- Cô biết vườn cây chứ? theo hướng đứa em cô vừa chạy
lúc này.

- Tôi có biết, có thấy, nhưng lát nữa đây tôi mới đến.

- Chắc có nhiều điều lạ phải không cô? tôi ở trong đó hàng
ngày nên không thấy gì hết. Cũng buồn nhỉ?

- Thật vậy sao? tôi tưởng ông từ nhà đến chứ.

- Tôi không có nhà.

- Ông đùa hoài.
- Thật cô, tôi ở trọ với một hòa thượng trong ngôi chùa gần trường học.
- Ngôi chùa à? bộ ông muốn đi tu sao?
- Sợ tôi không đi tu được.
- Hôm nào tôi đến chùa được không? tôi muốn nhìn ông trong khung cảnh đó.
- Tôi đâu có ở đó thường, tôi ở ngoài vườn cây này suốt ngày chỉ tối mới về đó ngủ thôi.
- Ông thích vườn cây lắm hả?
- Không, nhưng tôi thích ở trong đó vì như vậy sẽ không ai nhìn thấy tôi hết.
- Nàng quay mặt đi, mái tóc bây giờ ở trên lưng. Tôi nói từ từ và bước theo nàng.
- Cô vào vườn cây sẽ gặp chiếc nón của tôi.
- Ông có đội nón nữa sao?
- Lúc này tôi úp lên mặt để ngủ, lúc ra đây tôi lại bỏ quên.
- Tôi sợ chiếc nón bỏ quên như vậy lắm, nó gọi cho tôi một xác chết.
- Nhưng tôi còn sống đây mà.
- Tôi sẽ làm gì khi gặp chiếc nón của ông.
- Cô nhặt lấy và đem treo trên cành cây.
- Chắc tôi phải can đảm lắm mới làm được việc đó.
- Thôi cô đi nhé, tôi trở lại bờ sông. Khi nào thấy chiếc nón được mắc trên cành cây tôi sẽ trở về đó ngủ một giấc.

Người đàn ông từ dưới con đường đất đỏ đi lên hướng về phía tôi. Ông ta đội nón lá mặt đeo kính râm mặc bộ quần áo cụt màu trắng tay cầm cây cần câu dài, sợi nhợ bị gió thổi đưa qua một bên, phía gần bàn tay ông ta lủng lẳng một cục chì vuông đen sậm. Cục chì giữ sợi nhợ khỏi bay cao hơn. Người đàn ông vừa đi vừa hát, tuy nhiên tôi đoán ông ta chỉ hát cho có vậy thôi chứ không thành bản. Ông ta đi chậm chậm, chiếc nón lá theo cái đầu ông ta lúc lắc một cách tức cười. Khi còn cách tôi không đầy hai thước ông chợt ngừng đầu lên, mặt ông ta che kín bởi chiếc nón lá. Tôi chỉ nhìn được cặp kính râm lớn và đen sặc. Tôi không thấy được mặt ông ta, nhưng chắc ông ta đã thấy tôi một cách rõ ràng.

- Chào cậu.
- Không dám, chào ông.
- Cậu thấy tôi có kỳ lắm không? nhất là đội chiếc nón lá của đàn bà này.

Tôi cười cười. Ông ta đã đến trước mặt tôi và đứng lại nói chuyện hết sức tự nhiên.

- Thế nào cậu nói cho một tiếng đi chứ.
- Ông đi câu phải không, sao cần không có lưỡi?

À, một chút tôi sẽ buộc vào, bây giờ e sớm quá. Cậu không nghe người ta nói sanh nghề tử nghiệp sao. Làm thầy răn thì bị chết vì răn. Làm thầy câu sẽ bị lưỡi câu móc vào mắt. Tôi cười sau câu nói của người đàn ông.

- Cậu chưa nói gì về chiếc nón của tôi?
- Tôi cũng có một chiếc nhưng đã bỏ quên trong vườn

cây kia.

- Chắc là đẹp lắm nhỉ ?.
- Không giống nón của ông đâu.
- Ồ, tiếc nhỉ, nón của tôi đẹp lắm. Tôi nghĩ thế.
- Vâng, chắc vậy.

Người đàn ông cười khoái trá. Giọng cười ông ta ò ò làm tôi khó chịu. Toàn thân ông ta run lên như cây cần câu và sợi nhợ. Dứt tràng cười ông ta buông cây cần câu xuống đất móc trong túi ra một cái pipe sừng đen bóng chạm trổ lắt léo và một bao thuốc. Ông ta cẩn thận nhồi thuốc vào pipe, châm lửa, phả khói, xong cầm lấy cần câu xoay người bước đi. Tôi cũng rút một điếu thuốc ngậm sẵn nơi miệng đi sau lưng người đàn ông ra bờ sông.

Người đàn ông ngồi xuống chỗ đất có cỏ xanh mượt lẫm lẫm buộc lười rồi lấy gói mồi từ túi quần ra móc. Ông ta rất chăm chú trong công việc này, con mồi được mấy ngón tay ông ta vuốt ve cho ngay ngắn gọn gàng.

- Ông cho tôi mồi nhờ điếu thuốc.

À, cậu vẫn theo tôi này giờ. Vậy mà tôi tưởng cậu còn ở trên bãi đất cao ấy chứ. Đi câu một mình cũng buồn gặp cậu tôi vui lắm.

- Dạ dạ.

Lúc tôi đứng lên người đàn ông đã buông câu và ngồi chờ. Có lúc tôi thấy chiếc pipe trên miệng ông ta đầu mất. Tôi cười cười định làm cho điếu thuốc tôi mất theo vừa lúc đưa em nòng từ phía vườn cây chạy lên. Nó vừa chạy vừa vẩy tay.

- Chị em mắc chiếc nón của ông lên cành cây rồi, ông có

nhìn thấy không?

- Xa quá cậu bé tôi không thấy được.
- Diêm quẹt của ông đây này.

Đưa em móc từ trong túi ra một nắm diêm quẹt đưa cho tôi. Miệng cậu bé luôn luôn mở rộng như lúc nào cũng sẵn sàng để cười.

- Con đế của em cừ lắm, nó vừa cần tay chị em đó.
- Chị cậu có đau lắm không ?.
- Chị đòi bẻ cổ con đế nhưng đời nào em chịu.

Nói xong đưa bé cười hí hí. Người đàn ông quay lại gắt lớn :

- Có đi chỗ khác chơi không bé con. Ồn ông bẻ cổ bây giờ.
- Í, ông kẹ phải không?
- Mày láu quá, chết.

Đưa bé ù chạy khi người đàn ông đứng dậy đuổi theo. Đứa bé vừa chạy vừa đưa tay vịn lấy miệng túi chặn không cho hộp diêm đựng để rớt ra. Người đàn ông vừa chạy vừa đưa tay giữ chiếc nón lá cho khỏi bay trở lại phía sau. Người đàn ông càng chạy càng cách xa đứa bé. Tuy nhiên ông ta cũng không chịu đứng lại.

Tôi ngồi xuống chỗ người đàn ông, ném điếu thuốc xuống nước cho lênh bênh chơi. Chiếc pipe của người đàn ông bỏ quên dưới cỏ còn un khói, tôi lấy lên cầm ngậm ngía. Chiếc pipe thật đẹp, nó nặng trĩu trên bàn tay. Tôi nghĩ cái miệng của người đàn ông chắc bằng đá xanh. Tôi đưa thử lên miệng ngậm một chút, khó nhọc lắm tôi mới giữ được chiếc pipe giữa hai hàm răng. Được một lúc tôi thấy mồi như và bắt đầu ho dữ dội. Tôi hoảng hốt lấy chiếc pipe ném ra chỗ khác vừa lúc cây cần

câu oằn xuống mặt nước, tôi cầm lấy và giựt mạnh lên. Một con rắn nước bằng ngón chân cái đang uốn đuôi từng vòng vòng và giẫy dữ dội. Nhưng chắc khó mà thoát được. Tôi cũng không biết làm sao hơn là giữ con rắn lơ lửng trên mặt nước chờ người đàn ông trở về.

Độ một phút sau tôi nghe tiếng người đàn ông chửi thề và giọng ho sù sụ của ông ta. Và bây giờ ông ta có vẻ mệt nhọc ngồi bệch xuống sau lưng tôi.

- Tồ mẹ, hôm nay thiệt xui, thằng quý sứ đó tôi mà tóm được nó sẽ chết.

- Ông đuôi không kịp nó sao?

- Nó chạy nhanh như thỏ ấy, mệt quá xá. À, cậu có thấy cái pipe tôi đâu không?

- Ở kia kia, tôi thấy nó đó.

- Không phải đâu cậu, tôi đánh rơi lúc rượt theo thằng quý sứ đó mà.

- Ông không nhớ gì hết.

Người đàn ông thở phào một tiếng lớn rồi cần nhả gì đó. Tôi vẫn giữ con rắn như vậy và muốn dành cho ông ta sự ngạc nhiên khi nhìn thấy.

- Ồ, nó còn cháy đây này, tôi tưởng tắt ngủm rồi chớ.

- Ông lấy nón xuống và gỡ kính ra đi.

- À, cậu muốn nhìn rõ mặt tôi à?

- Không tôi sẽ chỉ cho ông cái này, mà hình như nãy giờ ông không thấy gì hết sao? Cái cần câu của ông...

Sao? cái cần câu của tôi được cá lớn à?

Người đàn ông mừng rỡ vớt tung cái nón lá và gỡ kính ra khỏi mắt. Nhưng khi ông ta nhìn thấy con rắn tròn

ten ở đầu sợi nhợ thì ông ta rú lên. Tôi vội hụp cây cần câu xuống mặt nước, con rắn kéo sợi nhợ chạy qua chạy lại. Một cơn gió thổi mạnh cuốn theo chiếc nón của người đàn ông xuống sông. Chiếc nón nổi trên mặt nước quay quay vài vòng rồi chìm ngấm. Ông ta kêu lên tiếc rề định nhảy xuống vớt nhưng lúc đó con rắn bỗng ngoắc đầu lên le lưỡi như đe dọa.

- Làm sao đây, mất chiếc nón đẹp của tôi rồi?

- Ông cứ nhảy xuống đi, nó không cắn được đâu. Lưỡi câu móc trong miệng nó rồi.

- Nó cắn tôi cậu làm sao?

- Đã bảo không cắn mà. Ông nhát gan quá.

- Tôi đã đi câu chưa bao giờ gặp rắn, à tại cái thằng quý sứ đó mà.

Người đàn ông nhìn chăm chú vào con rắn. Chiếc nón đã chìm mất dưới nước. Tôi tức cười cho điệu bộ ông ta, và tôi bật cười ha hả, ông ta có vẻ tức giận nhưng không dám làm gì tôi hết vì tôi đang giữ con rắn. Người đàn ông thần thờ ngồi xuống cỏ. Ông ta chán nản đeo kính râm lên mắt. Mặt ông ta buồn rười rượi. Xác con rắn bị tôi giết còn nằm đó, lưỡi dao găm của tôi đã đâm xuyên qua bụng con rắn khốn nạn bây giờ được tôi rút ra lau sạch máu dưới gót giày. Xong tôi đút lưỡi dao vào bao da cầm nơi tay và quay đi.

Buổi chiều xuống chậm như cơn đói bụng cồn cào của tôi. Nắng trong vườn nhạt như một loài lá vừa mới đổi sắc, tiếng sóng l ãm vãng lại từ hướng bờ sông nhắc tôi nhớ con nước chiều nay đã lớn. Tôi nằm ngửa lại nhìn bầu trời cao

xanh, mây trắng cuộn cuộn tuông như sương mù miền cao nguyên trong những sớm mai lạnh lùng. Tôi đã rời bỏ thị trấn với những sốt đầu ghê gớm trong một ngày đầu đông. Tôi về đây trong một miền xa lạ hoàn toàn. Tôi sống với sự hờ hững của tiếng chuông chùa nơi tôi ở trọ, với sự lạnh nhạt của mọi người nơi đây. Nàng, tôi nhớ tới cánh hoa Lục Bình màu tím lần đầu tiên. Em, tôi nhớ tới một cuộc từ biệt sắp sửa xảy ra nay mai. Chúng ta sẽ nói gì với nhau, tôi sẽ nói gì với em khi chuyển xe dừng lại mang tôi đi bỏ lại phía sau một khoảng đường mù bụi cát. Tôi mân mê lưỡi dao sáng lấp lánh. Lưỡi dao đã đâm xuyên tim con rắn khổng nạn một buổi sáng trên bờ sông với khuôn mặt người đàn ông buồn rầu như cảnh vật. Tôi nhìn chiếc nón được mắc trên cành cây đến bây giờ tôi cũng chưa buồn lấy xuống. Những cơn gió thổi rạt rào cành lá, trái đồi đen sẫm trong mỗi sớm tinh sương. Tiếng reo của nàng cùng đứa em.

Tất cả xảy đến như một cơn mộng mơ rồi sẽ tan loãng ra vào một chiều mù bụi cát khi tôi lên chuyển xe rời khỏi vùng này. Tôi đứng lên nhìn ra con đường đất đỏ. Gió cuốn làm thành những đám bụi mù bốc cao. Tôi đặt bàn tay lên lưỡi dao, một cảm giác ớn lạnh làm tôi rùn mình. Con rắn, tôi nghĩ lúc chết con rắn cũng rùn mình như vậy. Tôi đút lưỡi dao vào bao đi đến gốc cây có mắc chiếc nón ngồi nhắm mắt cho bớt cơn đói đang cồn cào. Một lúc tôi nghe như có tiếng chân người đi trên cỏ nhẹ nhẹ.

- Kìa ông, tôi tìm mãi không ra cái cây có mắc chiếc nón. Không ngờ ông ở đây.

- Ở bờ sông có con rắn chết em sợ quá. Ông có thấy

con rắn ở đó không ?

Tôi mở mắt ra nhìn nàng mỉm cười. Đứa em trao cho tôi một gói giấy. Nó cũng cười nàng ấp úng nói :

- Chắc ông đói bụng lắm phải không. Trọn ngày ông ở trong này đâu có về nhà.

- Bánh mì đó ăn đi ông, chị em dành phần cho ông đó

- Cám ơn cậu bé nhé. Thế con đẻ của cậu có cừ không ?

- Ồ cừ lắm, nó chịu chiếc hộp diêm rồi.

Nàng ngồi nhẹ nhẹ xuống bãi cỏ, ngược nhìn chiếc nón mắc trên cây. Một lúc nàng nói :

- Sao ông không lấy nón xuống đội.

- Tôi muốn đề yên như vậy hoài hoài vì tôi sắp rời nơi này. Có lẽ sáng mai hoặc chiều gì đó.

Tôi thấy mắt nàng chớp nhẹ và nàng nhìn tôi bối rối. Tôi cho tay vào túi quần mân mê lưỡi dao. Chiếc nón trên cành cây bỗng rụng xuống sau một cơn gió. Nàng nói nón ông rụng xuống rồi kìa và tôi nghe như nàng khóc trong miệng. Tôi cầm chiếc nón đội lên đầu và nhắm mắt. Nàng vỗ vào tay tôi nói ông ăn bánh mì đi rồi bỏ chạy theo đứa em về hướng bờ sông. Tôi mở mắt ra và chỉ kịp nhìn thấy nàng chạy sau một đám bụi đỏ mù.

TỪ KỂ TƯỜNG

THƠ MÙA THU

BÊN HẢI TÊN GỌI GIÒNG SÔNG

ở đó
giòng sông dơ nhất tokyo
vẫn phải nhìn
mỗi sáng qua cầu
liều xóa tóc
ở đó

giòng sông dơ nhất tokyo
vẫn phải nhìn
mỗi chiều trở về
sáng trắng

ở đó
tên gọi một giòng sông
vẫn phải nghe

VẤN ĐỀ 15

niềm đau từ tâm hồn
mỗi ngày nghĩ đến
liều xóa tóc dài ?
sáng trắng ?
hay chỉ hai cột cờ
nhìn nhau
qua màu máu

LÊ VĂN PHONG
tokyo

CUỐI CUỘC KIỂM TÌM

tôi rảo bước trên sợi dây ngò vực
 nhưng lạ thay vẫn giữ được thăng bằng
 tôi giả lả với tôi từng uẩn khúc
 tra hỏi mình phải sống đây chẳng

nó đã đến trú nơi tôi từng bữa
 và tò mò lục lạo nỗi ưu tư
 tôi nhẩn tui có gì đâu đời sống
 tóc đã thưa dần râu đã hư

lời rờ khắp châu thân rồi tự hỏi
 có tay chân mặt mũi cũng tỉnh cờ
 ở trong đó âm thầm vang tiếng gõ
 và máu hồng chắc cũng hư vô

tôi tra gan tôi như cuộc chiến
 không lý do trên số phận con người
 sống lần lút để thấy mình hiển hiện
 mãi rồi quen nghĩ cũng vui

khi bắt gặp tôi thấy mình ủy mị
 thân cong vòng uốn dấu hỏi băng quơ
 gương trước mặt vô tình không tráng thủy
 nên lập lòe tôi nổi hư vô

CUỐI XUỐNG

nhặt thừa tiếng động con tiền
 âm dương chén lật quẻ hiền thầy coi
 nghĩ mình con một hiểm hoi
 tuổi mang tên ngựa có mồi cong lưng

đừng đi hung hãn thú rừng
 đêm thu bóng lạ hồn rưng máu đào
 đầm đầm cát bụi chiêm bao
 mặt chai mày sạn lạ nào bóng đi

đã qua mấy chặng rầu rì
 thân con ngựa chừng không vì yên cương
 tôi lui dần thể chân tường
 thu tay trợn mắt mở đường tồn sinh

trầy da tróc vảy lạ hình
 uốn lưng ngựa mặt nổi mình một mai
 tư phong thân ngựa mặt dài
 bốn chân biểu diễn đặc tài cong lưng

THÀNH TÔN

A. D. SAKHAROV

vài ý nghĩ về tiến bộ chung sống hòa bình và tự do trí tuệ

Bài Tiểu luận dài 10.000 chữ đăng tải trọn vẹn ở đây được viết hồi tháng 6-1968 và được truyền tay dưới hình thức một «pamphlet» trong giới trí thức khoa học Liên Xô. Tác giả, Andrei Dmitriyevich Sakharov là một nhà khoa học hạch tâm nổi tiếng, một đảng viên kỳ cựu đảng CS Xô Viết và là hội viên Hàn Lâm Viện Khoa học, một địa vị uy tín nhất đối với một nhà khoa học Nga Xô.

Là sản phẩm hoàn toàn của thời kỳ Xô viết, Sakharov sinh năm 1921, tốt nghiệp Đại học Mạc tư Khoa (1942) cộng tác với Viện Vật Lý Học Lebedev, đậu Tiến sĩ Vật lý Hạch Tâm (1947) khi cùng nghiên cứu với Igor. Y. Tamm (một chuyên viên về cơ học nguyên lượng và là một người từng được chia giải Nobel về vật lý học) việc có thể xử dụng toàn thê năng lượng của bom khinh khí để chế tạo điện năng dùng cho mục tiêu hòa bình.

Trong mấy năm gần đây Sakharov thường hay phát biểu nhiều quan điểm về các vấn đề công cộng. Hầu hết những bài tiểu luận của ông đã được luân chuyển dưới hình thức nguyên cáo trong nhóm bạn hữu và cộng tác viên của ông. Bài mới nhất này nhằm cổ vũ cho một sự «hội tụ» giữa Đông—Tây đưa tới mục tiêu tối hậu là sự gần gũi và sự hợp tác giữa hai siêu cường quốc nguyên tử Nga—Mỹ.

VẤN ĐỀ 15

Bài tham luận này của Sakharov được coi là «tiếng sét» không những vì quan niệm chỉ trích chế độ Xô - Viết cùng những chính sách đối nội và đối ngoại của nó, đánh đổ những «huyền tượng quần chúng», lên án các «chế độ độc tài cảnh sát» có nhãn hiệu Phát-xít, Stalinit, Mao-it quần phiệt, không những vì những tiết lộ đầu tiên về các tội ác của thời Stalin hoặc những nhận định độc đáo về sự hạ thấp trình độ cùng nội dung, hình thức của thứ gọi là «văn hóa quần chúng» hoặc cổ tình như ở Nga, hoặc vì những lý do thương mại như ở Mỹ vân vân... mà chính còn vì nó đã xuất phát từ trong lòng chế độ Xô-viết, từ một cơ quan đầy uy tín của nhà nước đó và từ cái giai cấp trí thức ưu tú của xã hội Nga vậy.

Nguyên cáo bài này đã lọt ra ngoài Liên Xô và được dịch trọn vẹn ra Anh ngữ trên tờ New York Times ngày 22-7-1968. Bản Việt ngữ này được dịch từ bản Anh ngữ đó.

BĂNG QUANG

Những quan điểm của tác giả trong bài tiểu luận này đã được hình thành trong giới trí thức khoa học và khoa học kỹ thuật, hiện đang lo ngại về những nguyên tắc cùng những khía cạnh đặc thù của chính sách đối ngoại và đối nội, và về tương lai của loài người. Mối lo ngại đó đặc biệt, đã được nuôi dưỡng bởi một nhận định rằng phương pháp khoa học vẫn chưa thực sự hướng dẫn chính trị, kinh tế, nghệ thuật, giáo dục và quân sự.

Chúng tôi gọi phương pháp «khoa học» là một phương pháp được đặt trên căn bản một cuộc phân tích sâu xa về sự kiện, lý thuyết và quan điểm, được giả định trước là không thiên kiến, không sợ những cuộc thảo luận cùng những kết luận công khai. Sự phức tạp của tất cả những hiện tượng đời sống hôm nay, những khả năng và những nguy cơ to lớn nối liền với cuộc cách

mạng khoa học kỹ thuật và với một số khuynh hướng xã hội đòi hỏi đúng một phương pháp như vậy, như đã từng được nêu lên trong nhiều lời tuyên bố của chính quyền.

Trong bài tiểu luận, đưa ra đề người đọc cùng thảo luận, tác giả nhằm trình bày một cách hết sức tin tưởng và thẳng thắn hai tiền đề hiện được rất nhiều người trên thế giới ủng hộ. Đó là:

1. TÌNH TRẠNG PHÂN HÓA TRONG NHÂN LOẠI HIỆN ĐANG ĐE DỌA TIÊU HỦY LOẠI NGƯỜI

Văn minh đang bị đe dọa bởi: 1 cuộc chiến tranh hạch tâm toàn diện; nạn đói khủng khiếp cho phần lớn loài người; tình trạng hôn mê gây ra bởi chất ma túy có tên là «văn hóa quần chúng», và chủ nghĩa giáo điều quan liêu hóa; sự truyền bá những huyền tượng quần chúng nhằm đặt toàn thể các dân tộc và lục địa dưới quyền uy những kẻ mị dân tàn bạo và xảo trá; tình trạng hủy hoại gây ra bởi những hậu quả không thể lường được trước của những biến đổi nhanh chóng trong những điều kiện sống trên hành tinh chúng ta.

Đứng trước những hiểm họa đó, thì bất cứ hành động nào nhằm tăng gia tình trạng phân hóa nhân loại, bất cứ lời thuyết pháp nào rỗng rỗng tính bất khả dung hòa giữa những ý thức hệ và những quốc gia trên thế giới đều phải coi là điên loạn và một trọng tội. Chỉ có sự hợp tác phổ quát, trong những điều kiện tự do trí tuệ và những lý tưởng đạo đức cao đẹp của xã hội chủ nghĩa và sức lao động, đi đôi với sự loại trừ giáo điều chủ nghĩa và áp lực do những tư lợi được nguy trang của những giai cấp thống trị gây ra mới có thể bảo tồn được văn minh.

Người đọc nên hiểu rằng sự cộng tác ý thức hệ không thể ứng dụng được cho những ý thức hệ cuồng tín, môn phái và

cực đoan, chúng gạt bỏ đi mọi cơ hội gần gũi, thảo luận và thỏa hiệp; chẳng hạn những ý thức hệ của chính sách mị dân có nhãn hiệu Phát-xít, kỳ thị chủng tộc, quân phiệt và Mao-ít.

Hàng triệu người trên khắp thế giới đang cố gắng loại trừ nạn nghèo đói. Họ miệt thị sự áp bức, chủ nghĩa giáo điều và chính sách mị dân (cùng những biểu lộ cực đoan hơn của chúng như kỳ thị chủng tộc, Phát-xít, Xta-lin-nít và Mao-ít).

Họ tin tưởng vào tiến bộ xây dựng trên căn bản sự sử dụng tất cả mọi kinh nghiệm tích cực do loài người đã tích lũy được trong những điều kiện công bằng xã hội và tự do trí tuệ.

2. TIỀN ĐỀ CĂN BẢN THỨ HAI: TỰ DO TRÍ TUỆ VÔ CÙNG THIẾT YẾU CHO XÃ HỘI LOÀI NGƯỜI

Tự do thảo luận và phân phối tin tức, tự do thảo luận cởi mở và không sợ sệt, và tự do khỏi bị áp lực của chính quyền và thành kiến. Bộ ba tự do tư tưởng đó là sự bảo đảm duy nhất của con người chống lại sự nhiễm độc vì những huyền tượng quần chúng, mà một khi ở trong tay những kẻ giả đạo đức và mị dân, nó có thể biến thành độc tài đẫm máu. Tự do tư tưởng là sự bảo đảm duy nhất để có thể đi tới chính trị, kinh tế và văn hóa bằng con đường khoa học và dân chủ.

Nhưng tự do tư tưởng đang bị ba lần đe dọa trong xã hội mới của chúng ta—đe dọa bởi chất nha phiến có tên là văn hóa quần chúng, đe dọa bởi những ý thức hệ hèn nhát, vị kỷ và hẹp hòi và đe dọa bởi giáo điều chủ nghĩa chai đá của một thiểu số chính trị quan liêu và thứ vũ khí tra chuộng của chúng là sự kiểm duyệt ý thức hệ. Do đó tự do tư tưởng đòi hỏi sự bảo vệ của mọi con người biết suy nghĩ và ngay thẳng. Đây là một sứ mạng không những của giai cấp trí thức mà của cả mọi tầng lớp trong xã hội

và nhất là cái tầng lớp hoạt động nhất và có tổ chức nhất của nó: giai cấp công nhân. Những nguy cơ thế giới của chiến tranh, đói kém, tôn thờ cá nhân và quan liêu : đó là những hiểm họa cho toàn thể loài người.

Sự nhận định của giai cấp công nhân và giai cấp trí thức về những quyền lợi của hai bên đã là một hiện tượng rực rỡ của ngày hôm nay. Thành phần tiến bộ, quốc tế chủ nghĩa và trung kiên nhất của giai cấp trí thức tự bản chất đã là một phần của giai cấp công nhân, và thành phần tiên tiến, được giáo hóa, quốc tế chủ nghĩa và có trí óc cởi mở nhất của giai cấp công nhân lại chính là một phần của giai cấp trí thức.

Cái địa vị này của giai cấp trí thức trong xã hội khiến cho bất cứ lời kêu gào nào đòi hỏi những nỗ lực của giai cấp trí thức phải lệ thuộc vào ý muốn và lợi ích của giai cấp công nhân (tại Liên Xô, Ba lan và các nước xã hội chủ nghĩa khác) trở thành vô lối. Thực ra, những lời kêu gào đó chỉ có nghĩa là đòi phải lệ thuộc vào ý muốn của đảng, hoặc đặc biệt hơn nữa lệ thuộc vào bộ máy trung ương và những cán bộ ở đó. Ai có thể bảo đảm rằng những cán bộ này sẽ luôn luôn phát biểu những quyền lợi đích thực của toàn thể giai cấp công nhân và của tiến bộ chứ không phải những quyền lợi của chính phe nhóm họ?

Chúng tôi sẽ chia bài tiểu luận này làm 2 phần. Phần đầu óc nhan đề «Những Nguy Cơ», và phần hai, «Nền Tảng của Hy vọng»

NHỮNG NGUY CƠ

(A) mối đe dọa của chiến tranh.

Có ba khía cạnh kỹ thuật của những vũ khí hạch tâm đã

khiến cho chiến tranh hạch tâm trở thành một hiểm họa cho sự sống còn của loài người. Những khía cạnh đó là : sức tàn phá kinh khủng của một vụ nổ hạch tâm giá tương đối rẻ của những vũ khí và hỏa tiễn hạch tâm, và sự không thể nào ngăn ngừa hữu hiệu nổi một cuộc tấn công ồ ạt bằng hỏa tiễn hạch tâm.

1) Ngày nay ta có thể coi một đầu đạn hạch tâm có sức tàn phá bằng ba triệu tấn TNT là đầu đạn « điển hình » (nghĩa là giữa đầu đạn một hỏa tiễn Minuteman và một hỏa tiễn Titan II) Vùng cháy của một vụ nổ của một đầu đạn cỡ đó sẽ lớn gấp 150 lần trái bom ném xuống Hiroshima, và vùng tàn phá sẽ lớn gấp 30 lần. Sự nổ của một đầu đạn loại đó bên trên một thành phố sẽ tạo nên một vùng tàn phá và thiêu hủy hoàn toàn rộng tới 100 cây số vuông.

Hàng chục triệu thước vuông khoảng đất có người sống sẽ bị phá hủy. Sẽ có tới một triệu người chết vùi dập dưới những đồng gạch vụn, chết vì lửa và phóng xạ, chết ngạt trong khói và bụi, hay bị chôn sống trong những hầm trú ẩn. Nếu bom nổ ở tầm mặt đất, thì bụi phóng xạ sẽ làm nguy hiểm đến tánh mạng những người sống trong một khu vực rộng tới hàng chục ngàn cây số vuông.

2) Cũng cần nói vài lời về phí tổn và số bom chế tạo.

Sau khi đã vượt qua giai đoạn nghiên cứu và phát triển rồi thì sự sản xuất hàng loạt những vũ khí hạch tâm và hỏa tiễn sẽ không còn phức tạp và đắt tiền gì hơn sự sản xuất máy bay quân sự chẳng hạn : trong hồi chiến tranh, số sản xuất máy bay quân sự đã lên tới hàng chục ngàn.

Số plutonium sản xuất hàng năm trên thế giới hiện giờ vào khoảng hàng chục ngàn tấn. Nếu ta giả thử rằng một nửa

con số này được sử dụng trong những mục tiêu quân sự, và nếu trung bình vài kí plutonium được dùng trong đầu đạn, thì đã có đủ số đầu đạn để tiêu diệt loài người đến mấy mươi lần.

3) Khía cạnh thứ ba về hiểm họa hạch tâm (cùng với sức tàn phá và sự rẽ rúng của những đầu đạn) là sự ta không thể nào ngăn ngừa nổi một cuộc tấn công ồ ạt bằng hỏa tiễn. Các nhà chuyên môn đã biết rõ tình trạng này.

Chẳng hạn, trong loại văn chương khoa học phổ thông, ta có thể đọc về điều đó trong một bài của Richard L. Garwin và Hans A. Bethe trong tờ *Scientific American* ra hồi tháng ba 68.

Kỹ thuật và chiến thuật tấn công hiện nay đã vượt qua kỹ thuật phòng thủ rất xa dù rằng người ta đã phát triển được những loại hỏa tiễn chống hỏa tiễn có đầu đạn hạch tâm rất dễ điều động và mạnh mẽ, và mặc dù người ta đã tìm ra được nhiều kỹ thuật mới, như công dụng của tia *Laser*, vân vân.

Những sự cải thiện về sức cản của các đầu đạn đối với những sóng nén (shock waves) và đối với những tác dụng phóng xạ của neutron và tia x, sự có thể dùng hàng loạt những loại mồi giả (decoys) tương đối nhẹ và rẻ tiền trông giống hệt những đầu đạn và làm khốn nạn mọi khả năng của một hệ thống phòng thủ chống phi đạn, sự hoàn hảo của chiến thuật tấn công tập trung và ồ ạt trong thời gian và không gian, khiến những trung tâm phát hiện phòng thủ phải suy nhược, việc sử dụng những cuộc tấn công quỹ đạo và phân quỹ đạo, việc sử dụng phương pháp hoạt động hay thụ động làm rối loạn hệ thống radar và những phương pháp khác không được tiết lộ trên báo chí — tất cả những điều vừa nói đã tạo nên những trở ngại kỹ thuật và kinh tế cho một công trình phòng thủ, phi đạn hữu hiệu. Những

trở ngại đó hiện nay hầu như chẳng thể vượt qua nổi.

Kinh nghiệm về chiến tranh đã qua cho biết rằng sự sử dụng đầu tiên được một phương pháp tấn công kỹ thuật hay chiến thuật mới thường rất là hữu hiệu cho dù một loại thuốc giải độc đơn giản rất có thể được phát triển ngay sau đó. Nhưng trong một cuộc chiến tranh hạch tâm, thì miếng đòn thứ nhứt có thể là miếng đòn quyết định và làm tiêu tan hàng năm nghiên cứu và hàng tỷ bạc tiêu vào việc thiết lập một hệ thống chống phi đạn.

Một ngoại lệ cho điều vừa nói có thể là trường hợp một sự chênh lệch kỹ thuật và kinh tế lớn lao về tiềm lực của hai kẻ thù.

Trong trường hợp đó, phe mạnh hơn, sau khi đã tạo cho mình một hệ thống phòng thủ chống phi đạn với một số dự trữ thật lớn, có thể bị cám dỗ chấm dứt cái thế quân binh nguy hiểm và không bền đó đi, lần đầu và lần chót, bằng cách dẫn mình vào cuộc phiêu lưu tay trên, nghĩa là sai một phần tiềm lực tấn công của mình vào việc phá hủy hầu hết những căn cứ phóng đạn của địch và tin vào sự « miễn tội » trong giai đoạn leo thang cuối cùng, nghĩa là sự phá hoại mọi thành thị và kỹ nghệ của địch.

Nhưng có điều may cho thế quân binh của thế giới, là, sự khác biệt giữa những tiềm lực kỹ thuật — kinh tế của Liên Xô và Hoa Kỳ chẳng to lớn đến độ một trong hai bên có thể dẫn mình vào một cuộc « xâm lăng phòng ngừa » mà không tránh khỏi hiểm họa một đòn trả đũa tàn phá. Tình trạng này cũng chẳng thể thay đổi được bằng cách mở rộng cuộc chạy đua vũ

trang bằng cách phát triển thêm hệ thống phòng thủ chống phi đạn.

Theo ý kiến của nhiều người, mà cũng là của tác giả nữa, thì một định thức ngoại giao cho tình trạng cầm chân nhau này, dưới hình thức một sắc lệnh đình chỉ việc thiết lập những hệ thống chống phi đạo chẳng hạn, sẽ là một cơ hội tốt để Liên Xô và Hoa Kỳ bày tỏ thiện chí duy trì hiện trạng và không mở rộng nữa cuộc chạy đua vũ trang cho những hệ thống chống phi đạo đắt tiền một cách vô lý. Đó sẽ là một sự biểu tỏ thiện chí hợp tác chứ không phải là chiến đấu.

HAI CHỦ THUYẾT CẦN ĐƯỢC BÀI BỎ

Một cuộc chiến tranh hạch tâm không được coi là một sự nối tiếp của chính trị bằng những phương khác (theo công thức của Clausewitz). Đó sẽ là một phương tiện tự sát phổ biến.

Người ta hiện đưa ra hai lập luận để miêu tả chiến tranh hạch tâm như một hành vi chính trị "thông thường" dưới mắt công luận. Một, là quan niệm « hồ giấy », quan niệm của bọn phiêu lưu Mao ít vô trách nhiệm. Hai là lý thuyết chiến lược leo thang do những nhóm khoa học và quân phiệt ở Hoa kỳ chủ trương. Chẳng tối thiểu hóa tính cách nghiêm trọng của sự thách thức đi đôi với lý thuyết đó, ở đây chúng tôi chỉ ghi nhận rằng sách lược chung sống hòa bình là 1 đối lực cho lý thuyết ấy.

Một cuộc phá hủy hoàn toàn những thành thị, kỹ nghệ, vận tải và các hệ thống giáo dục, 1 sự nhiễm độc những đồng ruộng, nước uống và khí trời do chất phóng xạ, 1 cuộc tàn

phá thê chất gây cho phần lớn nhân loại, nạn nghèo đói, sự quay trở lại thời dã man mọi rợ và sự suy nhược trong khả năng di truyền của những người còn sống sót do ảnh hưởng phóng xạ, sự phá hủy cái nền tảng vật chất và thông tin của nền văn minh : đây là cái hiểm họa đe dọa thế giới, hậu quả của sự hiềm khích giữa hai siêu cường quốc thế giới.

Bất cứ một sinh vật có lý trí nào, hễ thấy mình ở trên bờ vực một thảm họa, trước hết sẽ cố tránh xa bờ vực đó đã rồi sau đó mới nghĩ đến việc thỏa mãn các nhu cầu khác của nó. Nếu nhân loại muốn tránh xa bờ vực đó, nó phải cố gắng vượt qua mọi cuộc phân hóa.

Bước quan trọng tiên khởi sẽ là duyệt lại phương thức cựu truyền về những sự vụ quốc tế, có thể mệnh danh là phương thức « thực chứng cạnh tranh ». Theo một định nghĩa đơn giản nhất thì đây là một phương thức nhằm cải thiện tư thế của mình đến tối đa bất cứ ở nơi nào và, đồng thời, là một phương thức nhằm tạo nên một sự khó chịu tối đa cho những lực lượng đối phương mà không đếm xỉa gì đến nền an lạc chung và quyền lợi chung.

Nếu chính trị là một ván bài giữa hai kẻ đánh bạc, thì đó có thể là một phương thức duy nhất. Nhưng một phương thức như vậy sẽ đưa hoàn cảnh hiện thời tới đâu ?

CHIẾN TRANH VIỆT NAM

(Về chiến tranh V.N. đặc biệt tác giả viết rất ngắn khoảng hơn 100 chữ, chỉ là những lời kết án quen thuộc hành động của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Tác giả cho rằng mục tiêu ngắn chặn

«lần sóng Cộng Sản» được rêu rao đang khiến cả một dân tộc bị hy sinh và chiến tranh ở V.N làm thương tổn đến sự sống chung hòa bình trên thế giới).

MIỀN TRUNG ĐÔNG

Một thí dụ bị thảm khác là miền Trung Đông. Nếu Hoa Kỳ chịu trách nhiệm trực tiếp về V.N, thì Liên Xô và Anh quốc hồi 1948 và 1956 chứ không phải Hoa Kỳ phải chịu trách nhiệm trực tiếp về Trung Đông.

Một mặt, đã có một sự khuyến khích vô trách nhiệm cho cái gọi là tình đoàn kết Ả rập (không có một đặc tính nào là xã hội chủ nghĩa cả — hãy nhìn Jordanie — mà thuần là quốc gia chủ nghĩa và chống Do Thái). Có người cho rằng cuộc chiến đấu của người Ả rập có 1 đặc tính chủ yếu là chống đế quốc. Mặt khác, cũng vô trách nhiệm là sự khuyến khích những phần tử cực đoan Do Thái.

Ở đây chúng tôi không thể phân tích toàn thể cái lịch sử đầy mâu thuẫn và bi thảm của những biến cố hai mươi năm qua mà các quốc gia Ả rập và Do Thái, cùng với những hành động có thể biện chính được trên bình diện lịch sử, đã thực hiện những hành vi đáng trách, mà thường khi gây ra bởi những hành động của các lực lượng bên ngoài.

Chẳng hạn năm 1948, Do Thái mở một cuộc chiến tranh tự vệ. Nhưng đến năm 1956, những hành động của Do Thái lại là đáng trách. Cuộc chiến tranh phòng ngừa 6 ngày, đứng trước những đe dọa tàn phá của những lực lượng liên hiệp Ả rập tàn nhẫn và có ưu thế về quân số, có thể biện chính được. Nhưng rồi sự đối xử tàn bạo với những dân tỵ nạn và tù binh chiến

tranh và sự cố gắng giải quyết vấn đề lãnh thổ bằng biện pháp quân sự phải được lên án. Mặc dù lên án, nhưng sự đoạn giao với Do Thái có thể là một lỗi lầm vì nó khiến cho sự dàn hòa ở vùng này trở nên phức tạp, và cũng khiến cho một sự công nhận ngoại giao cần thiết của các chính phủ Ả rập đối với Do Thái càng trở nên phức tạp hơn nữa.

Theo ý kiến chúng tôi, thì cần phải có một vài thay đổi trong việc điều khiển những sự vụ quốc tế, bằng cách lệ thuộc một cách có hệ thống tất cả những mục tiêu cụ thể và những nhiệm vụ địa phương vào nhiệm vụ căn bản là tích cực ngăn chặn một tình trạng suy sụp trong tình hình quốc tế, tích cực theo đuổi và bành trướng sự sống chung hòa bình tới mức độ hợp tác để ra chính sách thế nào để cho những tác dụng tức thời và dài hạn của nó sẽ không làm tình hình quốc tế căng thẳng hơn nữa và sẽ không tạo ra những khó khăn bên nào làm tăng cường những lực lượng phản động, quân phiệt, quốc gia chủ nghĩa, phát xít và phục thù chủ nghĩa. (1).

Những sự vụ quốc tế phải được hoàn toàn thẩm nhuần bởi phương pháp luận khoa học và tinh thần dân chủ, bởi một sự cân nhắc không sợ hãi mọi sự kiện, mọi quan điểm và lý thuyết, bởi sự công bố tối đa những mục tiêu tối hậu cũng như tức thời và bởi một sự trung thành với những nguyên tắc đã đề ra.

NHỮNG NGUYÊN TẮC ĐỀ NGHỊ

Những chính sách quốc tế của hai siêu cường quốc trên

(1) Revanchisme: chủ trương khôi phục lại những phần lãnh thổ đã mất (L N D)

những mục tiêu cao đẹp và xa vời, đề bảo tồn văn minh và nhân loại trên hành tinh chúng ta.

Những thay đổi tương tự trong tâm lý của nhân dân và trong những sinh hoạt của các chính phủ phải được đặt tới đối với liên Xô và các quốc gia phát triển khác.

Theo ý kiến của tác giả, một sắc thuế tương đương với 20 phần trăm lợi tức quốc gia, trong một thời gian 15 năm, phải do các dân tộc phát triển gánh chịu. Khi đã đánh một sắc thuế như vậy, thì những kinh phí về binh khí sẽ tự động phải giảm thiểu rất nhiều. Một chương trình viện trợ chung sức như vậy sẽ có một tác dụng quan trọng trong công cuộc quân bình hóa và cải thiện tình hình tại các quốc gia kém mở mang nhất, khiến cho ảnh hưởng của những phần tử cực đoan đủ loại sẽ bị hạn chế.

Những thay đổi trong tình trạng kinh tế của những xứ kém mở mang sẽ giải quyết vấn đề sinh suất cao một cách khá dễ dàng, như kinh nghiệm tại các xứ phát triển đã chứng tỏ, mà không cần tới phương pháp tuyệt thai (stérilisation) dã man kia nữa.

Một vài thay đổi trong chính sách quan diêm và truyền thống về vấn đề tể nhị này không thể tránh khỏi được tại các xứ tân tiến. Loài người chỉ có thể phát triển một cách êm ái nếu có tự coi nó là một đơn vị (trong cái nghĩa nhân khẩu học của từ ngữ) một gia đình duy nhất không có những sự chia phân thành quốc gia nào khác ngoại trừ những vấn đề có liên hệ đến lịch sử và truyền thống.

Do đó chính sách pháp chế và tuyên truyền của chính phủ về gia đình và hôn nhân không được khuyến khích tăng sinh sản

bội cuộc chiến đấu cách mạng và giải phóng dân tộc, cuộc chiến đấu chống lại sự phản động và phản cách mạng. Trái lại, khi đã loại bỏ đi tất cả những trường hợp nghi vấn rồi, thì rất dễ có được những biện pháp quyết định đối với những trường hợp phản động cực đoan chủ nghĩa màu da và quân phiệt chỉ biết tới con đường duy nhất là tranh đấu vũ trang. Một sự tăng cường việc chung sống hòa bình sẽ tạo cơ hội để ngăn trừ những biến cố bi thảm như ở Hy Lạp và Nam Dương.

Những nguyên tắc như thế sẽ mang lại cho quân lực Xô viết một sứ mạng bảo vệ nước ta và các liên minh ta khỏi xâm lược. Như lịch sử đã chứng tỏ, nhân dân ta và quân đội ta không thể chinh phục nổi khi họ bảo vệ tổ quốc họ và những thành quả xã hội và văn hóa to lớn của tổ quốc.

(B) NẠN ĐÓI KÉM VÀ NHÂN MÃN

Các chuyên viên đang đặc biệt chú ý tới mối đe dọa mỗi ngày mỗi lớn của nạn đói kém trong phân nửa thế giới còn nghèo khổ kia. Mặc dù số 50 phần trăm tăng gia dân số thế giới trong 30 năm qua đã được đi kèm với 70 phần trăm gia tăng sản xuất thực phẩm, cán cân đã bất lợi cho phân nửa thế giới còn nghèo khổ đó; Tình trạng ở Ấn độ, Nam Dương, tại một số quốc gia Châu Mỹ La Tinh và tại một số lớn những quốc gia kém mở mang — như thiếu những dự trữ kỹ thuật, kinh tế, thiếu cán bộ có khả năng, tình trạng lạc hậu xã hội, và một sinh suất cao — tất cả những điều đó làm cán cân còn tệ hơn và chắc chắn còn tiếp tục làm tệ hơn nữa trong những năm sắp tới.

Giải pháp sẽ là áp dụng phổ biến phân bón, cải thiện hệ

thế giới (Hoa Kỳ và Liên Xô) phải được xây trên một sự chấp nhận phổ biến những nguyên tắc thống nhất và tổng quát, tiên khởi có thể được đề ra như sau :

1) Mọi dân tộc đều có quyền quyết định vận mạng của mình với một tự do phát biểu ý nguyện : Quyền đó được một cơ quan quốc tế bảo đảm bằng cách kiểm soát xem các chánh phủ có tôn trọng « Tuyên Ngôn Nhân Quyền » hay không. Sự kiểm soát quốc tế tiền giả định việc sử dụng những biện pháp chế tài kinh tế cũng như việc sử dụng những lực lượng quân sự của L H Q để bảo vệ « nhân quyền ».

2) Mọi hình thức quân sự và quân sự kinh tế nhằm xuất cảng cách mạng và phản cách mạng đều bị coi là bất hợp pháp và tương đương với xâm lược.

3) Mọi quốc gia đều vươn tới công cuộc giúp đỡ hỗ tương trong những vấn đề kinh tế, văn hóa và tổ chức tổng quát với mục tiêu loại bỏ đi, một cách không đau đớn, tất cả những khó khăn nội bộ và quốc tế và ngăn không cho tình hình quốc tế căng thẳng thêm và sự tăng cường những lực lượng phản động.

4) Chính sách quốc tế không nhằm sự khai thác những điều kiện địa phương, đặc thù, để mở rộng những vùng ảnh hưởng và tạo khó khăn cho nước khác. Mục tiêu của chính sách quốc tế là đảm bảo sự tôn trọng « Tuyên Ngôn Nhân Quyền » và ngăn ngừa không cho tình hình quốc tế khàn trương thêm và một sự tăng cường khuynh hướng quân phiệt và quốc gia chủ nghĩa.

Những nguyên tắc như thế sẽ không thể coi như là phản

thống trợ cấp lão niên, một tử suất sơ sinh còn khá cao và mối đe dọa thường xuyên của nạn chết đói.

Thật là vô ích khi ta chỉ bắt buộc những quốc gia còn lạc hậu phải hạn chế mức sinh sản của họ lại. Điều cần thiết hơn hết thảy là sự viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho những xứ này.

Những yếu tố xã hội giữ một vai trò quan trọng trong tình trạng đau thương hiện nay và trong một tương lai còn đau thương hơn nữa của những miền nghèo đói. Cần phải hiểu rõ rằng nếu nạn đói, cùng với nỗ lực vươn mình tới nền độc lập quốc gia, là nguyên do chính của cuộc cách mạng « ruộng đất » thì chính cuộc cách mạng « ruộng đất » đó sẽ chẳng thể loại bỏ nỗi mối đe dọa của nạn đói, ít nhất trong một tương lai gần đây. Mối đe dọa của nạn đói kém không thể trực loại được nếu không có sự giúp đỡ của những quốc gia đã phát triển và điều này đòi hỏi nhiều thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại và đối nội của những quốc gia này.

SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG CỦA NGƯỜI MỸ DA ĐEN

Hiện tại, những công dân da trắng ở Hoa Kỳ vẫn không chịu chấp nhận hy sinh, cho dù tối thiểu, để loại trừ các vị trí bất bình đẳng về kinh tế và văn hóa của những công dân da đen, chiếm tới 10 phần trăm dân số Hoa Kỳ.

Cần phải thay đổi cái tâm lý của người dân Mỹ để họ sẽ tình nguyện và hết mình ủng hộ chính phủ họ và những nỗ lực trên toàn thế giới nhằm thay đổi mức sống kinh tế, kỹ thuật của hàng tỷ con người này, tất nhiên, sẽ kéo theo một sự giảm thiểu trầm trọng trong phân suất phát triển kinh tế của Hoa kỳ. Người Mỹ phải tình nguyện làm như thế để duy chỉ nhằm tới

CHÍNH QUYỀN HITLER

Thế giới sẽ không khi nào quên được vụ đốt sách tại các công trường trong những thành phố Đức, những bài diễn văn cuồng loạn, tàn bạo của những „fuehrer“, Phát xít và những kế hoạch còn tàn bạo hơn của chúng nhằm tiêu diệt hàng dân tộc, kẻ cả dân Nga. Chủ nghĩa Phát xít khởi sự thực hiện một phần những kế hoạch đó trong cuộc chiến tranh do chính nó gây ra thủ tiêu những tù binh và con tin, đốt làng, thực hiện chính sách diệt chủng đầy tội ác (trong cuộc chiến, chính sách này nhằm vào dân Do Thái trước tiên, một chính sách có tính cách khiêu khích, nhất là ở Ukraine và Ba Lan).

Chúng ta sẽ chẳng bao giờ quên được những hầm hố dài hàng cây số chưa đầy xác người, những phòng hơi, những con chó SS, những tên bác sĩ cuồng tín, những đồng tóc đàn bà, những va-li chứa đầy răng vàng và phân bón lấy ra từ những xưởng chế tạo sự chết.

Khi phân tích những nguyên nhân đưa tới việc Hitler lên nắm chính quyền, ta sẽ chẳng bao giờ quên được vai trò của tư bản độc quyền Đức và quốc tế. Ta cũng sẽ chẳng bao giờ quên được những chính sách bẻ phải đầy tội ác và giáo điều hẹp hòi của Stalin và bè lũ, nhằm gây hiềm khích giữa những người xã hội chủ nghĩa và CS (điều này đã được kể lại khá rõ ràng trong bức thư nổi tiếng của Ernst Henri gửi cho Ilya Ehrenburg (4)).

(4) H. Ernst là bút hiệu của một nhà bình luận Xô-viết, Semyon Rostovsky, thường viết cho tuần san văn nghệ *literaturnaya gazeta*; I. Ehrenburg, nhà văn lớn hiện đại của Nga, vừa từ trần hồi tháng 8-1967 (LND).

tại các xứ đã mở mang trong khi đòi hỏi các xứ kém mở mang nhận viện trợ phải giảm thiểu sinh suất. Trò chơi hai mặt này sẽ chỉ tạo nên cay đắng và quốc gia chủ nghĩa mà thôi.

Đề kết luận về điểm này, tôi muốn nhấn mạnh rằng vấn đề điều hòa các sinh suất rất là phức tạp và bất cứ giải pháp tiêu chuẩn hóa giáo điều nào nhằm "cho mọi thời gian và mọi dân tộc" sẽ phải sai lầm Cũng cần nói thêm là tất cả những điều vừa nói ở trên phải được coi là một công trình giản lược hóa mà thôi.

(C) SỰ NHIỆM ĐỘC CỦA MÔI TRƯỜNG SỐNG

Chúng ta sống trong một thế giới đổi thay mau lẹ. Những dự án kỹ nghệ. Những dự án kỹ thuật sử dụng nước sự phá rừng, khai hoang, sự sử dụng những hóa chất độc—tất cả những sự kiện này đang thay đổi bộ mặt của quả đất "nơi cư trú" của ta.

Công cuộc nghiên cứu khoa học về tất cả những quan trọng trong thiên nhiên và những hậu quả sự can thiệp của ta rõ ràng là đi chậm hơn những thay đổi đó.

Những số lượng chất thừa có hại của kỹ nghệ và vận tải đang được ném vất bừa vào không khí và nước, kể cả những chất sinh ung thư. Liệu rằng cái giới hạn an toàn có đã bị vượt qua như đã xảy ra tại một số địa điểm không?

A-cit cac-bon-nic do sự cháy của than hiện đang thay đổi những tính chất phản xạ nhiệt của khí quyển. Sớm muộn sự kiện này sẽ tới một mức độ nguy hiểm. Nhưng ta không biết đến bao giờ. Những hóa chất độc dùng trong canh nông đang thấm vào thê xác con người và loài vật, hoặc trực tiếp, hoặc qua những hợp chất nguy hiểm, gây ra những nguy hại trầm trọng cho

thống dẫn thủy nhập điền, cải thiện kỹ thuật canh nông, sử dụng nhiều hơn nữa những hải sản và dần dần hoàn hảo sự sản xuất thực phẩm tổng hợp (nhân tạo) bằng những axit a-min, mà trên bình diện kỹ thuật có thể thực hiện được. Tuy nhiên đối với những quốc gia giàu có, thì đó là việc dễ. Trong những xứ lạc hậu hơn, dựa vào cuộc phân tích tình trạng và chiều hướng hiện hữu, thì công trình cải tạo đó chẳng dễ đạt được tới trong tương lai gần đây, trước ngày thảm kịch được ước đoán có thể xảy ra, 1975- 80.

Điều quan hệ ở đây người ta đã ước đoán một tình trạng suy sụp trong cán cân trung bình về thực phẩm, theo những cuộc khủng hoảng thực phẩm từng địa phương sẽ cùng nhập vào trong 1 biên đối kém, đau khổ và tuyệt vọng, buồn sầu và phần nộ của hàng triệu con người. Một thảm họa lớn lao nhường ấy sẽ không tránh khỏi những hậu quả sâu xa cho toàn thế giới và cho mỗi một con người. Nó sẽ gây nên hàng đợt chiến tranh và căm thù, một sự suy sụp trong mức sống khắp thế giới và để lại một dấu vết đau thương và chống CS trên đời sống những thế hệ tương lai.

Phản ứng đầu tiên của một kẻ tầm thường khi nghe nói đến vấn đề này là " chúng " phải chịu trách nhiệm về số phận của chúng bởi " chúng " sinh sản quá nhanh. Tất nhiên việc kiểm soát sinh suất thật là quan trọng và nhiều dân tộc như Ấn độ chẳng hạn cũng đang có những biện pháp theo chiều hướng đó. Nhưng những biện pháp này phần lớn vẫn còn chưa hữu hiệu trong tình trạng lạc hậu xã hội và kinh tế, với những truyền thống muốn duy trì những gia đình đông đảo, sự thiếu vắng một h

chủng tộc, quốc gia và quân phiệt, và đặc biệt là sự nổi dậy của những chế độ Cảnh sát độc tài vừa mị dân, giả đạo đức, lại vừa vô cùng tàn bạo. Đứng đầu tất cả là những chế độ của Stalin, Hitler và Mao Trạch Đông, và một số các chế độ hết sức phản động tại những xứ nhỏ hơn như Tây ban nha, Bồ đào nha, Nam Phi Hy Lạp, An ba ni, Haiti và các nước châu Mỹ La tinh khác.

Những sự phát triển bi thảm này đã luôn luôn bắt nguồn từ sự đấu tranh của các nhóm vị kỷ, tự lợi, tranh đấu đòi quyền lực vô hạn, diệt trừ tự do trí tuệ, truyền bá những huyền tượng quần chúng đơn giản hóa và hẹp hòi (như huyền tượng về nòi giống, về đất và máu, huyền tượng về mối nguy cơ của dân tộc Do Thái, về chủ nghĩa phản trí thức, quan niệm về *lebensraum* tại Đức, huyền tượng về đấu tranh giai cấp và tính không thể sai lầm của giai cấp vô sản được thúc đẩy bởi sự tôn thờ Stalin và bởi sự làm ra quá đáng những mâu thuẫn với tư bản chủ nghĩa tại Liên Xô, huyền tượng về Mao Trạch Đông, chủ nghĩa quốc gia cực đoan Trung Hca và sự khôi phục quan niệm *lebensraum*, phản trí thức chủ nghĩa, phản nhân bản chủ nghĩa cực đoan và nhiều thiên kiến về chủ nghĩa xã hội nông dân tại Trung Hoa).

Phương pháp thông thường là sử dụng chính sách mị dân lực lượng xung kích và vệ binh đỏ trong giai đoạn đầu, rồi thiết lập chế độ quan liêu khủng bố với những cán bộ tin cậy thuộc loại Eichmann, Himmler, Yezhov và Beria (3) lúc đã thần thánh hóa quyền lực vô hạn đó đến cực điểm.

(2) *Lebensraum* (— khoảng sống): khoảng đất được chiếm cứ vì coi là cần thiết cho sự sống còn hay cho sự tự túc kinh tế của một quốc gia (LND).

(3) Eichman: đứng đầu ban Do Thái trong cơ quan Gestapo. Himmler trùm mật vụ của Hitler, Yezhov: trùm mật vụ Stalin từ 1936. 1938 giám sát giai đoạn chính những cuộc thanh trừng, Beria: trùm mật vụ của Stalin

THỜI KỲ STALIN NÍT

phẩm khá thành công, nhưng không may là nó chưa hề được xuất bản. Không chắc gì tác giả sẽ nhận được một lời ngợi khen nào của đồng chí Medvedev vì lẽ trong những quan điểm của tác giả, đồng chí Medvedev cho là có nhiều thành phần "Tây phương chủ nghĩa". Đà bút chiến là thế mà lại ! Thực ra những quan điểm của tác giả lại vô cùng xã hội chủ nghĩa, và hẳn mong rằng bạn đọc nào chú ý sẽ hiểu điều đó.

Tác giả hiểu rõ những tương quan mâu thuẫn trong những sự việc con người và quốc tế do nguyên tắc vị kỷ của tư bản gây ra khi tư bản đó không được chi phối áp lực của những lực lượng xã hội chủ nghĩa và tiến bộ. Tuy nhiên hẳn cũng nghĩ rằng những người tiến bộ Tây phương hiểu rõ điều này hơn là tác giả và đang lãnh đạo một cuộc đấu tranh chống lại những phát lộ đó. Tác giả hiện đang tập trung chú ý của mình vào những gì, theo quan điểm của riêng hẳn, đang làm cản trở nỗ lực toàn thế giới nhằm vượt qua tình trạng phân hóa, làm cản trở cuộc đấu tranh cho dân chủ, tiến bộ xã hội và tự do trí tuệ.

Nước ta đã khởi hành trên con đường gột rửa những vết nhơ nhớp của chủ nghĩa Xta-lin-nít. « Chúng ta đang vất con người nô lệ trong mỗi chúng ta ra từng giọt » (câu nói của Anton Chekhov). Chúng ta đang học cách phát biểu những ý kiến của ta, chẳng cần nắm lấy sợi giây thừng sờ mũi ta dẫn đi của các ông chủ và chẳng hề sợ sệt gì cho mạng sống của ta.

NGÔI KHEN KHRUSHCHEV

Con đường gian khổ và quanh co này rõ ràng bắt đầu từ bản phúc trình của Nikita Khrushchev trong đại hội lần thứ hai mươi của đảng Cộng sản Sôviết. Bài diễn văn mạnh bạo đó,

Chủ nghĩa Phát-xít kéo dài 12 năm tại Đức, Chủ nghĩa Stalin-nít kéo dài gấp đôi tại Liên Xô. Có nhiều đặt tính chung giữa hai chủ nghĩa, nhưng cũng có một vài điều khác biệt. Chủ nghĩa Stalin-nít biểu lộ một loại giả đạo đức và mỉa dân tế nhị hơn nhiều, dựa vào không những một chương trình tan bạo công khai như chương trình của Hitler, mà còn dựa vào một ý thức hệ tiến bộ, khoa học và xã hội chủ nghĩa nhân dân nữa.

Điều đó được dùng làm một bình phong tiện lợi để lừa dối giai cấp công nhân, để làm suy yếu cảnh giác của giai cấp trí thức và những người đối thủ trong cuộc đấu tranh nhằm quyền bính bằng công dụng hiểm độc của bộ máy tra tấn thủ tiêu và chỉ điểm, hăm dọa và bêu riếu hàng triệu người mà phần lớn chẳng phải là hèn nhát hay ngu muội. Do những "nét đặc thù" của chủ nghĩa Stalin-nít đó mà nhân dân Sô-viết và những kẻ đại diện hoạt động, có tài và thẳng thắn nhất của họ phải chịu đau khổ ghê gớm.

Ít nhất là 10 đến 15 triệu người đã chết trong những phòng tra tấn của cơ quan NKVD (5) hay là bị thủ tiêu, trong những trại tập trung phú nông và « bán phú nông » cùng thân nhân của họ và tại những trại « không được quyền thư tín » (mà sự thực, y hệt như những trại tập trung Phát-xít trong đó hàng ngàn người bị hạ bằng súng máy vì lý do « không chỗ chứa » và « lệnh đặc biệt »).

Người ta chết trong những hầm mỏ ở Norilsk và Vorkuta

(5) Cơ quan mật vụ Nga (LND)

lại những gì tôi đã viết.

SỰ TÔN THỜ CHỦ NGHĨA MAO IT

Trong những năm gần đây, chính sách mị dân, bạo động, bạo tàn và thô bỉ, hạ cấp, đã xâm chiếm một quốc gia vĩ đại đã theo con đường phát triển xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên tôi muốn nói đến Trung Hoa. Không thể nào mà không thấy kinh hãi và đau lòng khi đọc về sự truyền nhiễm quần chúng của chủ nghĩa phi nhân đang được truyền bá bởi viên « thủy thủ vĩ đại » và bọn đồng lõa, về những chàng Vệ Binh Đỏ (theo đài phát thanh Trung Hoa) « hò reo nhảy múa » trong khi những « kẻ thù ý thức hệ » của chủ tịch Mao đang bị hành quyết.

Cái ngu suôn của chủ nghĩa tôn thờ cá nhân tại Trung Hoa đã khoác những hình thức tàn bạo, bi hài kịch một cách kỳ quái, mang nhiều đường nét của chủ nghĩa Xta-lin-nít và Hit-le-rit đến một độ phi lý.

Nhưng sự phi lý này tỏ ra rất hữu hiệu trong việc biến hàng chục triệu người thành những kẻ ngu suôn và phá hủy cùng làm nhục hàng triệu người dân khác ngay thẳng và thông minh hơn.

Không biết rõ được toàn thể bức tranh bi thảm đó ở Trung Hoa ra sao. Nhưng dù sao chăng nữa, ta không thể nhìn nó cô lập khỏi những khó khăn kinh tế nội bộ của Trung Hoa sau sự đổ vỡ của cuộc phiêu lưu « bước tiến nhảy vọt », cô lập khỏi cuộc đấu tranh của các nhóm đòi quyền lực, hay cô lập khỏi tình hình chính trị ngoại quốc: cuộc chiến tranh VN, tình trạng phân hóa trên thế giới và cuộc đấu

nó tới như một điều ngạc nhiên cho những kẻ đồng lõa trong tội ác của Stalin, và cùng với một số biện pháp—như việc phóng thích hàng trăm ngàn phạm nhân chính trị và việc phục quyền họ, những biện pháp nhằm khôi phục những nguyên tắc chung sống hòa bình và khôi phục dân chủ—đã khiến chúng tôi phải đánh giá rất cao vai trò lịch sử của Khrushchev mặt: dù trong những năm tiếp theo ông đã lỗi lầm đáng tiếc có tính cách tử ý chủ nghĩa (Voluntaristic) và mặc dù khi Stalin còn sống cũng đã là một trong những cộng sự viên của Stalin trong tội ác và đã nắm giữ một địa vị có nhiều ảnh hưởng.

Công cuộc vạch trần chủ nghĩa Stalin nít trong nước ta còn phải tốn nhiều thời gian, Lẽ tất nhiên ta phải xuất bản tất cả những tài liệu đích thực, kể cả những văn khố của cơ quan NKVD, và phải mở nhiều cuộc điều tra khắp trong nước. Vì lợi ích cho thẩm quyền quốc tế của đảng CS Sô viết cũng như cho những lý tưởng của xã hội chủ nghĩa, như đã hoạch định hồi 1964 nhưng chưa hề được thực hiện, đảng phải tuyên bố trục xuất « tượng trưng » Stalin, kẻ đã sát hại hàng triệu đảng viên đồng thời tuyên bố sự phục vụ quyền chính trị cho tất cả những nạn nhân của chủ nghĩa Xta-lin-nít.

Chỉ trong khoảng thời gian 1936-39 mà thôi đã có lối hơn 12 triệu đảng viên (một nửa tổng số đảng viên) bị câu lưu. Trong số đó, chỉ có lối 50.000 được trả tự do; những người kia điều bị tra tấn trong khi thẩm vấn, hoặc là bị xử bắn (600.000 người), hoặc là chết trong những trại tập trung. Chỉ trong những trường hợp lẻ tẻ mà những người được phục quyền mới được phép giữ những chức vụ quan trọng, mộ

vì rét, vì đói hay vì kiệt sức; chết tại vô số những công trình xây cất, những trại cưa, những dự án sông đào, hay trong khi được chở tới các trại giam, trong những «con tàu chết» chật ních tại Biển Okhost và trong những trại định cư của hàng dân tộc, như dân Tartar ở vùng biển Crimée, dân Đức ở Volga, dân Kalmyk và các dân tộc Caucase khác nữa. Độc giả của tờ nhật báo văn nghệ Novy Mir mới đây có thể tìm thấy một bài mô tả «con đường chết» giữa Noriek và Igarka (phía bắc Tây bá Lợi Á).

Một số đầu sỏ về sau bị thay thế (Yagoda, Molotov, Yezhov, Zhdanov, Malenkov, Beria (6), nhưng chính quyền phản nhân dân của Stalin vẫn tiếp tục tàn bạo không kém và đồng thời cũng vẫn hẹp hòi và mù quáng một cách giáo điều trong sự bạo tàn của nó. Vụ giết các nhân vật quân sự và kỹ thuật trước chiến tranh, lòng tin mù quang vào sự «hữu lý» của cộng sự viên trong tội ác. Hitler, và các lý do khác của vụ thảm kịch quốc gia hồi 1941 đã được mô tả rất khéo trong một cuốn sách của Nekrich (7) hoặc trong những tập hồi ký của Thiếu tướng Grigorenko (8) và những sách khác — đó chẳng phải là những thí dụ duy nhất về tội ác, sự hẹp hòi và thiên cận.

(6) Yagoda: trùm công an của Stalin từ 1934- 1936, giám sát giai đoạn đầu của cuộc thanh trừng, về sau cũng bị thanh trừng và xử quyết Zhdanov: thân cận của Stalin, phụ trách những chính sách nghệ thuật và khoa học từ 1945— 48 (LND).

(7) Aleksandr M. Nekrich: Sĩ gia Sô viết, tác giả cuốn sách nói về cuộc tấn công Liên Sô của Đức hồi 1941, đã bị kiểm thảo và trục xuất khỏi đảng CS năm 1967 (LND).

(8) Pyotr G. Grigorenko: cựu Thiếu Tướng hồi Đệ II Thế chiến bị lột lon hồi 1964 vì những hoạt động phản Sô viết (LND).

nhân dân ta phải biết rằng những quan điểm của con người cổ nhiên là thông minh, quí quyết và rất là tiền hậu như nhất này là những quan điểm có căn bản Xta-lin-nít (mà theo quan điểm của chúng tôi thì chúng phản ánh những quyền lợi của giai cấp *élite* quan liêu).

Quan điểm của vị này, trong cơ bản, khác hẳn những giấc mơ và nguyện vọng của phần đa số và hoạt động nhất trong giai cấp trí thức chúng ta, một giai cấp theo ý chúng tôi, phản ánh được những quyền lợi đích thực của cả nhân dân ta và loài người tiến bộ.

Cấp lãnh đạo nước ta phải hiểu rằng chừng nào một con người như vậy (nếu quả thực tôi hiểu đúng bản chất quan điểm của ông ta) còn được quyền xử dụng ảnh hưởng, thì chừng đó sẽ không thể còn hy vọng gì cũng cố được địa vị của đảng trong giới trí thức khoa học và nghệ thuật. Một dấu hiệu của sự kiện vừa nói này đã được bộc lộ trong các kỳ bầu mới đây trong Hàn Lâm Viện Khoa Học: S.P. Trapeznikev đã bị đa số phiếu loại bỏ, mà sự nhắc khéo này đã không được cấp lãnh đạo «hiều» cho.

Vấn đề chẳng có liên quan gì đến những phẩm chất nghề nghiệp hay cá nhân của Trapeznikov ráo trọi, mà sự thực tôi cũng biết rất ít về chúng. Vấn đề có liên quan đến những quan điểm chính trị của ông ta. Tôi dựa những điều tôi đã viết trên những bằng chứng cửa miệng. Vì lẽ đó, trên nguyên tắc, tôi không thể gạt bỏ (dù rằng không lấy gì làm chắc chắn) khả tính rằng trong thực tế mọi sự sẽ trái ngược hẳn. Trong trường hợp đáng mừng đó, tôi sẽ xin được thứ lỗi và rút

Một thí dụ khác có liên quan đến vấn đề giáo dục. Một hệ thống giáo dục dưới quyền kiểm soát của chính phủ, sự tách rời trường học ra khỏi giáo hội, giáo dục miễn phí phổ biến—đó là những thành quả lớn lao của tiến bộ xã hội. Nhưng cái gì cũng có mặt trái của nó. Trong trường hợp này nó là sự tiêu chuẩn hóa quá độ, áp dụng cho đến cả diễn trình giảng dạy, đến cả chương trình giảng dạy, nhất là trong văn chương lịch sử, công dân giáo dục, địa lý và đến hệ thống thi cử nữa.

Thật là nguy hiểm nếu lúc nào cũng quy chiếu quá độ vào chính quyền và hạn chế thảo luận cùng sự mạnh dạn trí thức khi đứa trẻ còn ở trong tuổi mà những điều tin tưởng cá nhân đang được thành hình. Tại Trung Hoa thời cổ, chế độ thi cử tranh lấy chức vị trong chính quyền đã đưa tới một tình trạng tù hãm trí thức và sự thần thánh hóa những khía cạnh phản động của Khổng giáo. Đó là một điều vô cùng đáng tiếc nếu xảy ra trong một xã hội mới.

Kỹ thuật tân tiến và tâm lý học quần chúng luôn luôn đề ra những phương thức nhằm quản lý những tiêu chuẩn của tâm cử, những ước vọng và tin tưởng quần chúng. Điều này không những có liên quan đến sự quản lý qua tin tức (information) dựa trên các thuyết về quảng cáo và tâm lý quần chúng mà còn liên quan đến những phương pháp có tính cách kỹ thuật hơn thường được các báo chí ngoại quốc bàn tới. Thí dụ: kiểm soát sinh xuất bằng phương pháp hóa học sinh vật, kiểm soát những diễn tiến tâm linh bằng phương pháp hóa học sinh vật, hoặc kiểm soát bằng phương pháp điện tử.

CẢNH CÁO NHỮNG CUỘC THÍ NGHIỆM

Tôi thiết nghĩ là ta không thể hoàn toàn làm ngơ trước những phương pháp tân tiến này hoặc làm ngăn trở bước tiến của khoa học và kỹ thuật, nhưng ta phải ý thức được mối nguy cơ đáng sợ đang đe dọa những giá trị con người và ý nghĩa cuộc sống, mối nguy cơ nằm ẩn giấu trong việc lạm dụng những phương pháp kỹ thuật và hóa học sinh vật đó cũng như những phương pháp tâm lý quần chúng.

Con người không được biến thành một con gà hay một con chuột như trong những thí nghiệm nổi tiếng theo đó tình trạng say sưa sẽ được phát sinh một khi có hai điện cực gắn vào óc. Cũng liên quan đến vấn đề này là sự sử dụng mỗi ngày một nhiều những loại thuốc an thần và chống trầm uất (antidepressants), những chất ma túy hợp pháp, vv...

Ta cũng không được quên mối nguy cơ hết sức có thực mà Norbert Wiener (10) đã nhắc tới trong cuốn *Cyber Netics* của ông, nghĩa là sự vắng mặt của những tiêu chuẩn quân bình về tâm lý con người trong các loại máy điều động học. Quyền năng vô cùng quyền dữ và chưa từng thấy bao giờ mà loài người, hoặc tệ hơn nữa, một phe nhóm đặc biệt trong loài người chia rẽ, sẽ có thể rút ra được từ những lời khuyên thông thái của những nhà trí thức trong tương lai, những máy tự động « biết nghĩ » nhân tạo đó, sẽ có thể là một bầy xập chất người như Wiener đã báo trước. Những lời khuyên đó có thể sẽ nguy hiểm không thể

(10) Nhà toán học Hoa Kỳ (1894-1964): người sáng lập ra khoa điều động học (Cybernétique) làm nền tảng cho kỹ thuật chế tạo máy tính điện tử (computer) sau này.

tưởng tượng được, và thay vì theo những mục tiêu con người, có thể lại theo đuổi những vấn đề hoàn toàn trừu tượng đã được biến hình một cách không thể đoán được trước trong bộ óc nhân tạo.

Mối nguy cơ như vậy sẽ trở thành vô cùng có thực trong khoảng vài chục năm nữa nếu những giá trị con người, nhất là tự do tư tưởng, không được tăng cường, nếu tình trạng ly tán vẫn chưa bị loại trừ.

Ta thử xét đến những mối nguy cơ ngày hôm nay, xét đến nhu cầu tự do trí tuệ, nó cho phép công chúng và giai cấp trí thức kiểm soát và kiểm điểm lại tất cả mọi hành vi, ý hướng cùng quyết định của nhóm người cai trị.

DẪN CHỨNG MARX VÀ LENIN

Marx có lần viết rằng cái ảo tưởng cho là "thượng cấp biết được tất cả" và "chỉ có thượng cấp quen thuộc với bản chất chính thức của sự vật mới có quyền phê phán" đã là niềm tin tưởng của các nhân vật chính quyền mà đối với họ thì sự thịnh vượng của nhân dân đồng nghĩa với quyền lực của chính phủ.

Cả Marx lẫn Lenin luôn luôn vạch rõ tính cách gian ác của 1 chế độ quan liêu, trái nghịch hẳn với một chế độ dân chủ.

Lenin thường nói rằng bất cứ người đầu bếp nào cũng phải học cách cai trị. Ngày nay tình trạng đa dạng và phức tạp của những hiện tượng xã hội và những nguy cơ đang đe dọa loài người đã trở nên lớn lao khôn lường; chính bởi lẽ đó mà loài người phải được bảo vệ chống lại mối nguy cơ

(còn tiếp)

VŨ KHẮC KHOAN

những người không chịu chết

(TIẾP THEO)

SƠN

Thế thì đây, ông nghe cho rõ nhá. (Đổi giọng.) Ông có thấy là từ nãy đến giờ ông nói như bố người ta không?

Người đàn ông ngửa mặt há miệng, yên lặng cả cười. Một lát sau.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG.

Bố người ta. Nói như bố người ta. Hay thật. Ngôn từ cậu dùng được lắm. Được lắm. (Một lát). Tôi không giận cậu mặc dầu tôi biết cậu vừa nặng lời với tôi. Đối thoại thì phải vậy chứ biết làm sao? Đối thoại vui thật. Có những ý nghĩ. Rồi lại phát biểu những ý nghĩ đó ra bằng ngôn ngữ. Rồi lại được nghe một người khác mình dùng đúng cái ngôn ngữ mà mình vừa sử dụng để tung lại một loạt ý nghĩ trái ngược với những ý nghĩ mình vừa phát biểu, để đối chọi với mình. Cứ như thế, liên miên lan man, mãi mãi không thôi, bất phân thắng phụ. Vui thật. Thật không khác gì một cuộc so gươm giữa hai kiếm khách ngang tài, kẻ ra chiêu thức tấn công, người đối thủ lập tức nghĩ ra chiêu thức đối phó. Đường gươm đi lại, kẻ tung người

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Từ từ chứ. Chúng ta còn nhiều thì giờ. Quá nhiều thì giờ. Việc thứ nhất đã.

SƠN

Tôi muốn biết ông là ai. Ông là thế nào ở đây.
Người đàn ông lại há miệng cười. Một lát sau.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu đã hỏi việc đó rồi mà.

SƠN

Và ông chưa trả lời dứt khoát,

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi đã trả lời đâu mà cậu bảo là chưa dứt khoát.

SƠN

Vậy thế ông là ai ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Nếu tôi trả lời rằng tôi cũng giống như cậu thì cậu có tin không ?

SƠN

Như tôi là thế nào ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu thế nào thì cậu phải biết chứ.

SƠN

(ngẫm nghĩ)

Chả có lẽ.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Đó, cậu đâu có tin ? Ngay như tôi có nói thật, cậu vẫn bán tin bán nghi. Vậy cậu hỏi làm gì ?

SƠN

Thì tôi tin thế đêch nào được ông? Tôi biết ông là ai mà tôi tin ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu không biết tôi nhưng tôi thì tôi biết cậu. Cậu lên vào đây. Rồi lại hóa trang làm pho tượng gỗ mà lại có cảnh sát truy tìm. Tôi biết cậu. Biết rõ. Đối với tôi, cậu ở ngoài ánh sáng. Còn đối với cậu thì tôi lại hoàn toàn ở trong bóng tối. Cậu mới ra chiều đầu mà tôi đã chiêm thượng phong (cười)...

SƠN

Sốt ruột. Sốt ruột. Bộ ông tưởng che mắt được tôi sao ? Bộ ông tưởng tôi không đoán được ông là hạng người nào à ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Đó. Vì vậy mà tôi đã nhất định.

SƠN

Nhất định gì. Nói coi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Giữ con dao. Nhất định giữ. Đề còn có chuyện đôi co với cậu chứ.

Sơn trừng trừng nhìn người đàn ông. Và qua giọng nói, ngôn ngữ và dáng điệu, trong Sơn lần lần xuất hiện một con người lạ, một thứ con trai sớm mất ngây thơ, lớn lên trên vĩa hè đường thành thị, trưởng thành trong lòng những hẻm tối, những Viện Tế Bần và nhà Trường Giới.

SƠN

Nhịn cha hết rồi. (Vừa nói vừa tiến lại.) Nhất định hả. Nhắc lại coi. Nhắc lại coi.

Người đàn ông vẫn đứng nguyên vị. Nhưng khi cắt tiếng trả lời, giọng hắn đột nhiên cũng thay đổi, giờ đây, bỗng giống Sơn.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Coi chừng, lời

Sự [thay đổi đột ngột nơi người đàn ông làm Sơn

đứng sững. Nhưng liền sau đó, giọng người đàn ông lại trở lại như cũ. điềm đạm, từ tốn.

Cậu thấy không. Cái thứ ngôn ngữ đầu đường xó chợ mà cậu vừa sử dụng đâu có lạ đối với tôi? Nếu cần, tôi có thể tiếp chuyện cậu bằng cái ngôn ngữ đó ... rất lâu. Nhưng tôi không thích như vậy. Đối với tôi, nó nhắc nhở đến cả một dĩ vãng mà tôi muốn quên, mà tôi đã quên... mà tôi tưởng đã quên ... trước khi gặp cậu. (Một lát). Ta nói chuyện như lúc này thì hơn. Cậu đồng ý chứ?

SƠN

(cười gằn)

Không phải chợ búa gì mà mặc cả. Đưa con dao đây.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu nên cẩn thận. Con dao đang ở trong tay tôi. Mà tôi ... thì tôi lại biết sử dụng nó, đã sử dụng nó khá nhiều lần, chắc chắn là nhiều lần hơn cậu.

Sơn xông lại. Người đàn ông lùi hai bước, tay phải chìa con dao ra phía trước, thủ thế. Hai người nhìn nhau. Trong yên lặng căng thẳng tỏa xuống căn hàng, bất chợt dội vào tiếng thang máy đi lên. Tiếp theo là tiếng chân người, tiếng nói chuyện giữa ít nhất là hai người — người Chà Và và một người lạ. Ổn ào dừng lại trước cửa căn hàng.

TIẾNG NGƯỜI CHÀ VÀ

Căn này bán đồng hồ. Căn này bán quần áo.

TIỀNG NGƯỜI LẠ

Bán quần áo...

TIỀNG NGƯỜI CHÀ VÀ

Ông có cần vào xem không?

TIỀNG NGƯỜI LẠ

Ờ... ờ...

Sơn nhìn quanh quần. Rồi tiến về phía hậu diện.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

(vẫn điềm tĩnh)

Không được đâu. Vào trong đó không được đâu.

SƠN

(hơi lúng túng)

Đâu? Chạy đâu?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Bình tĩnh. Cứ bình tĩnh. Theo tôi.

Dứt lời, người đàn ông đã đứng lẫn vào đám người gỗ, Sơn lẹ bước theo sau. Trong phút chốc, cả hai đã trở thành hai pho tượng gỗ, mỗi người một dáng điệu đặc biệt thích hợp với bộ đồ mặc trên người. Vừa lúc đó...

TIỀNG NGƯỜI LẠ

Vào thì vào.

Cửa mở. Người Chà Và và một người cảnh sát bước vào.

NGƯỜI CHÀ VÀ

Đấy, ông xem.

Nhưng người cảnh sát đang sững sờ sững nhìn đám tượng gỗ.

NGƯỜI CẢNH SÁT

(chỉ đám người gỗ)

Cái gì...

NGƯỜI CHÀ VÀ

(cười ngất)

A ... người gỗ. Người gỗ cả đấy mà.

NGƯỜI CẢNH SÁT

Gớm... tôi cứ ngỡ là người thật. (Một lát). Giống quá nhỉ, (Đập vào vai pho tượng ông cụ già.) Đây, trông ông cụ này mà xem. Ai dám bảo là người gỗ. (Chỉ người đàn ông lúc đó đang sững người bất động trong dáng điệu rất mực phong lưu của một người đứng tuổi đang lựa một cuốn sách để đọc trước khi lên giường đi ngủ.) Lại còn cái ông kia nữa. Hừ ... Tôi đánh cuộc với ông... (Vừa nói vừa tiến lại phía người đàn ông đứng tuổi.)

NGƯỜI CHÀ VÀ

(không đề ý đến lời người cảnh sát)

A...

Ông cứ kéo tấm màn ra mà xem.

NGƯỜI CẢNH SÁT

(tay cầm tấm màn)

Ông vào với tôi.

NGƯỜI CHA VÀ

Ông có súng thì cứ vào. Tôi đứng ở ngoài này được rồi. Chẳng chơi đại. Ngộ nhớ ...

Người cảnh sát kéo mạnh tấm màn rồi lùi lại vài bước, tay lăm lăm đặt vào bao súng. Một lát.

NGƯỜI CẢNH SÁT

(nhìn vào trong)

Chẳng có mẹ gì cả. (tiến sát tấm kính nhìn ra ngoài trời). Cao quá nhỉ. (Nhìn quanh quần rồi lấy tay ấn vào tấm kính). Mỏng mảnh quá. Vô phúc ngã mà vô phải tấm kính này thì thật là số ăn may. (Đi ra, kéo tấm màn lại.) Thế này thì có mà chạy lên tầng trời (Lại nhìn quanh.) Gớm, lăm quần áo quá.

NGƯỜI CHA VÀ

Đủ kiêu. Đủ kiêu mà.

NGƯỜI CẢNH SÁT

Ấy thế mà còn thiếu đấy.

NGƯỜI CHA VÀ

Thiếu gì ?

NGƯỜI CẢNH SÁT

Thiếu bộ đồ... cảnh sát. (Cả hai cười, rất vô duyên, Một lát sau.) Còn lâu nào nữa không, ông gác ?

NGƯỜI CHA VÀ

Đây là lầu chót. Ông có cần xem căn bên cạnh không ? Can bán đồng hồ.

NGƯỜI CẢNH SÁT

Thôi chả cần. Đợi sớm mai chắc ăn hơn.

NGƯỜI CHA VÀ

Có lẽ nên xuống dưới này soát lại một lần nữa cho nó chắc. Dưới đó còn cái cửa sau.

NGƯỜI CẢNH SÁT

Cái cửa sau cạnh phòng buồng ông chứ gì ? Ông đừng lo, có người gác ở ngoài rồi. (Cả hai ra. Cửa mở rồi khép. Tiếng chân rồi tiếng thang máy xa dần. Người đàn ông và Sơn cũng dần dần trở lại bình thường. Cả hai bước ra khỏi đám người gõ.

(còn tiếp)

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

(tiếp theo)

Cỏ May đã lừng khừng mang đồ sinh lễ đến trả tận tay Trương một chiếc nhẫn thành hai, hai mâm cau cầu rượu thành bốn : kẻ bại trận này muốn an toàn, kẻ bại trận này không muốn va chạm gì với anh nữa hết, tôi xin tâu thoát, tôi chỉ còn có chước chạy, chạy xa chạy nhanh ... Anh với tôi không bao giờ có thể liên hiệp hạnh phúc được dù chỉ trong một tích tắc đời sống, liên hiệp với anh là tự sát, liên hiệp với anh là bằng lòng hóa kiếp xin trả sinh lễ lại anh, hôm nay là ngày cáo phó. Từ phút càn quét đó hai người đâm sầm về hai phía cách xa nhau, mắt hút vào chia ly, đánh rơi tung tích nhau trong tầm mắt nhìn, trong tầm tay với, trong tầm tai nghe. Cỏ May bươn bả cấp kỳ tăng gia sự hiện diện của nàng ở tất cả mọi cuộc hội thảo, liên hồi tham gia mọi công tác, nàng mất tâm, mất tích trong công việc, trong hành động. Còn Trương Trầm như thắm — thằng cha biến đâu mắt không biết tan thành hơi bay bốc thành khói ... hú hồn ; ... bây giờ không biết thằng cha ở đâu, ai tìm cũng không ra, không

VĂN ĐỀ 15

biết thằng cha núp ở xó xỉnh nào ... biến đâu mà tài quá, hay là thằng cha đã tan ra thành bột ngọt rồi ... Trầm thoáng cười khe khẽ khiến Cỏ May quay lại chi rứa mi, cười chi mà sượng rứa — Tao thoáng nghĩ đàn ông là bột ngọt, không có đàn ông đời không thề nào ngọt được, không có đàn ông tội mình chát ngăm. Đời không ngọt, tội mình không ngọt, tô canh không ngọt ... Cỏ May bịu môi cóc cần. Trầm ghẹo mặt đi chỗ khác nói trong ý nghĩ : phiền ... đàn ông gì mà phiền .. thiếu cố gắng, thiếu thiện chí ... khó nhất là chuyện lấy chồng nhưng dễ nhất là chuyện cưới vợ ... rứa mà thằng cha Trương làm không được, cái dễ nhất mà không ra tay được, Minh phiền thằng cha ghê. Cỏ May chợt nghiêm nghị quay sang Trầm :

— Anh Lê Hùng sắp mời mày viết báo đấy... liệu hồn... viết báo vừa vừa đa ! chịu không thấu !

Nghe Cỏ May nói, xóm nữ lại bầu quanh Trầm cười khi khi... Tuyết mau miệng văn con Trầm là văn bạo, viết bạo như voi, văn voi, văn tung... Quen rồi... bạo mồm, bạo miệng quen rồi... bây giờ Trầm mình mà viết liệu coi bộ ngu ngu. Thảo nhìn xoi vào mắt Trầm đàn bà chạy đua viết bạo... Trầm nhi ơi con hãy nhẫn với mấy con bạn viết văn của con là hãy cứ viết cho thật hoang đi rồi mai kia cộng sản nó vào được thành phố nó bắt đi làm nữ cán bộ hộ lý cho mà coi ! Cả mấy tội cùng cười xòa xòa, Trầm nghe như cắn vào lỗ tai mình, nàng hăm hừ mấy tiếng rồi nói khe này này bây giờ vén cái quần lên, đưa

tay gãi đầu gối nghe sột sột nghe còn sượng tai hơn nghe tụi này cười. Ý nghĩ hắt ra thành cái nhún vai: văn tao là văn thật... tao quan niệm viết không phải là che đậy dấu điểm... Lê Hùng uống hai hớp nước lạnh nhìn sang xóm nữ võ bàn miệng xuyt xuyt bảo nín, bảo im rồi đứng lên đi lại phía đó. Ba anh con trai ngó qua xi, xăm Phiến vẫy tay kêu anh Hùng ơi sang đây... anh lặn lội chỉ trong đám hồng quần vắt vẻo rứa. Qua chếp miệng tán gái đã biến thành thói quen của lủi mất rồi. Quyết thủng thỉnh mà nào đâu lủi có yêu ai, lủi có 1 quả tim biết khôì hài... lủi thông minh đến độ mất quân bình... Loay hoay một lát, Lê Hùng lại trở về bàn. Trầm rút mình ra khỏi con ồn cùng tiếng cười con gái ngược mắt lên diễn giả. Phiến họp đã lái sang vấn đề những tờ báo. Lê Hùng khuyên sinh viên nên ra một tấm báo, chàng nhấn giọng với nụ cười: chúng ta nên có một diễn đàn tranh đấu, có một nguồn lợi nuôi cách mạng và có một thanh thế nào đó đề... mơ ước hòa bình chẳng hạn. Một sinh viên hỏi tiền đâu đề ra báo, Lê Hùng nhún vai tiền móc từ túi, mỗi chiếc túi đóng góp một nghìn đồng chẳng hạn. Chúng ta phải có một tờ báo thường xuyên tỉ như tờ « lập luận » của nhóm đệ nhất đẳng trí thức ở Huế hiện giờ. Trầm che miệng ngáp óc hình dung tới hai chữ « lập luận » đồ lòm kễ nghiêm trang bên cạnh mấy viên gạch nung sắp làm 8 lớp với một sợi dây dọi thợ nề lòng thông vô tích sự. Một tờ báo được khai sinh trong số phận bọc điều, một tờ báo bừa bãi không một kẻ biết chữ nào không ham đọc trong cái thành phố quá khích này.

Người ta đọc ngẫu nhiên, đọc tới đâu khoái tới đó, mát ran thân thể tới đó, người ta nghiện, người ta mê như miếng trầu như điều thuốc và những tên bồi bút cho tờ báo đều đã biến thành hiệp sĩ không áo choàng, không mặt nạ để thành phố chiêm ngưỡng, sùng bái. Trầm đọc một câu thơ đề buồn cười: trái tim em chín trong lồng ngực đề bàn tay anh hái... Nhưng... bao nhiêu trái tim cùng chín một lược đề chẳng có bàn tay hiệp sĩ bồi bút nào hái cả... Trầm cười nụ nhỏ. Lê Hùng nói tiếp chúng ta phải có một tờ báo mới yên thân lo cho cách mạng đầy đủ, mới an thần gầy dựng tương lai cho đoàn thể chế, chúng ta hãy tự mình nhen nhúm niềm tin cho nhau, bồi bổ sinh lực cho nhau. Lâu nay, tờ « lập luận », đã hà hơi thổi, chan máu huyết cho công cuộc đấu tranh quá nhiều rồi... chúng ta đã quá ỉ vào tờ « lập luận », đã dựa má, kễ môi, sát tâm sự quá nhiều rồi, phải nghĩ đến ngày ra riêng, lập nghiệp riêng... Vì, dù sao đi nữa, báo « lập luận » cũng chưa phải là tờ báo mang tiếng nói của chính miệng mồm chúng ta. Đó là tiếng nói của tri âm, tiếng nói ấy hay quá nên chúng ta tưởng là chúng ta nói... Vậy bây giờ bằng mọi nỗ lực, chúng ta phải sinh sản cho chúng ta 1 tờ báo. Đề mà nói chính trị cho sượng miệng. Đời còn cái khoái nào hơn cái khoái nói chính trị... đó là của chưa ai thấy cũng thêm. Nói đề biến thành thánh. Vì kễ khác làm nên mình phải ra sức nói. Kễ nào đang làm chính trị cũng có một cục bứu đại chang ở sau lưng... Lê Hùng hét to lên và đập bàn: vì họ có cục bứu nên chúng ta mắc phải cục tức, cục phẫn uất ở trong lòng, chúng ta phải nói, phải nói... nói cho vắng cục tức ra ngoài, chúng ta phải tự tay giải phẫu tận gốc rễ cho chúng ta... Có tiếng lao xao, Lê Hùng liếc về xóm

nữ bắt gặp vài nét cười băng quơ thật khéo. Chàng nói với cái vòm trời đẹp đó: Hiện tại, các bạn cũng đã thấy sức mạnh bạt sơn của tờ « lập luận »... Chúng ta mang nặng trọng trách tranh đấu với thứ thế giới bất bạo động. Nếu bảo « bất bạo động » là một thứ khí giới... thì... thứ khí giới đó chúng ta có cầm trên tay được không? Có công trên vai được không? Nèn, tờ báo đối với chúng ta là 1 khí giới đích thực nhất ba quân cầm chung một thứ khí giới. Thưa các bạn, làm báo mê lắm, bỏ ăn, bỏ ngủ, bỏ cả nhân tình. Lê Hùng gật gật đầu vàng vằng phải ra báo, tay không không làm việc lớn được. Phiến lổng cong cong người đứng dậy dạ, dạ thưa anh Hùng, em xin tán thành phải ra báo, ra báo, không thì tào bôn tư tưởng. Nhiều tiếng cười gượng. Cỏ May nói cầu nhau: phiến, thẳng Phiến hẳn vấp vào 1 lỗi lầm lớn là hẳn tưởng hẳn có duyên... hẳn tỏ ra tự tin khi khôi hài. Phiến tiếp to; nên ra báo để cô động quốc sách đoàn thể chế... Lê Hùng đỏ mặt như trái hồng quân cầm ly nước uống. Uống xong nói liền, tiếng nói trùng hẳn xuống: chúng ta cần phải có cái này, cái này... Chàng đưa bàn tay mặt lên, hai ngón trỏ và giữa chụm chui vào nhau phát một cử chỉ đếm tiền. Vâng chúng ta thiếu cái này, cái này. Thiếu cái này chúng ta không thể làm việc lớn được. Lâu nay vì thiếu cái này mà mọi công việc, kể cả cái đoàn thể chế tiến hành một cách rù rờ như thế phải đi trên hai cái chân gỗ... Một bàn tay dong cao, một người đứng dậy nói: thưa đàn anh, đàn anh nói chí phải, chúng ta phải có một ống loa để tuyên truyền to, cô động lớn, mới giữ gìn cái công trình bấy lâu chúng ta đã chung sức tạo ra. Chúng ta gây sức mạnh để tiếp máu cho quốc sách đoàn thể chế, cái quốc sách đoàn thể chế của chúng ta thật dễ nuôi, nó sinh trong 1 trường hợp khó nhưng

mà rất dễ dưỡng. Mặt Lê Hùng lại đỏ gay, chàng hấp tấp nói: vâng, vâng chúng ta cần tiền quá, cả nước túng tiền... các bạn thử tưởng tượng sức bán chạy của tờ « lập luận », giá chính thức ở Huế có 4\$ mà vào tới Sài Gòn là 60\$ là 70\$ và có khi lên tới 140\$ như cách đây nửa tháng có ông bạn Sài Gòn ra chơi kể lại, người ta ào ào ra mua, xô xát nhau mà mua ghê quá! người ta dành nhau mua y hệt như người Huế tranh nhau mua cá nục, như người Huế mê ăn cá nục... Trầm chong mắt ghêch mồm nhìn Lê Hùng mỉm cười. Nàng nghĩ đến những con cá thon thon nục nục màu xanh xám, những con cá được sắp trên chiếc mẹt tròn... đó là sở thích say sưa của người dân Huế, nhà nào cũng ăn. Mỗi buổi chạng vạng cá biển Thuận An lên trễ chợ, người ta gánh chạy băng băng qua mấy nẻo đường rao in ôi: mua cá nục! mua cá nục! thế là sau các hàng dầu chè tàu mấy bà nội trợ rướn giọng hỏi ra: nục gai hay nục chuối đó!.. rồi mỗi bà mỗi cái rồ chạy ra cửa ngời xuống lựa lựa mua mua. Các bà mua không biết chán, hiện trong nhà vẫn còn, mà cứ mua ham mua kho một nồi lớn để dành ăn năm bảy ngày. Người Huế quan niệm cá biển càng kho nhiều lửa càng thấm càng ngon. Người Huế mê ăn cá nục chừng nào thì mê đọc báo « lập luận » chừng đó, mê kiếm hiệp Kim Dung chừng đó... Lê Hùng lại mỉm cười bay bướm: tờ báo thân yêu của tụi mình sẽ lấy tên là « Mặt trời Việt nam » chẳng hạn. Cử tọa ồn lên vài tiếng nói mặt trời Việt Nam, mặt, trời Việt Nam... ý nghĩa ghê à! Lê Hùng lại cười « mặt trời Việt Nam », hay gì gì cũng được tùy ý các bạn thương mà đặt tên cho. Chàng bỏ ngan vấn đề đi xuống 1 nhóm 5 người đang sôi

nổi bàn tán chuyện tờ báo. Một bạn trẻ hỏi chàng thừa anh rồi chúng ta sẽ sáng tác trong vòng kềm tỏa hay là ngoài vòng tự do? Lê Hùng thoáng 1 nét ngờ ngác, người bạn trẻ tiếp: nghĩa là... chúng ta chỉ sáng tác xây quanh vấn đề tranh đấu, ấy là không tự do, hoặc hay là sáng tác lung tung bất cứ đề tài gì. Lê Hùng vuốt tóc ồ ồ... sáng tác hál ấy là chuyện khó! làm báo thì bước đầu khó mà bước sau cũng khó, bước nào cũng là bước mạo hiểm bước nào cũng là bước nguy nan cái quan trọng thứ hai sau tiền bạc là làm sao cho tờ báo lúc nào cũng no bài vở, tràn ngập bài vở đầy đủ bài vở dự trữ... bởi đó chúng ta viết lung tung ma vương hà bá gì cũng được nhưng phải có một nội dung nào đó, phải hay, phải bắt mắt... nếu chủ trương chỉ viết hạn hẹp trong đề tài tranh đấu thì tờ báo dói ngay, ngáp được vài số là tòi; bởi đó phải tranh đấu xây dựng, lại cũng phải có lãng mạn phá phách. Bốn năm tiếng cười khi khi. Một sinh viên nói thừa anh em ham viết lắm, em sẽ viết thật nhiều bài ca tụng hòa bình. Lê Hùng xua tay ba hoa: hòa bình... hòa bình làm gì có, nói chơi cho vui miệng vậy thôi làm gì có... coi hòa bình như một nguồn cảm hứng đề sáng tạo thì được chứ nước Việt Nam này sức mảy mà hòa bình. Lê Hùng nhếch mép cười dường sức rồi tiếp: ngày xưa tổ cha chúng ta là Lạc Long quân, tổ mẹ chúng ta là Âu Cơ làm ái tình với nhau, ăn ở với nhau có với nhau một trăm mặt con trai rồi chán nhau, xung khắc nhau, để được một trăm thằng con trai sờ sờ ra đó mà còn li dị mà còn ly thân mà còn chia đôi số con rồi mạnh bà, bà đem lên núi, mạnh ông, ông mang xuống biển. Người xưa đã không

hòa, thì người nay, chúng ta hòa sao được. Gương xấu..., gương xấu của tiền nhân còn để lại ketch sù ra đó dạy cho chúng ta rằng chỉ ly khai chứ đừng liên hiệp... vậy nước Việt Nam đã lỡ chia làm hai nước nhỏ mất rồi thì chỉ đánh nhau đến cụt tay cụt chân cụt đầu thì thôi, giết nhau cho kỳ hết; hai đất nước còn lại hai người thì cũng vẫn có chuyện sinh sự lôi thôi, vẫn có chiến trường. Một công chức già cười lật lẻo: thừa ông anh, còn hai người cũng vẫn còn đánh... ngộ nhỡ còn một người đàn ông, một người đàn bà thì sao? ui ui.. ông anh lấu liên mồm mép quá. Người trẻ tuổi có mái tóc tứ quái ngồi bàn dưới chồm lên đàm chuyện: anh Hùng ơi, em thấy rằng tự tay tội mình ra được tờ báo là khoái rồi, không còn gì vẽ vạng hơn được nữa... em sẽ viết văn, viết cho sướng! nghề viết văn là nghề hay ngửa nhất, cùng nhau ta viết cho đã ngửa. Cả mấy tội cười lên hô hô rồi Lê Hùng quay trở lại bàn ngồi nghiêm chỉnh. Người công chức già ở góc phòng đứng lên với dáng điệu trịnh trọng: dạ thừa giáo sư, xin giáo sư cho anh em biết những kết quả thâu lượm được của đoàn thể chế ạ! Đôi mắt đẹp của Lê Hùng long lanh ngấn ngọc, chàng cười trước trả lời sau: cái đó, cái đó ở ở... trong cuộc sống bình thường đoàn thể chế được coi như 1 lực lượng chìm... còn khi biến, đoàn thể chế sẽ ngang nhiên xuất đầu lộ diện. Kết quả thâu hoạch được của đoàn thể chế tức là công trình đóng góp của mỗi một cá nhân chúng ta... Thừa thuyết trình viên, rồi tờ báo của chúng ta có theo cùng 1 tôn chỉ với tờ « lập luận » không ạ! Lê Hùng nhún vai đặt

tôn chỉ cho tờ báo chúng ta ư ... mệt lắm, sợ chi ai mà phải làm vậy, tôn chỉ chỉ là 1 cái có, một vấn đề xã giao. Thưa các bạn, điều lo lắng cho tôi nhất là chúng ta phải làm sao cho tờ báo có một lực lượng phòng thủ hùng hậu ... Ở trang đầu tờ báo, tôi sẽ được giữ mục kiểm chuyện, người dân kiểm chuyện để nói ... Đó, đắt như cá nục, bán chạy như cá nục là ở đó, là do cái mục kiểm chuyện mà ra. Lê Hùng quay sang Trầm đột ngột hỏi lớn: phải không Cô Trầm? bán chạy như cá nục phải không cô Trầm? Trầm trả lời bằng cái gật. Lê Hùng tiếp: tờ « lập luận » chiếm được lòng dân, chúng ta phải làm sao cướp lòng dân trên tay tờ « lập luận » ... đó mới là hách. Ngòi bút của chúng ta phải xuyên qua tin độc giả, đục thủng tâm can độc giả. Cứ tọa ổn lên sôi nổi, Lê Hùng tiếp: chúng ta chống tay, chong mắt chờ ... Khi nào chúng ta bị đàn áp bóp chẹt ... thì chúng ta sẽ chống trả, chỉ tên, vạch mặt, móc mắt, bươi gan, nện cho như cái độc tài ra. Người sinh viên có đôi cánh mắt đa sầu từ đầu cuộc ngồi im im như chiếc lọ cổ giờ đây đã cử động rồi phát âm: anh Hùng à, theo em thì không còn tấm báo nào được lòng dân hơn tờ « lập luận » nữa rồi, em nghĩ rằng trong một thành phố nhỏ như thành phố này một tờ báo như thế cũng đủ rồi, ra thêm nữa sợ thừa, chúng ta nên xúm lại tăng cường sinh lực cho nó có lẽ hơn. Lê Hùng đưa tay nắn cằm: anh bạn nói chí phải, nhưng ... chúng mình không có khí giới, nên phải có một tờ báo làm của tư hữu ... có thể nhờ đó sinh viên có được việc làm, một việc làm in ít, không ra báo ... chúng ta chặt

chặt quá, khó xoay trở. Báo « lập luận » tuy mang tiếng nói của phong trào tranh đấu do ta khởi xướng, nhưng căn bản không phải là sản phẩm của chúng ta. Báo « lập luận » với chúng ta tuy trọng ngoài là một nhưng xem trong vẫn là hai dù cả trên ý niệm cách mạng với nhau.

(còn tiếp)